

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 47, Chúa Nhật 12.08.2007

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Sứ Mệnh Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay	Gaudium Et Spes
THẨM HOẠ SAU MỘT GIẤY PHÉP	Anmai CSsR
HÃY TỎ RA TRỌNG KÍNH CON TRẺ (bài 2)	Lm. Lê Văn Quảng
NHÓM TIẾNG VỌNG	Nhà Văn Hương Vĩnh
Tác phẩm Giáo Hội Cần Loại Linh Mục Nào? (tiếp theo)	Lm Lê Công Đức chuyển ngữ
ÍT SUY TƯ VỀ TÍNH ĐẶC THÙ CỦA CƠ QUAN BÁC ÁI CARITAS CỦA GIÁO HỘI	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh
NHƯ CHIM TRỜI, NHƯ HOA HUỆ NGOÀI ĐỒNG	Lm. Vũ Xuân Hạnh
TÌNH YÊU KHÔNG NÓNG GIẬN	Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy chuyển ngữ
Hiện Trạng Bệnh HIV/AIDS	Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức
TÌNH TẠC	Chuyện phiếm của Gã Siêu

Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay **Gaudium Et Spes**

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương IV

Sứ Mệnh Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay 44*

40. Tương quan giữa Giáo Hội và thế giới. Tất cả những gì chúng ta đã trình bày về phẩm giá con người, về cộng đoàn nhân loại, về ý nghĩa sâu xa của hoạt động nhân loại tạo thành căn bản cho sự tương quan giữa Giáo Hội và thế giới cũng như nền tảng cho cuộc đối thoại giữa đôi bên ¹. Bởi vậy, dựa trên tất cả những gì về mẫu nhiệm Giáo Hội mà Công Đồng này đã tuyên bố, trong chương này sẽ phải đề cập đến cũng chính Giáo Hội, xét như thực tại hiện diện ở thế giới này, cùng sống và cùng hoạt động với thế giới ấy.

Phát sinh từ tình yêu Chúa Cha muôn đời ², do Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ thiết lập trong thời gian, được qui tụ trong Chúa Thánh Thần ³, Giáo Hội có mục đích cứu rỗi và canh chung. Mục đích này chỉ có thể thành tựu trọn vẹn trong thời kỳ sẽ đến. Nhưng giờ đây Giáo Hội đã hiện diện trên trái đất này rồi, được qui tụ gồm những con người là phần tử của xã hội trần gian; họ được kêu gọi để hợp thành gia đình các con cái Thiên Chúa ngay trong lịch sử nhân loại, ngõ hầu tăng trưởng luôn mãi cho tới khi Chúa đến. Hiệp nhất để nhằm đạt những của cải thiêng liêng, trở nên giàu có vì những của cải ấy, gia đình này "như một xã hội được thiết

lập qui củ trên trần gian" ⁴, được trang bị "các phương thể thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình" ⁵. Như thế, là "một đoàn thể hữu hình và là cộng đoàn thiêng liêng" ⁶, Giáo Hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần thế với thế giới; Giáo Hội như men và hồn của xã hội loài người ⁷, sẽ được đổi mới trong Chúa Kitô và biến thành gia đình của Thiên Chúa.

Thực ra, sự tương nhập giữa hai xã hội trần thế và thiên đàng chỉ có thể nhận thức được qua đức tin. Hơn nữa, đó còn là một mẫu nhiệm của lịch sử nhân loại, một lịch sử bị tội lỗi xáo trộn cho đến khi vinh quang con cái Thiên Chúa được mạc khải đầy đủ. Tuy nhiên trong khi đeo đuổi mục đích cứu rỗi cá biệt của mình, Giáo Hội không phải chỉ truyền thông sự sống Thiên Chúa cho con người, nhưng còn chiếu giải ánh sáng của đời sống ấy cách nào đó trên toàn thế giới. Giáo Hội làm công việc này, trước hết bằng cách chữa trị và nâng cao phẩm giá nhân vị, củng cố cơ cấu của xã hội nhân loại và thẩm nhuần cho hoạt động thường nhật của con người một chiều hướng và một ý nghĩ sâu xa hơn. Như thế, nhờ từng phần tử và tất cả cộng đoàn, Giáo Hội tin tưởng có thể đóng góp nhiều vào việc biến đổi gia đình và lịch sử loài người trở nên nhân đạo hơn.

Ngoài ra, Giáo Hội Công Giáo sẵn sàng tán thưởng những việc mà các Giáo Hội Kitô giáo hay các cộng đoàn giáo hội khác đã và còn đang thực hiện để đóng góp vào việc chu toàn cùng một bốn phận này. Đồng thời, Giáo Hội xác tín mạnh mẽ rằng thế giới có thể có nhiều cách góp phần lớn lao vào việc dọn đường cho Phúc Âm bằng tài năng và hoạt động cá nhân cũng như của xã hội. Sau đây là một vài nguyên tắc tổng quát để phát triển đúng mức mối tương quan và tương trợ trong những phạm vi mà Giáo Hội và thế giới có phần chung nhau.

41. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng công hiến mỗi người. Con người hiện đại đang trên đường phát triển trọn vẹn nhân cách của mình và càng ngày càng xác định quyền lợi của mình rõ rệt hơn. Được trao phó nhiệm vụ tỏ bày mẫu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng làm cùng đích của con người, Giáo Hội cũng đồng thời tỏ cho con người biết ý nghĩa của cuộc đời con người, tức là sự thật thâm sâu về con người. Giáo Hội biết chắc rằng chỉ có Thiên Chúa mà Giáo Hội phụng sự mới đáp ứng được các ước vọng sâu xa nhất của lòng người. Lòng người không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với những của ăn trần thế. Giáo Hội cũng biết rằng con người được Thánh Thần Chúa không ngừng thúc đẩy, sẽ không bao giờ hoàn toàn lãnh đạm trước vấn đề tôn giáo, như kinh nghiệm quá khứ và nhiều chứng tích của thời đại chúng ta minh chứng. Thực vậy, con người luôn khao khát muốn biết, ít là một cách mơ hồ, cuộc sống, hoạt động và cái chết của mình có ý nghĩa gì. Chính sự hiện diện của Giáo Hội nhắc nhở cho con người nhớ đến những vấn đề ấy. Chỉ có Thiên Chúa là Đấng tạo dựng con người giống hình ảnh Ngài và cứu thoát con người khỏi tội lỗi, mới giải đáp đầy đủ các vấn đề ấy. Ngài giải đáp bằng cách mạc khải trong Con của Ngài là Chúa Kitô, Đấng đã hóa thân làm người. Ai theo Chúa Kitô, Con Người hoàn hảo, kẻ ấy sẽ được trở nên người hơn.

Dựa trên đức tin ấy Giáo Hội có thể cứu gỡ phẩm giá của bản tính con người khỏi mọi trào lưu tư tưởng di động không ngừng giữa sự khinh dể và tôn sùng thái quá đối với thân xác con người. Không một luật lệ nào có thể đảm bảo phẩm vị và tự do con người cách thích đáng bằng Phúc Âm Chúa Kitô, đã được trao phó cho Giáo Hội. Thực vậy, Phúc Âm loan báo và công bố sự tự do của con cái Thiên Chúa, phủ nhận mọi hình thức nô lệ vì mọi ách nô lệ rốt cuộc đều bởi tội lỗi mà ra ⁸. Phúc Âm tôn trọng triệt để phẩm giá và quyết định tự do của lương tâm, lại không ngừng nhắc nhở phát huy mọi tài năng để phụng sự Thiên Chúa và mưu ích cho mọi người. Sau hết, Phúc Âm còn dạy mọi người phải thương yêu nhau ⁹. Những điều đó phù hợp với luật căn bản trong nhiệm cuộc cứu rỗi của Kitô giáo. Vì, tuy Thiên Chúa vừa là Đấng Cứu Độ, vừa là Đấng Tạo Dựng, vừa làm Chủ lịch sử nhân loại, vừa làm Chủ lịch sử cứu rỗi, nhưng trong chính chương trình của Thiên Chúa, sự tự trị đúng mức của tạo vật và nhất là của con người không hề bị hủy diệt, trái lại còn được phục hồi và củng cố trong phẩm giá riêng.

Vậy, Giáo Hội dựa vào Phúc Âm đã được ủy thác cho mình mà công bố những quyền lợi của con người, nhìn nhận và tôn trọng năng động của thời hiện đại hiện đang cổ võ những quyền lợi ấy khắp nơi. Tuy nhiên, những trào lưu đó phải được thẩm nhuần tinh thần Phúc Âm và phải được bảo vệ cho khỏi nhiễm mọi hình thức tự trị sai lầm. Thực vậy, chúng ta dễ bị cám dỗ nghĩ rằng các quyền lợi của chúng ta chỉ được duy trì trọn vẹn khi trút bỏ mọi Luật Lệ của Thiên Chúa. Nhưng thực ra, đó là đường lối làm cho phẩm giá con người chẳng những không được duy trì mà còn bị tiêu tan đi. ^{45*}

42. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng mang đến cho xã hội nhân loại. Sự thống nhất gia đình nhân loại được củng cố và bổ túc ^{46*} nhiều nhờ sự hiệp nhất của gia đình con

cái Chúa đã được thiết lập trong Chúa Kitô [10](#).

Sứ mệnh riêng biệt mà Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội Người không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế hay xã hội: mục đích Người đã ấn định cho Giáo Hội thuộc phạm vi tôn giáo [11](#). Nhưng, bởi chính sứ mệnh tôn giáo ấy, phát sinh bốn phận, ánh sáng và những sức mạnh có thể giúp thiết lập và củng cố cộng đoàn nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa; cũng thế, khi có nơi nào cần, chính Giáo Hội có thể và hơn nữa, phải phát động, tùy theo hoàn cảnh thời gian và nơi chốn, những công cuộc nhằm phục vụ mọi người, nhất là những người cùng khổ, thí dụ như các công cuộc từ thiện hoặc những tổ chức khác tương tự.

Giáo Hội còn nhìn nhận tất cả những gì tốt đẹp trong năng động xã hội hiện tại: nhất là sự tiến tới hiệp nhất, tiến trình xã hội hóa lành mạnh và sự liên đới trong phạm vi công quyền và kinh tế. Thực vậy, việc cổ vũ hiệp nhất phù hợp với sứ mệnh sâu xa của Giáo Hội, vì chính Giáo Hội ở "trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại" [12](#). Như thế, chính Giáo Hội bày tỏ cho thế giới biết rằng sự hiệp nhất bên ngoài trong phạm vi xã hội bắt nguồn từ sự hiệp nhất tâm trí, nghĩa là từ đức tin và đức mến, căn bản hiệp nhất bất khả phân ly của Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Sinh lực mà Giáo Hội có thể chuyển thông cho xã hội nhân loại ngày nay là đức tin và đức mến ấy, được thể hiện trong cuộc sống, chứ không phải do thể lực bên ngoài nào dựa vào những phương thế hoàn toàn nhân loại.

Hơn nữa, bởi sứ mệnh và bản chất, Giáo Hội không cấu kết với một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, hoặc một chế độ chính trị, kinh tế hay xã hội nào. Nhờ tính cách phổ quát ấy, Giáo Hội có thể là một mối dây liên kết hết sức chặt chẽ giữa các cộng đoàn nhân loại và các quốc gia khác nhau, miễn là các quốc gia và cộng đoàn nhân loại ấy tin tưởng vào Giáo Hội và thực sự nhìn nhận Giáo Hội có quyền tự do đích thực để chu toàn sứ mệnh mình. Vì vậy, Giáo Hội khuyến cáo các con cái mình và hết mọi người: hãy vượt qua mọi tranh chấp giữa các quốc gia, chủng tộc trong tinh thần gia đình con cái Thiên Chúa và củng cố các hiệp hội nhân loại chính đáng.

Công Đồng quý trọng ngưỡng mộ tất cả những gì chân thật, tốt lành và chính đáng trong các tổ chức rất khác biệt mà nhân loại đã và còn đang không ngừng thành lập cho mình. Công Đồng cũng tuyên bố rằng: Giáo Hội muốn trợ giúp và cổ vũ mọi tổ chức ấy trong những gì liên hệ và khả dĩ phù hợp với sứ mệnh của Giáo Hội. Giáo Hội không ao ước gì hơn là được tự do phát triển dưới mọi chế độ để phục vụ lợi ích mọi người, miễn là các chế độ này nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người, của gia đình và những đòi hỏi của công ích.

Chú Thích:

(lưu ý: những số ghi chú nhỏ hơn đã được đăng vào những số báo trước)

44* Trong chương này Công Đồng muốn trình bày vai trò của Giáo Hội ở giữa thế giới (40a): Trước hết, nhắc lại khởi nguyên của Giáo Hội, mục đích, phần tử (40b), sứ mệnh siêu nhiên cũng như tự nhiên (40c), và sự cộng tác cần thiết của mọi người (40d).

1) Vai trò đối với từng cá nhân (tương ứng với chương I trên đây): Giáo Hội soi sáng ý nghĩa ước ao của con người (41a), Giáo Hội cũng bảo vệ nhân phẩm đích thực (tìm thấy ở giữa một số cực đoan) (41b) và công nhận nhân quyền rồi đem tinh thần Phúc Âm vào việc cổ vũ quyền lợi ấy (41c).

2) Đối với xã hội (tương ứng với chương II): Giáo Hội giúp đỡ nhân loại hiệp nhất chặt chẽ hơn (42a) và đem tinh thần mới nhập vào cơ cấu xã hội. Hoạt động xã hội của Giáo Hội như vậy là hợp lý (42b,c,d).

3) Đối với sinh hoạt xã hội (tương ứng với chương III): Đức tin đòi phải chu toàn nhiệm vụ sinh hoạt xã hội (43a). Đó là phận vụ riêng biệt của giáo dân đã được đào tạo và có trách nhiệm (43b). Họ phải cộng tác với người khác và lo cho ích chung (43c), trong khi đem tinh thần Kitô giáo và sinh hoạt đó (43d). Phần giáo sĩ, các ngài phải soi sáng giáo dân và phải làm gương về các đức tính xã hội (43e). Là dấu chứng về sự cứu độ, Giáo Hội phải luôn luôn nỗ lực để tự tinh luyện (43f).

4) Thế giới cũng giúp đỡ Giáo Hội: Khi Giáo Hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh khác nhau và tìm cách rao giảng Phúc Âm một cách thích nghi, thì chính Giáo Hội trở nên phong phú hơn (44a,b). Đàng khác mọi tiến bộ nhân loại cũng giúp ích cho Giáo Hội (44c).

5) Giáo Hội phục vụ thế giới khi làm tròn sứ mệnh riêng là mở rộng nước Thiên Chúa (44a) và rao giảng về Chúa Kitô, Đấng đã sáng lập mọi sự đồng thời là trung tâm điểm, là

cùng đích của mọi sự (44b,c).

45* Đối với con người hiện nay, con người giàu có với mọi hình thức nhân bản, với tất cả những tiến bộ khoa học và xã hội, Giáo Hội có thể đem đến lợi ích gì? Giáo Hội đem lại ánh sáng chính yếu để con người tự biết mình và bảo vệ nhân phẩm. Nếu không biết Thiên Chúa, con người làm sao hiểu biết sự thật thâm sâu về mình được. Không biết mình, con người không thể nào trả lời cho những vấn nạn căn bản về ý nghĩa cuộc sống, sinh hoạt và sự chết. Không biết Chúa Kitô là con người hoàn hảo, con người không thể nào trở nên đầy đủ (41a). Khi nào tự biết mình và phẩm giá đích thực của mình, con người mới có thể lên tiếng đòi cho mình các quyền lợi nhân bản một cách đầy đủ và hợp lý cũng như xứng hợp với đức tin.

46* Công Đồng đã nhắc lại sự thống nhất của nhân loại (số 29) có nền tảng tự nhiên là sự thống nhất sinh vật, sự thống nhất về bản tính và do đó về các quyền lợi căn bản. Và lại bản tính xã hội sẽ thúc đẩy con người hiệp nhất một ngày một hơn (số 6,25). Mặt khác sự thống nhất của nhân loại cũng có nền tảng siêu nhiên, vì, như đức tin dạy, tất cả mọi người được Thiên Chúa dựng nên và có cùng một cứu cánh là chính Thiên Chúa. Tất cả đã được Chúa Kitô cứu chuộc, tất cả đã được mời gọi để trở nên con cái Thiên Chúa và anh em với nhau. Luật mới của những con người mới ấy là luật thương yêu lẫn nhau.

Vì là một thân thể, một dân tộc duy nhất, Giáo Hội giúp đỡ nhân loại thực hiện lý tưởng thống nhất. Vì là bí tích, tức là dấu chứng và dụng cụ để giúp đỡ nhân loại kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và hiệp nhất với nhau (42c), Giáo Hội góp phần lớn lao để thống nhất loài người. Đó chính là sứ mệnh của Giáo Hội vậy (số 92a).

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

THẨM HOẠ SAU MỘT GIẤY PHÉP

Đau đớn quá ! Ác quá !

Đó là những lời tóm tắt sau khi đọc bài báo "Phá thai bằng thuốc" trên báo Thanh niên đăng tải ngày thứ năm 26-07-2007

Một quyết định, một phán quyết của một cơ quan có thẩm quyền thường thì mang lại ích lợi cho nhân dân, cho tổ quốc nhưng đôi khi có vài phán quyết phải xem lại cái hậu quả đằng sau sự phán quyết ấy.

"Phá thai bằng phương pháp nội khoa" (phá thai bằng thuốc) đã được Bộ Y tế cho phép nghiên cứu thực hiện từ năm 2002 ..." Đau quá các vị có trách nhiệm ơi!

Đọc bài báo này, tôi trộm nghĩ sao con người ta lại ác quá ! Không nghĩ đến hậu quả, không nghĩ đến tiếng nói của lương tâm đảng sau một phán quyết.

Có phải phá thai bằng mọi cách là cách tốt nhất của con người, là đúng với tiếng nói lương tâm của con người chăng ? Nếu lương tâm của quý vị cho phép thì xin mời quý vị cứ tiếp tục làm. Còn lương tâm của quý vị còn một chút tiếng nói nhỏ nhoi thì xin quý vị hãy lắng nghe tiếng nói của lương tâm tự trong lòng quý vị trước khi quyết định.

Rõ khổ, khoa học phát triển tốt để phục vụ con người nhưng đôi khi phát triển của khoa học lại âm thầm giết hại con người và con người lại hân hoan, lại vui mừng trước nghiên cứu này.

Đứng trước tệ nạn phá thai báo động cực đo SOS thì những người có trách nhiệm và mọi người phải bắt tay vào để ngăn chặn chứ ! Đảng này lại tìm đủ mọi cách để phá thai một cách kín đáo hơn, một cách nhẹ nhàng hơn và ít tốn kém hơn.

Nhớ lại vài chục năm trước đây, khi đất nước và con người chưa phát triển thì tình trạng phá thai chẳng hề được để ý đến. Ông bà ta ngày xưa sinh nở cứ như gà : chục, chục một

nhưng rồi đã nuôi cho ăn học thành tài. Ngày nay không phủ nhận khi phải đối diện với một nền kinh tế thị trường thì phải chăm lo gia đình một cách tốn kém hơn, vất vả hơn. Đâu có thể viện vào lý do của cuộc sống để ta tự vấn lương tâm ta bằng sự phá thai đi cho rảnh nợ !

Vâng ! Đứng trước mắt thì có thể là rảnh nợ thật đấy, rảnh được một mối lo thật đấy nhưng đó chỉ là cái rảnh nợ, cái mối lo giải quyết một cách giả tạo. Còn đó một vết thương lòng, một tiếng nói của lương tâm, một tiếng nói của sinh linh bé bỏng chưa kịp cất tiếng khóc chào đời.

Cả xã hội đều biết được tệ nạn và hậu quả của phá thai.

Tệ nạn đó là do đời sống ăn chơi trác táng, buông thả, không mục đích, không lý tưởng nơi một số người trẻ.

Hậu quả đó là có những người mất mạng vì phá thai, có người sẽ vô sinh khi phá thai. Nhưng đó chỉ là hậu quả về mặt thể xác thôi, còn tâm hồn, lương tâm thì chỉ có chính đương sự là cái người ký giấy quyết định hủy diệt mầm sống trong mình mới biết mà thôi.

Tệ nạn và hậu quả có đó và chuyện quan trọng không phải là nghiên cứu, là cho phép tìm phương pháp phá thai an toàn, phá thai kín đáo, phá thai rẻ tiền. Chuyện quan trọng là làm sao ta giáo dục con người từ những ngày chập chững biết đi sống làm sao cho có nhân có nghĩa, có tình người chứ không phải đợi đến lúc có thai là đi phá thai.

Tôi chợt nhớ đến bài hát của linh mục Thành Tâm mang đậm một ý nghĩa nhân sinh : "... Thà làm thân cỏ cây, đoá hoa rừng, ngả nghiêng trước gió, kiếp chim xanh, cánh tung trời mây nơi miền xa vắng, sóng vỗ ngoài khơi. Vì đời muôn cỏ cây không bao giờ làm ai oán hờn ..."

Vâng ! Thà làm cỏ làm cây, làm chim làm cơn sóng vỗ ngoài khơi mà chẳng bao giờ gây hận gây oán với ai cả. Chứ làm người mà còn tệ hơn cỏ hơn cây thì làm người làm gì ? Làm người làm gì để đi sát hại con người và nhất là sát hại chính giọt máu của mình nhỉ ! Làm người gì mà lạ thế nhỉ ? Thử hỏi cây, cỏ, chim chóc, động vật có bao giờ nghĩ đến cái chuyện phá thai, hủy hoại mầm sống đang nẩy lên trong mình không mà con người, loay hoay mãi, loay hoay đủ mọi cách để tìm cách giết hại sinh linh bé bỏng của mình một cách tốt nhất, nhanh nhất, rẻ nhất !!!

Xin các bạn trẻ đã, đang và sẽ bước vào đời sống gia đình hãy tự vấn lòng mình, tự vấn lương tâm trước một quyết định quá ác là giết đi chính mầm sống nơi mình. Xin đừng thấy ngành y khoa phát triển để rồi chạy theo sự phát triển ấy mà làm mất đi nhân tính, đánh mất đi tình người.

Ngày 27-07-2007 là ngày mà cả nước tưởng nhớ, cúi mình trước hàng ngàn, hàng vạn vong linh đã xả thân vì nước, vì dân vì tổ quốc.

Chắc có lẽ hôm nay, ngày mà Bộ Y tế cho phép nghiên cứu thực hiện việc "Phá thai bằng phương pháp nội khoa" (phá thai bằng thuốc) hay là ngày 26-07-2007 – ngày mà bài báo này được đăng tải – cả nước ta cũng tưởng nhớ, cúi mình trước hàng triệu, hàng triệu sinh linh bé bỏng bị giết từ trong trứng nước.

Tại sao ta nhớ những người hy sinh vì nước, vì dân, vì tổ quốc mà ta không nhớ đến những mầm sống, những sinh linh, những giọt máu bé bỏng đã hy sinh vì ích kỷ, vì lối sống cuồng, sống vội, sống buông thả của con người.

Xin gửi một lời nhỏ bé tự đáy lòng xin lỗi hàng triệu, hàng triệu sinh linh vô danh đã bị các bậc cha mẹ, các người có trách nhiệm liên quan giết hại hàng năm trên mảnh đất Việt thân thương này. Xin đốt lên một nén hương lòng để kính nhớ các anh hài đã lặng lẽ hy sinh đời mình khi chưa được cất một tiếng khóc để chào đời.

HÃY TỎ RA TRỌNG KÍNH CON TRẺ (bài 2)

Cu Thịnh, 9 tuổi, bán mộ viên đá quý trong bộ sưu tập đá của nó cho một trong những đứa bạn của nó. Khi ông bố khám phá ra điều đó, ông rất giận dữ. Trước nhất vì bạn nó, 14 tuổi, lớn hơn nó nên biết nhiều về giá trị của viên đá. Thứ hai là vì cậu bé trước khi bán viên đá quý đó đã không chịu hỏi ý kiến ông bố. Vì thế, khi biết được, ông bố đã giận dữ và quở mắng cậu bé một trận, khiến cho tình bạn giữa những đứa trẻ bị ảnh hưởng và làm cho bé Thịnh cảm thấy xấu hổ và mặc cảm.

Quyết định bán hay không là quyền của cậu bé. Quyết định này cần phải được kính trọng. Tình hình có thể được giải quyết một cách khéo léo để tỏ ra kính trọng cậu bé và cũng cho phép nó tự kính trọng chính mình. Khi cậu bé tỏ cho bố thấy đó là một viên đá quý, ông bố cũng có thể cho thấy ông có cùng sự thích thú và bỏ qua vấn đề. Vào một ngày nào đó, ông bố có thể giúp cậu bé khám phá ra giá trị tương đối của những viên đá đó mà không lưu ý đến việc buôn bán. Cậu bé sẽ thấy rằng nó đã bị lừa dối để mất viên đá quý mà không cảm thấy nhục nhã. Khi ông bố la mắng, ông muốn ám chỉ rằng cậu bé lẽ ra nên biết nhiều hơn, tại sao lại quá khờ khạo như vậy, và rằng điều mà nó đã làm là một chuyện sai lầm. Tuy nhiên, một đứa bé chưa có kinh nghiệm về điều đó, làm sao nó có thể biết được? Ông bố mong đợi quá nhiều nơi cậu bé. Lẽ ra, cậu bé phải được cho thấy rằng sau khi đã làm một quyết định, đó là một vinh dự cần được duy trì. Trong cách thể đó, tình trạng xung khắc biến thành tình trạng giáo dục và tình thân thiện được bảo vệ.

Một ngày nọ, cả gia đình ra công viên chơi, cu Chinh 11 tuổi, kéo nài mẹ cho nó tiền để ngồi trên những chiếc xe hơi. Nhưng hai cô bé, Thoa 9 tuổi và Thủy 7 tuổi, muốn đi vào xem trò chơi trong khi cu Chinh vẫn cứ đòi lái xe. Bà mẹ từ chối. Mỗi khi cậu bé cảm thấy hồi hộp, giọng nói "cà lâm" của nó càng gia tăng và âm thanh nghe như một đứa trẻ thơ mới học bập bẹ. Cuối cùng, mẹ nó quay lại nhái giọng nó và đùa với nó. Bé Thoa và Thủy phát cười còn cu Thịnh bặm chặt môi lại, chống lại những giọt nước mắt đang tuôn trào và lê bước đằng sau họ.

Chế giễu đứa trẻ vì bất cứ lý do gì đều cho thấy sự thiếu kính trọng và chắc chắn không phải là một cách thể giáo dục. Sự việc cậu bé càng nói "cà lâm" khi nó lo lắng hồi hộp, cho thấy đó là một căn bệnh đáng buồn cho nó. Sự đùa giỡn, trêu chọc càng củng cố cảm thức bệnh tật của nó rằng nó không có cách nào để đối đầu với địch thủ và rằng không có hy vọng gì cho nó. Sự kính trọng cậu bé có thể được chứng tỏ bằng cách từ khước chấp nhận sự đánh giá sai lầm của nó về chính nó. Bà có thể nói: "Chúng ta đi về phía trò chơi con ạ!", một câu nói ngắn gọn cũng đủ để giải quyết vấn đề của cậu bé mà không phải làm cho nó thêm mặc cảm về chính nó.

Một sự bất đồng ở công viên là một sự thường thấy. Nó có thể được giải quyết một cách dễ dàng. Trước khi gia đình ra đi, một sự quyết định rõ ràng dứt khoát được thỏa thuận như mỗi đứa được chi dùng bao nhiêu. Những giới hạn vì lý do an toàn như cỡi xe cũng phải được cắt nghĩa rõ ràng trước khi ra khỏi nhà. Nếu bố mẹ kính trọng sự cứng rắn của họ, việc ra ngoài có thể có được sự vui vẻ và thích thú. Bấy giờ trẻ con được tự do quyết định chọn lấy điều chúng thích phù hợp với những quy định đã được thỏa thuận. Trong cách thể đó, chúng học lấy cách chi tiêu tiền bạc cũng như thời giờ để mua lấy sự thích thú kéo dài cho một ngày vui của chúng. Nếu không, cuộc đời sẽ biến thành tình trạng xung khắc, cãi vã, và chán nản cho hết mọi người.

Kính trọng con trẻ có nghĩa là chúng ta coi chúng như một con người với tất cả những quyền căn bản như chúng ta. Nhưng, nói như vậy không có nghĩa là trẻ con có thể làm bất cứ gì như người lớn. Mỗi người trong gia đình đều có vai trò khác biệt để hoàn thành và mỗi người có quyền được kính trọng trong vai trò của mình.

Im.lêvănquảng, Tiến sĩ Tâm lý.

NHÓM TIẾNG VỌNG

Đây là nhóm do chị **Nguyễn Thị Vinh** thành lập. Chị là một giáo dân, vì xót thương những bệnh nhân AIDS bị bỏ rơi, đã cùng với gia đình ra tay giúp đỡ. Gương hy sinh của chị đã lôi cuốn nhiều giáo dân khác – nam cũng như nữ, trẻ cũng như già, đủ mọi thành phần xã hội – tham gia nhập cuộc để băng bó vết thương đau của những nạn nhân xấu số này.

Nhóm được thành lập năm 1999, lúc đầu chỉ có hơn chục người, không trụ sở, chẳng nguồn tài trợ. Tài sản lớn nhất của nhóm là *sự đoàn kết và những tấm lòng đầy nhiệt huyết*. Thế rồi tất cả cũng dần dần ổn định, dù còn rất nhiều khó khăn.

Hiện tại, thành viên nhóm Tiếng Vọng độ 30 người, có người khỏe mạnh, có người nhiễm HIV. Nhưng tất cả đều giống nhau một điểm là *tấm lòng thương yêu đối với bệnh nhân*.

TIẾT MỘT

SỰ HÌNH THÀNH NHÓM TIẾNG VỌNG

Được cha Nguyễn Viết Chung giới thiệu, tôi đã đến thăm chị Nguyễn Thị Vinh tại tư gia và tại hai gian phòng nhỏ nằm khuất sau nhà thờ giáo xứ *Phú Trung* là nơi chị săn sóc bệnh nhân HIV/AIDS mỗi buổi sáng, từ thứ hai đến thứ bảy, để tìm hiểu nhóm “Tiếng Vọng”.

Tư gia chị Nguyễn Thị Vinh

Tôi đến thăm chị Vinh vào trưa Chúa nhật tại đường *Cách Mạng Tháng Tám* (tức Lê Văn Duyệt trước kia), vào hạ tuần tháng 10/2006. Đó là một căn nhà hai tầng lầu, phía trước cho người ta mượn để sửa xe gắn máy. Chúa nhật là ngày duy nhất trong tuần chị được nghỉ ngơi để chăm lo việc nhà, vì những ngày khác chị bận săn sóc bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS.

Địa chỉ chị Nguyễn Thị Vinh:
876/27 CMT8 P.5
Q. Tân Bình TP HCM
ĐT: (08) 846 0494
DĐ: 0908 325899
Email: echovinh@yahoo.com

Vừa bước vào nhà, sau khi chào hỏi xong, chị mời tôi ngồi xuống ghế salon. Những cú điện thoại tới tấp. Tôi phải đợi khoảng mười lăm phút, chị mới có thể tiếp chuyện được.

Chị Vinh không có dáng dấp khác thường, khiến người ta có thể đoán biết chị là một giáo dân được *ơn gọi đặc biệt* như thế. Thấy chị có vẻ xông xáo, năng động và còn nhiều năng lực, tôi có cảm tưởng chị là một doanh gia nhiều hơn.

Ơn gọi của chị

Qua sự trao đổi với tôi, chị cho biết cách đó khá lâu, chị làm ăn phát đạt, làm sở hữu mấy căn nhà. Nhưng chị cũng nhận ra rằng của cải, tài sản dù có nhiều đến đâu khi chết cũng không mang theo được. Từ đó, chị cảm thấy ơn gọi phải phục vụ người khác hơn là kiếm tiền.

Trước kia đã lâu, nhân tham dự một cuộc tĩnh tâm ở Dòng Chúa Cứu Thế, chị cảm thấy ơn gọi dẫn thân phục vụ cho những nạn nhân xấu số đang mang *căn bệnh thế kỷ là HIV/AIDS*. Chị may mắn được chồng vốn là một người tu xuất, đã hỗ trợ chị trong công tác này. Ngoài ra các con của chị cũng giúp đỡ chị nữa.

Săn sóc tại gia

Trước khi thi hành công tác phục vụ bệnh nhân HIV/AIDS, chị Vinh đã đi khắp nơi, từ trại cùi, nhà trẻ mồ côi đến các vùng dân tộc thiểu số... làm công tác xã hội - từ thiện, nhưng công việc phục vụ như bây giờ thì quả thật chị chưa từng nghĩ tới. Tất cả như một sự xếp đặt và khi chị đã dính vào rồi thì không thể dứt ra được nữa.

Khi bắt tay vào việc chăm sóc bệnh nhân AIDS, trước tiên chị đi khắp hang cùng ngõ hẻm, lượm lặt những kẻ đang cận kề cái chết để lau rửa vết thương, thay quần áo, cho thuốc men... Nhặt được bệnh nhân đang trong cơn nguy kịch là chị đưa ngay đến bác sĩ. Nhiều người từ chối thẳng thừng, thậm chí còn mắng chị rồi hơi, "*ôm rơm nặng bụng*", chỉ đến lúc biết chị là tham vấn viên, họ mới dịu bớt.

Sức người có hạn, đất Sài Gòn lại rộng mênh mông, chạy suốt ngày vẫn không xuể, chẳng còn cách nào khác, chị bấm bụng thuê một căn nhà trên *đường Lê Văn Quới, huyện Bình Chánh* làm nơi tá túc cho các bệnh nhân để dễ bề chăm sóc. Được một thời gian, hết tiền, chị liều mạng đưa luôn họ về nhà, nhưng nhà thì chật, lại còn chồng con, hàng xóm... Nhà đó chính là nơi chị đang tiếp tôi.

Với vốn liếng y học ít ỏi, nhưng chị vẫn xông xáo. Nhìn thấy gương hy sinh của chị, từ từ nhiều tình nguyện viên tham gia và trở thành "**nhóm Tiếng Vọng**".

Năm 2002, chị có tham gia khoá học chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS do *UNICEF* tổ chức tại Hà Nội và năm 2004, chị đã tham gia khoá huấn luyện chăm sóc và điều trị HIV/AIDS do Ủy Ban Phòng Chống AIDS TP Saigon phối hợp với chương trình *ESTHER* của Pháp tổ chức.

Tuy nhiên việc chị săn sóc bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS tại gia cũng đã khiến *lối xóm phần nộ chống đối*. Chị cũng phải mất công phân giải để họ thông cảm. Lúc bấy giờ chị quen biết một linh mục làm phó xứ và ngài cũng cảm thông với công tác hoạt động tông đồ của chị.

Ít lâu sau, cha đó được bổ nhiệm làm chánh xứ của một họ đạo. Đó là cha xứ *nhà thờ Phú Trung, Phường 11, Q.Tân Bình*. Ngài cho chị mượn hai phòng trong giáo xứ: thể là có chỗ để khỏi phải chạy đôn chạy đáo khắp nơi, dù thời gian chỉ được sử dụng từ sáng đến trưa.

Trong lúc chị đang nói chuyện với tôi khoảng hai tiếng đồng hồ thì những cú điện thoại thỉnh thoảng cứ vang lên, chị phải ngưng lại để trả lời rồi nói chuyện tiếp.

Yêu cho đến cùng

Vào năm 2004, nhóm "Tiếng Vọng" đã xuất bản "*Đặc San số 5*", với tựa đề "**Yêu Cho Đến Cùng**" nhằm trình bày những công tác của Nhóm đã thực hiện. Vào thời điểm đó, Nhóm được 5 tuổi. Nhân dịp đến thăm chị, tôi được chị trao tặng một tập đặc san này mà nội dung nói lên tính cách đa dạng của nhóm, quay chung quanh trọng điểm "**tình yêu**".

Lưu Nguyễn Thảo Vân là một nhóm viên đã nói lên "**Con đường tình yêu**" của nhóm Tiếng Vọng như sau: Tôi chợt nhớ đến câu: "*Bạn hãy cứ cho đi và đừng đòi hỏi sẽ nhận lại được gì vì bạn sẽ nhận nhiều hơn những gì bạn đã cho đi...*" Đúng là tôi (*Thảo Vân*) đã nhận được rất nhiều từ những bệnh nhân. Tất cả rồi cũng sẽ qua đi, cũng sẽ nhạt nhòa và tàn phai theo năm tháng. Chỉ còn lại *tình yêu*, tình đồng loại giữa con người với con người. Càng dần thân vào con đường phục vụ mọi người, tôi càng thấm thía bài thánh ca thuở nào: "*Người ơi hãy nhớ mình là tro bụi, một mai người sẽ trở về bụi tro...*"

TIẾT HAI

PHÒNG KHÁM BỆNH TẠI GIÁO XỨ PHÚ TRUNG

Săn sóc bệnh nhân tại giáo xứ

Trong một bài viết gần đây, *Ngọc Anh – Thanh Thúy* đã mô tả cảnh tượng săn sóc bệnh nhân AIDS tại giáo xứ Phú Trung như sau:

Vài bệnh nhân được người nhà đưa đến khám, chỉ còn da bọc xương, vật vờ như cái bóng. Nhìn không gian tĩnh lặng, ít ai biết trong hai căn phòng nhỏ ấy có những thiên thần đang tắt bật, gồng mình giành giật từ tay tử thần chút thời gian ít ỏi cho các bệnh nhân AIDS.

Chị Vinh nhẹ nhàng dùng tay nắn khối hạch to như trái cam, đỏ lừ dưới cổ cô gái, dịu dàng nói: *"Con vẫn hút thuốc à? Cô đã nói con đừng hút nữa, sao con không nghe?"*. *"Bỏ thuốc khó lắm, nhưng từ giờ con sẽ cố"* – cô gái đáp lại bằng lời lẽ hết sức lễ phép, khác hẳn với gương mặt lý lợm, nhuốm nét bụi bờ của cô.

Sau cô gái, từng người, từng người một, hầu hết đều còn rất trẻ, đến ngồi cho chị khám. Với ai, chị cũng ân cần hỏi kỹ tình hình tiến triển của bệnh: *"Con còn ngứa không? Có đau chỗ nào không?"* rồi bắt há miệng, xem năm họng, mở áo xem những chỗ viêm loét.

Chị không phải là người thân của họ, chẳng ai trả tiền cho chị làm công việc mà rất nhiều người không dám làm này. Vậy mà cả chục năm nay chị đã gắn bó với những con người bất hạnh ấy.

Có những kẻ vì hút chích, chơi bời mà vướng bệnh, nhưng cũng không ít người là nạn nhân, bị lây bệnh từ người thân hoặc do đập phải kim tiêm, ống chích. Tất cả họ đều mang án tử hình lơ lửng trên đầu và họ đến với chị như chỗ dựa cuối cùng để bầu vùi. Không phải bác sĩ cũng chẳng phải dư ăn dư để, chị chỉ là một người dân hết sức bình thường.

Đồng bệnh tương lân

Ngọc Anh – Thanh Thúy kể tiếp:

Trong lúc chờ gặp chị Vinh, chúng tôi thấy một thanh niên chừng 27 - 28 tuổi say sưa đọc sách. Nhìn anh cũng khỏe mạnh như những người bình thường, hỏi ra mới biết anh tên Hùng, một thành viên của nhóm Tiếng Vọng.

Chuyện đời của Hùng nghe thật buồn. Hùng đã từng có một gia đình hạnh phúc, êm ấm với cha mẹ và một cô em gái. Năm Hùng học lớp mười, rạn nứt giữa cha mẹ bắt đầu xuất hiện và ngày càng không thể hàn gắn: hai người đưa nhau ra tòa, Hùng bỏ nhà đi bụi. Trộm cắp, bảo kê... việc gì anh cũng làm. Bạn bè rủ chơi ma túy, Hùng tham gia rồi nghiện ngày càng nặng.

Những cuộc gặp gỡ giữa anh với mẹ và em gái chỉ toàn nước mắt. Không thể nhìn những người thân đau khổ mãi, Hùng quyết định tự cai và năm 2000, anh đã thật sự đoạn tuyệt với *"nàng tiên áo trắng"*.

Những tưởng đó chỉ là một quãng đời lầm lỗi và tất cả sẽ qua, nhưng năm 2004, Hùng bị viêm ruột thừa phải nhập viện mổ. Kết quả xét nghiệm HIV dương tính đã khiến anh như ngất dại. Suy sụp rất nhanh, khi đến với chị Vinh, người Hùng chỉ còn da bọc xương, đi không vững.

Được những người bạn trong nhóm Tiếng Vọng hết lòng chăm sóc, sức khỏe hồi phục. Hùng bắt đầu lo cho những người cùng cảnh ngộ. Dù biết thời gian của mình còn không nhiều, nhưng anh vẫn rất lạc quan. Hùng cho biết dù đã bỏ học 12 năm, nhưng bây giờ anh đang đi học lại. Xong cấp III, anh sẽ tham gia lớp điều dưỡng để giúp những người cùng cảnh ngộ.

Đi thăm phòng khám bệnh giáo xứ Phú Trung

Vào một buổi sáng thứ sáu trong tuần, cha Nguyễn Viết Chung đi khám bệnh cho các bệnh nhân ở giáo xứ Phú Trung, tôi đã xin phép cha cho tháp tùng đến đó. Cha chở tôi đi xe gắn máy. Sau khi đi qua Lăng Cha Cả trước kia – nay không còn dấu vết nữa – cha phải chạy thêm vài đoạn đường khác mới tới giáo xứ đó. Tuy còn sớm mai, khoảng trên tám giờ mà đường sá đã tấp nập xe cộ.

Khi băng qua sân giáo xứ Phú Trung để vào phòng khám bệnh, tại một góc sân, vài xe

gắn máy của bệnh nhân đã đậu sẵn ở đó. Nhìn những anh chị mắc bệnh, thân thể tiêu tụy, nét mặt không vui, tôi cảm thấy đau lòng.

Bước qua một hành lang hơi tối, mới vào một căn phòng chật hẹp, hơi thiếu ánh sáng và không được sạch sẽ cho lắm, với những dụng cụ thuốc men ngổn ngang, tôi cảm thấy một sự buồn nôn. Trông mấy anh chị bệnh nặng đang nằm trên mấy chiếc giường cũ kỹ ở phòng kế bên, đợi được khám bệnh và cho thuốc, tôi không có đủ can đảm nhìn họ.

Thấy cha Chung bắt đầu sửa soạn khám bệnh – ngài vẫn vui vẻ hồn nhiên – tôi cảm thấy mình lạc lõng xa lạ. Nhìn quanh, tôi càng cảm thấy ớn lạnh hơn. Chỉ trong năm mươi phút thôi, tôi đành xin phép cha Chung ra về trước, mặc dù chị Vinh chưa tới để tôi chào hỏi. Tôi không đủ can đảm ở lại lâu hơn.

Ra đường, tôi vừa đi vừa nghĩ ngợi. Giữa lúc xe cộ đang tấp nập chạy trên một đại lộ lớn thì ngay bên lề đường, một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi đang nằm cựa quậy, hình như bị chèn choáng hơi men hay bị cơn ma túy dẫn vật, tôi không rõ. Người qua kẻ lại, họ chỉ liếc mắt nhìn rồi thanh thản đi qua. Hình như cảnh tượng đó xảy ra rất thường, giống cơm bữa vậy.

Tôi đứng lại nhìn nạn nhân nằm ba phút rồi cũng đành lòng đi qua, biết mình bất lực, không làm gì được.

TIẾT BA **CHỊ TRƯỞNG NHÓM**

Một quản lý viên bảo hiểm cao cấp

Theo *Tony Trần*, chị trưởng nhóm *Nguyễn Thị Vinh* là một phụ nữ có chồng và là mẹ của ba người con. Trước kia chị là một quản lý bảo hiểm cao cấp của công ty *Prudential* đang làm ăn phát đạt tại Việt Nam. Ngoài việc chu toàn bốn phận người vợ và người mẹ trong gia đình, chị còn là “sếp” của một nhóm tình nguyện viên hoạt động từ nhiều năm nay, chuyên chăm lo cho những người bị nhiễm HIV/AIDS ở giai đoạn cuối.

Không những chị tham gia mà còn lôi kéo cả đại gia đình của chị tham gia một cách tích cực và vui vẻ để phục vụ những bệnh nhân xấu số. Ngôi nhà của chị như là một tổng đài điện thoại để giải đáp những thắc mắc và trở thành điểm tập trung cho những trận “xung kích” của nhóm.

Tự bạch

Riêng chị *Nguyễn Thị Vinh* đã cho biết về chị như sau: Chồng tôi bảo tôi là kẻ chuyên thương vay khóc mướn. Mọi bạn bè đều nói tôi là đồ khủng. Nhưng tôi cũng chẳng thấy tự ái.

Tôi bắt đầu công việc “*khủng*” này từ cuối năm 1988. Lúc đó là buổi cuối cùng của ngày tĩnh tâm tại Dòng Chúa Cứu Thế và cha *Vũ Khởi Phụng* đã kêu gọi trong nhà thờ là có những bệnh nhân AIDS bị bỏ rơi trong các bệnh viện, rất cần người giúp đỡ. Chính cụm từ “***bị bỏ rơi***” này ám ảnh tôi, khiến tôi bức xúc, nên tôi đã nhanh chóng ghi tên vào danh sách đầu quân tình nguyện.

Tôi được bác sĩ *Nguyễn Đăng Phấn* huấn luyện cấp tốc về chuyên môn. Nói thiệt, tôi chẳng hiểu biết tí gì về y học và vốn liếng học vấn lại ít ỏi. Tôi chỉ có được một ít hành trang để mang vào công việc phục vụ này: đó là “*tấm lòng, bầu nhiệt huyết và lòng kiên trì của tôi*”. Tất cả những gì Chúa trao ban cho tôi từ sức khỏe, trí khôn, tiền bạc, học vấn, kinh nghiệm...tôi đều dốc tâm sức ra để phục vụ Ngài. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc được phục vụ!

Có lần một người bạn hỏi tôi: “*Em còn khả năng để kiếm được nhiều tiền, sao em không làm mà lại lao vào chuyện ‘ruồi bu’ này, vừa mất thời giờ vừa không giống ai?*” Tôi trả lời: “*Với những con người bị mọi người xa lánh, hắt hủ này, họ cần đến sự ‘ấm áp tình người’ để ra đi thanh thản. Mình đã làm được điều họ cần và mình cảm thấy hạnh phúc. Cuộc sống của con người là gì? – Là mưu cầu hạnh phúc – vậy mình kiếm được hạnh phúc rồi, có gì lại phải đi tìm một hạnh phúc khác, mà chắc gì mình toại nguyện?*”

Và lại tôi cũng nghĩ thêm là bây giờ tôi còn khỏe mạnh, trí khôn còn minh mẫn để làm việc, sao tôi lại không dốc tâm để phục vụ? Mai này tôi già, gối thì mỏi, chân thì chồn, lúc đó tôi có muốn phục vụ thì cũng không còn đủ sức để hoạt động nữa. Không biết với lối suy nghĩ này – tôi có trở thành kẻ gàn dở hay không?

Tôi may mắn được người chồng luôn ủng hộ tôi làm công tác này. Các con tôi cũng thế. Những lúc không có ai đi cùng hoặc đêm hôm thanh vắng có những “ca” gọi cấp cứu, tôi đành phải nhờ đến con và chồng tôi. Có nhiều lúc bệnh nhân làm phiền hà gia đình tôi cả vào những giây phút riêng tư tôi dành cho gia đình, nhưng có lẽ do sự “đam mê” của tôi nên các thành viên trong gia đình tôi cũng đành phải chấp nhận.

Đối với các nhóm viên Tiếng Vọng cũng vậy, hình như họ cũng bị lây “cái khủng” của tôi. Tôi rủ họ đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì cho dù dơ bẩn, hôi hám...họ cũng đều làm một cách nhiệt tình hăng say mà lại còn vui vẻ nữa mới chết chứ!

Trong khi tôi đang viết những dòng chữ này thì em K. gọi điện về báo cho biết bệnh nhân tên B. không còn lấy được “ven” nữa. Bây giờ lại một cú điện thoại khác: chị T. báo cho biết em L. ở quận 2 vừa chết. Thêm một cú gọi điện thoại khác của em T. báo cho biết anh T. hết thuốc lao rồi, tới nhà lấy thuốc bây giờ được không?

Dẫu biết rằng tất cả đều là tình nguyện viên, họ làm việc vì Chúa và cho chính bản thân họ, nhưng nếu có chuyện gì bất trắc xảy ra cho họ trong khi đi làm công tác thì tôi sẽ bị ân hận biết bao vì chính tôi là người đã “xúi” họ đi.

Cuối cùng chị tâm sự với Chúa:

Lạy Chúa! Chúa biết tất cả mọi sự. Chúa biết chúng con cần gì và muốn gì. Chúa biết những nỗi ưu tư và băn khoăn của chúng con. Chúng con dấn thân vào con đường phục vụ bệnh nhân AIDS với hoài bão làm giảm đi những nỗi đau khổ cách này hay cách khác mà một số người phải chịu đựng.

Với hoài bão ngăn chặn sự phát triển của đại dịch thế kỷ này, chúng con làm với tinh thần hoàn toàn vô tư. Chúng con không cần danh cũng không cần lợi. Chúng con cũng chẳng dám nghĩ đến Chúa ban lại ơn cho chúng con. Chúng con làm vì chúng con yêu mến Chúa thực sự và tình yêu thương đồng loại của chúng con.

*Như Chúa đã từng dạy bảo chúng con: “**Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây là các người đã làm cho chính Ta vậy**”.* (Mt 25, 40)

TIẾT BỐN NHÓM VIÊN

Đủ mọi thành phần

Ngày lễ *Chúa Kitô Vua* là mừng sinh nhật và là bốn mạng của nhóm.

Năm tháng qua đi, có biết bao người từ mọi thành phần như *sinh viên, công nhân, tu sĩ, bác sĩ...* và cả những *bệnh nhân* đến với nhóm. Mỗi người mỗi cung cách, mỗi hoàn cảnh, mỗi tuổi tác khác nhau và ngay cả *tín ngưỡng tôn giáo khác nhau* nữa...nhưng cùng chung một tinh thần.

Bác sĩ Nguyễn Đăng Phấn

Tony Trần đã viết: Tôi vô cùng cảm kích tấm lòng “*lượng y như từ mẫu*” của bác sĩ Phấn là người đã cứu mạng và cứu giúp biết bao con người xấu số. Vốn là một bác sĩ danh tiếng ở thành phố Saigon, ngoài việc hành chánh ở hai bệnh viện, bác sĩ Phấn còn dành nhiều thời giờ để giúp đỡ những bệnh nhân bất hạnh bằng chính nghề nghiệp chuyên môn của mình.

Những bệnh nhân đã kéo dài thêm cuộc sống và cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn với

sự chăm sóc tận tình và đầy tình yêu thương của cả hai vợ chồng bác sĩ. Người ta cảm thấy vui và hạnh diện về những người Công Giáo như vợ chồng bác sĩ Phần đã sống đúng tinh thần của Chúa Kitô.

Những tình nguyện viên

Tony Trần nhận xét về những tình nguyện viên như sau: Họ là những người vô danh, những giáo dân, những sinh viên còn rất trẻ, những cô thợ may duyên dáng, những nhân viên của các công ty đầy hứa hẹn, những chàng thợ hồ cục mịch, những giáo viên thanh lịch...sẵn sàng ra đi khi có những ca nguy tử! Họ như là "*hoa trong kẽ đá*", một cách nói ví von tuyệt đẹp của một linh mục. Họ đang làm cho vườn hoa cuộc đời phong phú thêm, tươi đẹp hơn nữa!

Vào nhóm thế nào

Ngọc Bích cho biết đã quen với nhóm Tiếng Vọng như sau: mình thì rất thích làm công tác xã hội, nhưng không biết nhóm nào để gia nhập và cũng chẳng ai rủ rê mình cả.

Tình cờ trong xóm mình ở có một cô gái trước đây làm nghề cắt móng tay dạo, mọi người đều thấy càng ngày cô ấy càng gầy gò xanh xao rồi lại mụn nhọt lở loét nữa. Tất cả dân trong xóm đều bàn tán, xầm xì. Họ bắt đầu xa lánh cô, không ai dám gọi cô làm việc nữa cả. Thế là cô bị thất nghiệp, không công ăn việc làm và tinh thần cô suy sụp.

Cô nằm bất động trong căn nhà trọ với đứa con trai năm tuổi. Thằng bé vô tư hồn nhiên, loanh quanh trong xóm, vui đùa với các trẻ em khác. Biết mẹ bệnh, không dậy nấu ăn được, nó bèn đi xin ăn ở các nhà chung quanh. Mọi người tò mò vào nhà xem mẹ nó ra sao?

Lúc đó mình mới biết tin này cũng vào thăm. Thật là tội nghiệp! Cô ấy nằm im trên nền đất, đầu tóc rụng hết, miệng đầy những bọt trắng (sau này mình mới biết đó là nấm). Mọi người đều đoán là cô ấy bị "sida" và tránh xa cô.

Do ông xã mình có quen biết với một Sơ ở Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, mình bèn gọi điện thoại lại trình bày hoàn cảnh của cô gái thì được một Sơ ở đây cho biết có một nhóm tên là "*Tiếng Vọng*" chuyên giúp đỡ các bệnh nhân này và họ cho địa chỉ, số điện thoại.

Mình mừng quá và liên lạc ngay với chị trưởng nhóm. Được chị hướng dẫn tận tình, mình đem cô ấy đi xét nghiệm và lo thuốc thang cho cô ấy. Mấy ngày sau cô ấy ăn được và ăn rất nhiều. Sau đó chị trưởng nhóm đã liên hệ với Trung Tâm Mai Hòa và xin cho mẹ con cô ấy vào Trung Tâm. Ở đó cô ấy đã được các Sơ chăm sóc tận tình cho đến ngày cô ấy về với Chúa.

Đáp lại Tiếng vọng

Chị *Kim Anh* cho biết đã đáp lại Tiếng Vọng như sau: lúc đầu tôi chẳng thích cái nhóm này tí nào, làm việc thì giờ giấc lung tung. Tôi thấy có những lúc ông xã tôi mới đi làm về nhà hoặc có được ngày nghỉ thì khi nghe điện thoại gọi tới, ông phóng đi liền, mấy tiếng đồng hồ sau mới trở về, làm tôi phải đợi cơm muốn chết.

Khi về nhà, thì bụng đói, mồ hôi nhễ nhại. Ấy vậy, nét mặt ổng tươi roi rói. Thấy ổng vui, tôi tôn trọng chồng, không muốn nói ra những nỗi bức dọc của mình. Ngồi ăn cơm chung, ổng kể toàn những chuyện gớm ghiếc, buồn nôn.

Tôi định bụng lúc nào đó sẽ gặp chị trưởng nhóm hỏi cho ra lẽ, nhưng chưa có dịp...Rồi sau đó làm quen và xin gia nhập nhóm. Một buổi chiều nọ, Chị Vinh trưởng nhóm rủ tôi đi công tác lần đầu tiên. Hai chị em chở nhau tiến vào con hẻm ngoằn ngoèo ở quận 1, vào một căn nhà ẩm thấp, tối thui, dơ bẩn...Một em trai đang nằm co người trên chiếc ghế salon rách nát.

Chị Vinh tiến lại gần hỏi han. Tôi ngửi thấy mùi tanh hôi từ cơ thể em bốc ra, chân tay sưng phù, móng chân móng tay đầy mủ như sắp rụng đến nơi, đầu cũng sưng to, tóc rụng hết trơn, da đen thâm và những vẩy ở da của em rụng đầy trên nền nhà. Nhìn hình ảnh kinh

tổm đó, tôi khiếp quá chạy ra ngoài đường, đứng bịt mũi, tanh quá, chịu không nổi...

Rồi chị *Kim Anh* kể tiếp một kinh nghiệm khác:

Lần khác, tới nhà bệnh nhân ở quận 6 thì đã 19 giờ. Thấy người bệnh rên la, đau đớn, chúng tôi tập trung vào việc: đưa nấu nước nóng cho uống thuốc, đưa lo chuyển nước biển, đưa day huyết trên đầu cho bệnh nhân bớt nhức...Sau khi bệnh nhân êm êm, chị Vinh dặn dò người nhà ít câu, chúng tôi rút lui.

Chị *Kim Anh* còn ghi lại một cảm tưởng đau buồn khi đi thăm một bệnh nhân còn trẻ: chúng tôi từ giả em và gia đình, em nhìn theo không chớp mắt. Khi bước chân ra tới cửa, tôi ngoảnh lại vẫn thấy đôi mắt em nhìn theo. Ánh mắt này làm tôi không sao quên được. Ra về, lòng tôi muốn khóc. Tôi thấy em đáng thương quá! Em không muốn chết, với cái tuổi còn quá trẻ: 19 tuổi!

Công tác của các nhóm viên

Nguyễn Huỳnh Linh Thảo mới 23 tuổi đời nhưng đã có một thời gian khá dài tiếp xúc và chăm sóc những người bị nhiễm HIV. Là giáo viên, một buổi đi dạy, buổi còn lại Thảo đến với Nhóm Tiếng Vọng để chăm sóc những người bị nhiễm HIV.

Thảo là một cô gái nhỏ bé có đôi mắt biết cười và đôi bàn tay dịu dàng khi chăm sóc bệnh nhân. Trong căn phòng nhỏ của nhóm, Thảo như con thoi lui tới giữa các giường bệnh: truyền nước biển, lau rửa vết thương, chích thuốc... Công việc luôn tay, nhưng cô vẫn lú lo trò chuyện, thỉnh thoảng trong phòng lại vang lên tiếng cười của bệnh nhân dành cho cô tiên nhỏ bé.

Thảo tâm sự: *"Không hiểu sao, cứ giúp được gì cho người bệnh là thấy tâm hồn mình nhẹ hẳn. Trước đây, vì bận công việc, em đã tính xin nghỉ, nhưng chỉ được vài ngày nhớ không chịu nổi, phải quay lại làm!"* Mẹ và em trai Thảo không những ủng hộ việc làm của cô mà còn tham gia nên Thảo rất yên lòng.

Thảo đã từng có bạn trai nhưng khi biết Thảo tham gia làm tình nguyện viên chăm sóc những người nhiễm HIV, gia đình người ấy đã ra sức cấm đoán tình yêu của hai người. Không vượt qua được rào cản, người ấy đã chia tay Thảo.

Nhắc lại chuyện cũ, buồn một chút rồi Thảo lại vui ngay: *"Từ thời sinh viên, em đã tham gia công việc này rồi, đi học khi nào trong ba lô cũng có kim tiêm, bông băng, nước biển và thuốc men, hễ có người báo ở đâu có bệnh nhân cần giúp đỡ là em đón xe buýt đi liền. Có lần một bạn học thấy trong ba lô em có kim tiêm, tưởng em nghiện nên báo lên khoa. Năm đó dù là bí thư chi đoàn nhưng em vẫn không được danh hiệu sinh viên ba tốt. Cũng may, sau đó nghe em trình bày, thầy cô và các bạn hiểu nên quý em hơn".*

Chuông điện thoại đổ từng hồi như giục giã, Thảo nghe xong rồi chuẩn bị túi thuốc tất tả lên đường.

Riêng *Chú ba* cho biết công tác của các nhóm viên như sau: chăm sóc, cung cấp thuốc men, đút ăn uống, làm vệ sinh, thay quần áo, hớt tóc, cắt móng tay, móng chân, quạt mát, ân cần hỏi thăm. Nếu ai có nhu cầu tâm linh thì đã có vài linh mục sẵn sàng đáp ứng.

Nếu bệnh nhân trong đạo hấp hối lâm chung thì chúng tôi đọc kinh trợ tử, tiễn đưa họ về nơi nhà Chúa. Rồi chúng tôi cúi người, đặt lên trán họ một chiếc hôn êm dịu, sau khi ghi dấu Thánh Giá với lời nguyện này: *"Lạy Cha, con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha."*

Nếu bệnh nhân là lương dân thì chúng tôi kín đáo ghi dấu Thánh Giá, kính cẩn hôn lên trán họ và thì thầm với họ: *"Này anh (này chị), xin chúc bạn thượng lộ bình an. Cha từ ái của chúng ta đang chờ đón bạn và khi gặp Ngài, xin hãy nói lại với Ngài rằng anh chị em chúng tôi đây là kẻ còn ở lại nơi trần thế, chúng tôi đặt hết lòng trông cậy vào Ngài."*

Nếu họ từ giả cõi trần trong nỗi cô đơn, không người thân thuộc lo việc tổng táng thì chúng tôi cậy nhờ vào vài thân hữu để phụ lực với chúng tôi đưa họ về nơi an nghỉ cuối cùng.

Năm năm trong sứ mệnh phục vụ

Peter Tâm đã nhìn lại đoạn đường đi qua như sau: bước vào ngày khai giảng khóa học kỹ năng chăm sóc bệnh nhân, với con số hằng trăm người, khóa học hoàn tất còn lại con số vòn vẹn 8, 9 người theo chân Chúa. Trải qua năm tháng cho đến ngày hôm nay con số lên được 25 anh chị em, đặc biệt chị trưởng nhóm bây giờ là người hy sinh khai phá cho nhóm được thành tựu tới ngày hôm nay.

Dừng chân trong một thoáng suy tư, nghĩ lại con đường đến với các bệnh nhân, bao kỷ niệm thân thương vui buồn của người thi hành sứ mệnh yêu thương nơi bệnh nhân, để dệt thành bài ca dâng lên Thiên Chúa.

Vâng! Với hai từ "*Tiếng Vọng*" làm cho các thành viên lẫn lộn vào các bệnh viện, nơi công viên, nơi những con hẻm quanh co... Có những con người nằm lang thang vất vưởng, nơi đầu đường xó chợ, hoặc cả nơi những căn nhà tồi tàn, không có cả cánh cửa mà đóng, nơi chân cầu thang của các chung cư...

Nơi nào cần đến "*tiếng*" là các chiến sĩ lên đường, sẵn sàng ra đi cho dù đêm khuya, mưa gió. Cứ hai thành viên trên chiếc xe cà rịch cà tang, tay trong tay, nào thuốc, nào băng...hồi hả tất bật tiến thẳng về phía đang "*vọng*". Làm sao cho kịp xoa dịu những vết thương, làm nhẹ đi những cơn đau, hoặc đem bình an đến cho những bệnh nhân đang trong cơn hấp hối, sắp từ giã cuộc sống nơi dương thế, để được an nghỉ trong lòng đất mẹ yêu dấu. Đó là điều các bệnh nhân hằng mong ước khi biết mình mắc phải căn bệnh thế kỷ...

Theo Chúa Kitô dễ hay khó

Quang Lê – một người bạn của nhóm – đã viết: xét theo khía cạnh trần thế, mọi người làm việc phải được thưởng công xứng đáng, không ai làm công không cho ai bao giờ. Vậy các bạn đã được gì? Được bao nhiêu đồng lương? Có chăng thì chỉ nhận được những lời chỉ trích nơi những người thân của các bệnh nhân mà các bạn chăm sóc.

Quả thật, theo Chúa phải từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Chúa, không cần phải đắn đo nhiều, mặc dù phải trả giá nhiều. Nhưng chúng ta phải xác tín rằng Lời Chúa luôn là kim chỉ nam cho cuộc đời chúng ta: "*Nhưng, những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Chúa Kitô, tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Chúa Kitô Giêsu, Chúa của tôi, vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như đồ bỏ, để được Chúa Kitô và được kết hợp với Người...*" (Pl 3, 7-9).

Tâm tình đối với bệnh nhân

Cỏ Mây đã thổ lộ những tâm tình của mình khi tiếp xúc với bệnh nhân HIV/AIDS, như sau:

Tôi đã biết: rơi những giọt lệ xót thương khi nhìn thấy những người bạn mà tôi chăm sóc bấy lâu đã nằm lại và yên nghỉ nơi giấc ngủ ngàn thu. Cuộc đời sao mà ngắn ngủi đến thế và liệu rằng tôi đã sống xứng đáng là một người Kitô hữu chưa?

Tôi đã biết: con tim mình thổn thức khi nhìn thấy những cảnh đời éo le, cuộc sống lầm than không nơi nương tựa, vậy mà đã có lúc tôi nhìn họ với cặp mắt khinh thường.

Tôi đã biết: đưa bàn tay mình ra để nắm lấy những bàn tay xương xẩu, khẳng khiu, run lẩy bẩy...nhưng cũng chính nhờ cái nắm tay ấy mà tôi hiểu được sự khác nhau giữa một cái bắt tay hững hờ mang tính chất xã giao và một cái bắt tay chứa chan tình người.

Tôi đã biết: nụ cười của mình rất quan trọng vì nó có thể đem lại một niềm hy vọng lớn lao cho một bệnh nhân nào đó, những lời động viên an ủi của mình sẽ thắp sáng lên niềm tin yêu cuộc đời trong những giờ phút cuối cùng của họ.

Tôi đã biết: cuộc sống không hề kết thúc khi ta ngưng hơi thở hay khi trái tim ta ngừng đập – nhưng cuộc sống chỉ đổi thay từ một thế giới hữu hình sang một thế giới siêu nhiên mà

thời.

TIẾT NĂM BỆNH NHÂN

Số lượng gia tăng

Thúy Huyền bày tỏ nỗi niềm chua xót như sau: giữa nơi thành thị phồn hoa đô hội và tráng lệ này, vẫn còn rất nhiều mảnh đời cơ nhỡ, đơn côi.

Những bệnh nhân AIDS không chỉ là niềm đau của xã hội nói chung mà còn là của từng gia đình có con em mắc bệnh nói riêng. Nỗi đau ấy làm cho chúng tôi không thể nhắm mắt làm ngơ. Các anh chị em nhóm Tiếng Vọng lại lên đường đem tình yêu thương và những vốn liếng ít ỏi về y học của mình đến với những bệnh nhân AIDS.

Những năm qua, số lượng bệnh nhân không hề giảm đi, trái lại ngày càng gia tăng rất nhiều. Các anh chị ngày càng phải đi nhiều nơi, đi xa hơn, phải tự mua thuốc men để phát cho bệnh nhân nhiều hơn và bệnh nhân cũng chết nhiều hơn. Danh sách những bệnh nhân qua đời mỗi năm một dài thêm ra theo cấp số nhân, nhưng lực lượng của các thành viên trong nhóm vẫn vậy.

Có những lúc các anh chị đã phải thốt lên: *"Chúa ôi! Chúng con phải làm sao đây? Bệnh nhân mỗi ngày một đông, đủ mọi thành phần, đủ mọi lứa tuổi...mà sức chúng con chỉ có hạn. Xin Ngài thêm sức mạnh, xin đừng bỏ chúng con."*

Thăm viếng bệnh nhân

Chị Trần Thị Huệ đã mô tả "một buổi đi thăm bệnh nhân" như sau: đi đến gần Thủ Đức thì trời tạnh mưa hẳn, chúng tôi đi lòng vòng mãi mà chẳng tìm thấy nhà bệnh nhân, hỏi thăm ba bốn lần, người ta chỉ hết vào ngõ lớn rồi lại quẹo vào hẻm nhỏ...Rồi chúng tôi cũng tìm thấy nhà của bệnh nhân, chúng tôi gặp một thanh niên tuổi đời còn rất trẻ, nhưng thân người xanh xao, gầy yếu và đang trong cơn đau đớn vật vã, lòng tôi cảm thấy xót xa.

Mẹ của anh ngồi nói chuyện với chúng tôi và cho biết anh là người con thứ ba trong gia đình thường thích giao du và kết thân với bạn bè xấu nết rồi chúng rủ anh lao vào con đường nghiện ngập. Cuối cùng anh bỏ nhà đi bụi đời, sống rày đây mai đó, lang chạ với rất nhiều cô gái. Người phụ nữ sau cùng đã có với anh một đứa con. Khi cô ta biết anh đang bị nhiễm HIV thì đã bỏ anh, mang theo đứa con ra đi.

Khi căn bệnh AIDS bước vào giai đoạn cuối, anh lâm vào ngõ cụt của cuộc sống không lối thoát. Lúc ấy anh chợt nghĩ đến gia đình của mình, một gia đình mà bao năm qua anh đã bỏ rơi, không hề may mắn nhớ tới. Anh quay trở về với gia đình trong một tình trạng thật bi đát, thân hình tiều tụy, với căn bệnh đầy nguy hiểm, nhưng gia đình anh vẫn đón nhận anh.

Trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời, anh đã được sống trong tình thương yêu của gia đình, được cha mẹ chăm sóc ân cần. Chính tình thương đó đã đánh thức lương tâm anh. Qua lời khuyên bảo của cha mẹ, anh đã có những buổi nói chuyện với linh mục và đã lãnh nhận bí tích hòa giải.

Ba ngày sau chuyến viếng thăm đó, mẹ anh đã gọi điện thoại báo tin cho chúng tôi biết anh đã đi về với Chúa, trong sự thanh thản và bằng an của tâm hồn.

Mang bệnh vì ra tay nghĩa hiệp

Chị Maria Trần Thị Phi cho biết một trường hợp đau lòng như sau: tôi hỏi thăm anh Che nguyên nhân nào khiến anh vướng phải căn bệnh này thì được biết là anh bị lây qua vợ.

Khi ở Kampuchia, anh gặp vợ là Dung ở trong nhà thổ khổ quá nên đã ra tay nghĩa hiệp bỏ 200 Mỹ kim để chuộc cô ra. Sau đó hai người đã lấy nhau và sinh được một đứa con trai nuôi được hai tuổi thì chết, nhưng họ cũng chẳng biết chết vì lý do gì, chỉ biết thằng nhỏ rất khó nuôi, bệnh hoạn. Sau đó cả hai vợ chồng đi khám bệnh thì mới biết họ đều bị nhiễm

HIV/AIDS.

Bị thân nhân ruồng bỏ

Người nhiễm HIV/AIDS không những bị người ngoài xa lánh mà còn bị ngay chính người thân của họ bỏ rơi. Chị Vinh kể về bệnh nhân tên Hà, nhà ở Q3. Chị gặp Hà trong Bệnh viện Nhiệt Đới khi Hà đã ở giai đoạn cuối của căn bệnh quái ác. Những người xung quanh cho biết: Hà có mẹ nhưng bà ta không nhìn nhận từ khi biết Hà nhiễm HIV.

Mỗi lần chị vào săn sóc, trong cơn đau của một cơ thể chỉ còn thoi thóp, Hà vẫn tha thiết xin chị tìm cách liên lạc cho Hà gặp mẹ lần cuối. Không cầm lòng được trước sự ăn năn dù muộn màng của đứa con lầm lỗi, chị tìm đến tận nhà năn nỉ mẹ Hà vào viện.

Đáp lại sự tận tình của chị là thái độ hết sức lạnh lùng, tàn nhẫn của anh trai và mẹ Hà: *"Cái thứ đó cứ để nó chết đi chứ sống làm gì!"* Sau đó vài ngày Hà ra đi trong cô độc và đau đớn. Theo chị Vinh: *"Đôi khi bệnh nhân chết nhanh hơn không phải vì bệnh tật mà do sự tàn nhẫn của chính người thân".*

Có trường hợp bệnh nhân bị người nhà bỏ vất vương ngoài hiên, chị tìm đến lạng lẽ chăm sóc, tắm rửa, lau chùi, cho ăn trước mặt gia đình và không chỉ một, hai lần, chị tỉ tê khuyên giải: *"Tôi là người dưỡng, tại sao tôi chăm sóc được mà gia đình lại đẩy con ra đường? Tôi không để ra nó nhưng tôi xót xa mà sao chị dứt ruột sinh nó ra lại có thể nhìn nó thân tàn ma dại như thế?"*

Mềm lòng trước thành ý của chị, nhiều gia đình đã mở rộng vòng tay đón nhận con em mình.

Cha mẹ muốn con chết

Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh. Có hoàn cảnh đau lòng đến nỗi chị Vinh không bao giờ quên được. Đó là bệnh nhân tên Luận, nhà ở Q4. Chị đến chăm sóc Luận tại nhà và cho thuốc chữa các bệnh cơ hội nhưng sau vài ngày thấy Luận vẫn không đỡ chút nào. Dò hỏi mãi, Luận mới cho biết mẹ Luận không cho uống thuốc.

Hết sức bất bình trước sự nhẫn tâm ấy, gặp bà ta chị chỉ muốn làm ầm lên, nhưng khi nhìn thấy người đàn bà gầy gò, khắc khổ, chỉ lên bàn thờ với di ảnh một người già, hai người trẻ rồi nấc lên không thành tiếng: *"Uống thuốc cũng chết mà không uống cũng chết! Chồng và cả ba thằng con rủ nhau chích chung, Luận là đứa cuối cùng. Lòng tôi chai đá rồi cô ơi".* Chị lại rơi nước mắt xót xa.

Một gia đình ở Gò Vấp có cả bốn đứa con đều nghiện và dính HIV. Mỗi lần chị đến chăm sóc chúng, người cha già hắt lên: *"Trời ơi! Sao tôi khổ thế! Tôi cầu xin cho chúng chết mà sao chúng không chết!"* Cha mẹ nào lại không thương con, nhưng với những người như thế, nỗi đau của họ dường như đã quá sức chịu đựng!

Bán nhà đất và vay nợ để lo cho con

Nhưng cũng có những gia đình thương con đến độ sẵn sàng bán hết đất đai nhà cửa, thậm chí đi vay nặng lãi để lo cho con. Khi con chết, người phụ nữ đó điện thoại cho chị Vinh nhờ bán nốt căn nhà nhỏ cuối cùng vì số tiền bà nợ đã lên tới cả trăm triệu đồng.

Chồng chết sớm, bà ở vậy nuôi con. Nhưng cả ba đứa con trai đều nghiện, nhiễm HIV rồi lần lượt bỏ bà đi. Gia tài "đội nón" theo những cơn vã thuốc của chúng. Đứa đầu bà còn lo ma chay được đầy đủ, đến thẳng út chỉ còn là chiếc khăn thấm đầy nước mắt của người mẹ đầy đau khổ.

Bệnh mà không chạy chữa

Chị Anna Trần Thị Huệ đã chia sẻ như sau: tôi và chị Thanh được phân chia công tác sang quận II thăm gia đình chị Tuyết. Bước chân vào nhà chị, tôi nhìn thấy chị đang ôm 3 đứa con vào lòng mà khóc. Được biết chị đã mù do căn bệnh đưa đến. Chị không chạy chữa

nữa vì chị quan niệm chữa cũng chết mà không chữa cũng chết. Chị chấp nhận ra đi để lại phần tiền đó cho con cái chị ăn học.

Con chị còn rất nhỏ, đứa lớn nhất lên 9 và nhỏ nhất mới có 3 tuổi. Rất may mắn là không có em nào bị lây qua từ mẹ. Lúc nào chị cũng lo âu về số phận 3 đứa con mình sẽ ra sao sau khi chị chết đi. Chị khóc lóc: *"Cô Huệ ơi! Em sợ chết lắm, các con của em chúng nó còn nhỏ quá"*. Tôi cầm nước mắt không được, cũng khóc theo chị, tôi đồng cảm với chị, vì tôi cũng là một người mẹ.

Căn bệnh mà chị đang mang là do người chồng chị lây qua cho chị. Chồng chị bị nghiện đã lâu, trước khi cưới chị. Nhưng chị chủ quan, không để ý, nên sau khi kết hôn được ít lâu chị mới biết thì chuyện đã rồi! Tuy nhiên chồng chị rất yêu thương chị và các con. Anh ấy cũng ham làm ăn, chỉ có mỗi điều là không thể bỏ ma túy được. Chính sự việc này làm cho anh ấy bị nhiễm do chích chung với người bạn nhiễm. Sau khi sanh đứa con thứ ba, chị mới phát hiện ra mình bị nhiễm HIV.

Khi biết chính mình là nguyên nhân lây bệnh cho người vợ thân yêu của mình, anh dần vật ăn năn, hối hận, lo buồn. Anh quyết tâm cai nghiện tại nhà và được một linh mục ở Tây Ninh giúp đỡ. Sau khi thẳng được con "ma túy", hai vợ chồng anh và cả ba đứa con được lãnh nhận bí tích Rửa tội.

Người mẹ hết nước mắt khóc con

Chị *Võ Thị Nhung* cho biết câu chuyện thương tâm như sau: tôi ngạc nhiên khi nghe tin con mình sắp chết mà người phụ nữ này tỉnh bơ như không, chẳng chút xúc động. Đáng lý ra bà ta phải rất đau khổ khi chứng kiến cảnh sinh ly tử biệt với đứa con của mình, nhưng bà ấy lại rất bình tĩnh.

Chúng tôi hỏi thăm hoàn cảnh của bà thì được biết bà không còn nước mắt nữa. Bất hạnh đến với bà quá nhiều làm cho lòng bà trở nên chai đá. Bà có chồng và ba đứa con trai. Số kiếp của bà thật khốn nạn, chỉ gặp toàn những chuyện khổ đau.

Chồng của bà dính vào ma túy, bị nhiễm AIDS và đã chết được hai năm. Ba người con trai của bà cũng sa chân vào ma túy, đều bị nhiễm HIV/AIDS. Đứa con út của bà vừa mới chết cách đây vài tháng. Bà chỉ tay lên bàn thờ, nơi hai di ảnh đang ở trên đó: một người lớn tuổi, còn người kia thì mặt mũi non choẹt.

Bà chỉ vào người con trai đang hấp hối nói tiếp: *"Thằng này cũng sắp lên đó luôn!"* Bà cho biết đó là người con trai lớn nhất, còn người thứ hai thì đang ở trong tù: *"Nó cũng bị AIDS luôn rồi, cầu xin cho nó chết luôn ở trong ấy"*. Bà nói với vẻ mặt bình thản lạnh lùng.

Chợt bà nói về người con đang hấp hối: *"Nó rất muốn theo đạo, các cô có thể gọi Cha tới giúp nó được không?"* Chúng tôi ngồi xuống bên cạnh người sắp ra đi: *"Em có muốn lên Thiên Đàng với Chúa không? Em có tin Thiên Chúa sẽ cứu rỗi em và tha thứ cho em tất cả mọi tội lỗi không? Em có tin...?"* Chúng tôi hỏi và anh ấy gật đầu với ánh mắt thiết tha, mong mỏi.

Rất tiếc đó là chiều thứ bảy, chị trưởng nhóm đã gọi rất nhiều nơi nhưng tất cả các cha đều bận mục vụ, không thể tới được. Mọi người cầu xin cho anh ấy được sống đến 9 giờ sáng mai để chị trưởng nhóm có thể mời được một cha mà chị quen biết. Nhưng anh ấy đã ra đi hai giờ đồng hồ sau đó. Cũng còn may mắn là anh ấy đã nhận được ơn cứu rỗi nhờ một số giáo dân giúp đỡ.

Lấy vợ cho con bị nghiện ngập

Chị *Phạm Thị Xoa* cho biết: có những bậc cha mẹ có con em đã lỡ sa chân vào ma túy, nói hoài, dạy bảo hoài vẫn không nghe, thôi thì lấy vợ cho nó, biết đâu có vợ có con, nó sẽ... cải tà quy chánh, trở nên ngoan ngoãn...Nhưng họ đâu biết là đằng sau đó xảy ra bao nhiêu cảnh đau lòng, thương tâm và xã hội đang phải gánh biết bao hệ lụy.

Đó là những người vợ đáng thương lấy phải người chồng đã nghiện ngập, lại còn mắc

thêm bệnh AIDS. Thế là những người vợ trẻ này vô tình bị lây qua, rồi những đứa con được sinh ra từ những bà mẹ này cũng mắc bệnh AIDS luôn!

Chúa Hải Đồng trong những em bé bị nhiễm HIV/AIDS

Khi thấy Noel trở về, *Thảo Vân* xót xa: nhìn ngắm Chúa Hải Đồng hôm nay tôi hay tự hỏi phải chăng những em bé bị nhiễm AIDS mà tôi có dịp gặp gỡ và chăm sóc ấy chính là Chúa Hải Đồng? Nhìn những thân hình nhỏ xíu, yếu ớt, trông thật tiều tụy và sự sống trong cơ thể mỗi em bé quả là những chuỗi ngày đấu tranh với tử thần để giành từng nhịp tim, từng hơi thở.

Chúa Hải Đồng – những em bé nhiễm AIDS – khi cất tiếng khóc chào đời là đã mang sẵn trong người căn bệnh của thế kỷ và đã được định đoạt sẵn tương lai sẽ đi đâu và về đâu rồi. Thế mà các em không hay, không biết sự ấy, các em vẫn vui tươi, vẫn cười đùa, còn sống ngày nào là các em còn vui chơi, còn hồn nhiên ngày ấy.

Cũng có những em bé vừa mới sinh ra là đã bị vứt ra ngoài lề xã hội, bị bỏ rơi không thương tiếc, được đưa vào viện mồ côi...Chúa Hải Đồng – những em bé bị nhiễm AIDS – nào có tội tình gì đâu? Hoàn cảnh của các em còn tệ hơn những hang đá vô tri vô giác kia. Mọi người trang hoàng hang đá đẹp để lộng lẫy để nhìn để ngắm cho sướng con mắt, nhưng còn các em nhỏ ấy thì lại bị nhắm mắt làm ngơ.

Tâm sự đời tôi

Anh *Nguyễn Hoàng Tân* – một bệnh nhân – đã tâm sự như sau: tôi thích nhất lời của bài hát này: *"Khi Chúa thương gọi tôi về, hồn tôi hân hoan như trong một giấc mơ, miệng tôi nức vui tiếng cười, lưỡi tôi vang lời ca hát ngàn dân tung hô, tôi thật vinh phúc..."* Tôi sẽ mãi hát cho tôi, cho các bệnh nhân đang mang căn bệnh giống như tôi và hát cho cả mọi người.

TIẾT SÁU

LINH MỤC VÀ NAM NỮ TU SĨ

Sự thân tình giữa linh mục và bệnh nhân

Chị Vinh đã ghi lại sự giao tiếp giữa một linh mục và bệnh nhân như sau:

Khi cha đến thăm, bệnh nhân nói thật cảm động: *"Cha mới đến hả Cha?"* Cha cúi xuống gần anh ấy, gật đầu nói: *"Ừ, tôi đến thăm anh đây!"* Anh nói: *"Con mong Cha mãi, con rất muốn được nắm tay của Cha, Cha ơi! Cha nắm tay con đi!"*

Một bệnh nhân khác, mới theo đạo được ít ngày thì qua đời. Lúc ấy là bữa trưa, lễ ra cha được quyền nghỉ ngơi, nhưng khi được báo tin thì cha liền sốt sắng cùng đi để làm nghi thức an nghỉ cuối cùng cho bệnh nhân đó.

Sau khi đi lòng vòng, vào những con hẻm nhỏ như cọng chỉ, họ đến nơi. Căn nhà nhỏ tí, có lẽ còn nhỏ hơn cái "toa lét" của một gia đình bình thường, lại còn nằm dưới gầm cầu thang của một ngôi nhà khác nên cái hòm của người chết phải đặt ở ngoài sân, không thể mang vào trong nhà.

Trời nắng chang chang và rất nực. Cha mặc áo lễ dài đến chân, trông thật nực nội, nhưng cha vẫn sốt sắng cử hành mọi nghi thức và cầu nguyện cho linh hồn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Xong Thánh Lễ, cha cởi chiếc áo trắng dài ra, mọi người thấy lưng áo của cha ướt đẫm mồ hôi, trông thật tội nghiệp!

Thánh Lễ tại tư gia một Phật tử

Linh mục *Dzu Mai Liên* đã ghi lại cảm tưởng của cha khi đi dâng Thánh Lễ an táng cho một bệnh nhân tại tư gia của một Phật tử như sau:

Xế trưa hôm đó, một cú điện thoại của chị trưởng nhóm Tiếng Vọng: *"Cha ơi, em Thảo ở đường Phan Văn Trị, Bình Thạnh, mới mất. Cha đến làm phép xác nhé, rồi đưa đi hỏa táng"*

luôn, em đã rửa tội rồi, cả nhà đều Phật giáo”.

Đầu giờ chiều hôm đó, chúng tôi đến nhà em. Thật bất ngờ và xúc động khi được biết em tự nguyện theo đạo qua đời sống đức tin của những anh chị em Công Giáo chăm sóc em. Khi ở với gia đình, em vẫn luôn vững lòng trông cậy và thành tâm sống đức tin của mình giữa mọi người không cùng niềm tin với em. Và cảm động biết bao, khi bà ngoại của em, một Phật tử sùng đạo, lại thỏa mãn mọi yêu cầu để em sống đức tin của mình.

Em xin được đi lễ Chúa nhật hằng tuần, thấy em bệnh, bà thuê Honda ôm mỗi tuần chở em đi lễ nhà thờ. Trước khi em nằm xuống và khi đã ra đi, chính bà và người thân đã chủ động liên hệ với các anh chị em trong nhóm Tiếng Vọng và quý Sơ Dòng Phan Sinh để xin cầu kinh, giúp đỡ phần hồn cho em.

Các thiện nguyện viên đã xin dâng lễ ngay tại nhà của em rồi mới đưa đi hỏa táng. Gia đình đã đồng ý và lấy khăn che hết các tượng Phật thờ trong nhà. Đó là một ấn tượng khó phai mờ trong đời linh mục của chúng tôi vì những anh chị em khác tôn giáo đã niềm nở đón tiếp Chúa đến với họ.

Gương hy sinh của các linh mục và nam nữ tu sĩ

Tony Trần tỏ ra rất thán phục những gương hy sinh của các người sống đời thánh hiến như sau:

Tôi rất khâm phục cha T. cha K. – những **linh mục** đầy nhiệt huyết – vì các ngài, tuy bận rộn, nhưng luôn dành nhiều thời giờ để thăm hỏi, giúp đỡ và ban bí tích cho những bệnh nhân xấu số trong những giây phút cuối đời. Các ngài sẵn sàng nói “có”, khi những tình nguyện viên điện thoại đến hay gặp các ngài để xin giúp trong những trường hợp nguy tử vào những giờ thật bất tiện trong ngày.

Tôi nghiêng mình cảm phục **các Sơ** L., T., Q....đang giúp các trại phong Qui Hòa, Bến Sắn và đặc biệt là Trung Tâm Mai Hòa dành cho các bệnh nhân HIV/AIDS ở giai đoạn cuối có được một sự thanh thản trước khi từ giã cõi đời. Họ chăm sóc cho những bệnh nhân hoàn toàn bị người đời và ngay cả những người thân bỏ rơi vì thân thể quá khủng khiếp!

Nhìn các Sơ nắm tay, đút từng muỗng cháo, mát-xa những chỗ đau nhức, chịu khó lắng nghe từng lời của những bệnh nhân nói không nên lời vì miệng bị lở loét trắng cả bên trong. Không còn lời nào hay hơn, đẹp hơn để diễn tả những hành động nhân ái của những nữ tu đã từ bỏ thiên chức làm mẹ theo xác thịt để hiến thân trọn vẹn cho Chúa bằng cách trở nên những người mẹ thiêng liêng đối với những đứa con đang thiếu vắng tình thương.

Tôi cũng muốn nhắc đến những **nam tu sĩ**, những thanh niên được thánh hiến đang phục vụ cách này hay cách khác để đồng hành với các nhóm tình nguyện trong việc giúp đỡ các bệnh nhân xấu số. Họ không phải là linh mục nên ít được mọi người tôn trọng theo phẩm vị, nhưng người ta lại kính trọng họ trong việc dẫn thân phục vụ. Họ đã bước theo Chúa Kitô trong việc âm thầm phục vụ.

THAY LỜI KẾT ĐƯỢC SAI ĐI

Thúy Huyền, trong bài thơ “**Không đề**”, đã cầu xin được “*sai đi*” như sau:

*Lạy Chúa, nếu như Ngài muốn,
Này con đây, xin Ngài hãy sai đi.*

*Con mong sao đến chiều thứ bảy,
Khi mọi việc hoàn tất ở công ty,
Con chạy thật nhanh...thật nhanh,
Với “ngựa sắt” dù đường đi vất vả,
Khi trời buồn giăng mây đen.*

*Có những chiều mưa, đường trơn ngập nước,
Con suýt ngã, mắt hoen mưa.
Sẽ đi vì anh chị em mong chờ,
Đang rất cần đến sự giúp đỡ...*

*Có những chiều khô nắng vàng héo úa,
Cây bên đường ủ rũ, bụi đỏ lá xanh.
Đường xa, con nào có ngại,
Đem tình thương hâm nóng lại tình người.*

*Năm năm sao thời gian trôi nhanh quá!
Xem lại...con chưa làm gì cả?
Con mong sao tới chiều thứ bảy,
Cảm giác, ôi kỳ lạ làm sao!
Hồi hộp - thấp thỏm và đợi chờ,
Như cái hẹn ban đầu, thuở mới yêu.*

*Con lại đến với anh chị em:
Những khuôn mặt thật bơ phờ hốc hác,
Với màu da xanh xao vì thiếu máu,
Với thân hình gầy còm, thật đáng thương.*

*Họ mừng vui khác hẳn ngày thường,
Như được quà mỗi khi mẹ chợ về.
Chúa ôi! Họ dễ mến làm sao!
Thế mà người đời nhẵn tâm chối bỏ.*

*Lòng nhói đau, con thấy mình nhỏ bé,
Xin chỉ cho con biết đáp tình họ,
Trông họ vui mà con cũng mừng theo.
Một niềm vui đơn sơ và giản dị.*

*Họ tin tưởng nơi mỗi người chúng con,
Tiếng Vọng mãi luôn là người bạn tốt,
Luôn phấn đấu làm nhiều điều hay,
Để giúp đỡ anh chị em bệnh nhân!*

.....

VỀ MỤC LỤC

CHỨC LINH MỤC VÀ ĐỜI SỐNG CHÚNG VIÊN THEO MẪU THỨC TRIDENTINÔ

Tác phẩm Giáo Hội Cần Loại Linh Mục Nào? (tiếp theo)

Lm Giuse Lê Công Đức chuyển ngữ từ bản tiếng Anh:

PRIESTHOOD IMPERILED, Tác giả: Lm. BERNARD HARING, C.SS.R.

CHỨC LINH MỤC VÀ ĐỜI SỐNG CHÚNG VIÊN THEO MẪU THỨC TRIDENTINÔ

Trong suốt thời Trung Cổ, người ta đã nghe vô số những tiếng ta thán về các linh mục và các giám mục bất tài và thiếu năng lực mục vụ. Mặc dù đã có một số nỗ lực được ghi nhận trong thời cải cách, tình hình vẫn xem ra không thực sự thay đổi gì xét về lâu dài. Mỗi thông

giao giữa ngài vàng và bàn thờ đã dẫn đến việc bổ nhiệm hay tuyển chọn các giám mục hay thậm chí một số giáo hoàng trong thực tế không được chuẩn bị gì về thần học, tu đức và mục vụ. Cũng may là các dòng tu cải cách và các tu viện đã đào tạo được một số nhân vật có năng lực, nhưng những cố gắng này cũng không đủ để hóa giải các vấn đề về giáo sĩ triều. Những vụ 'rã ngũ' ào ạt của các giám mục và các linh mục vào thời cải cách rất có thể đã không xảy ra nếu như Giáo Hội đã chuẩn bị cho họ một cách tốt hơn.

Những nỗ lực không thể phủ nhận của thời cải cách

Công Đồng Tridentinô nghiêm túc quan tâm tới thực tại bi đát này, xem việc chuẩn bị tốt hơn cho chức linh mục là một trong những công việc chủ yếu của mình. Phải công bằng mà nói rằng Công Đồng này đã cố gắng hết sức trong hoàn cảnh cho phép. Căn cứ vào các qui luật được ban hành nhằm thiết định một mẫu thức đời sống chung viện theo Công Đồng Tridentinô, Giáo Hội Công Giáo trong vài thế kỷ đã bảo đảm được việc giáo dục cho một hàng ngũ giáo sĩ nhiệt tâm và giàu tri thức. Trong khi không thể trách cứ gì ở đây, chúng ta vẫn cần ghi nhận rằng mẫu thức này là một nền giáo dục đối phó với tình hình nhất thời song được cắm rễ trong một truyền thống cứng nhắc.

Các đại chủng viện đảm nhận công việc giảng dạy triết học và thần học, trong khi các tiểu chủng viện chỉ cung cấp một sự chuẩn bị sơ khởi cho chức linh mục. Tuy nhiên, đứng trước những điều kiện xã hội học nhất định của thời đó, việc tuyển sinh có khuynh hướng ưu tiên. Trong khi các gia đình quý phái không gửi các con đầu lòng của họ vào chủng viện – vì lý do nối dõi tông đường – thì những người con thứ được sốt sắng gửi vào với hy vọng rằng họ sẽ trở thành những giáo sĩ có địa vị cao và đạt được nhiều danh vọng.

Đối với những gia đình thuộc tầng lớp nghèo hơn thì gửi con vào chủng viện là cơ hội duy nhất để con cái mình đạt được một vốn liếng học vấn khá. Các tiểu chủng viện cũng chuẩn bị cho nhiều người bước vào các ngành nghề khác, chẳng hạn ngành y tế. Xét về lâu về dài, đó là một nền giáo dục có một ảnh hưởng quan trọng về mặt văn hóa cho một số quốc gia. Chẳng hạn, ở một số quốc gia Phi Châu đã giành lại độc lập, người ta ngạc nhiên nhận thấy rằng đa số các nhà lãnh đạo chính trị giàu năng lực đã từng qua chương trình học vấn trong các tiểu chủng viện, nhưng do không đáp ứng được luật độc thân nên họ đã quyết định không trở thành linh mục.

Trong thời đại hậu Công Đồng Tridentinô, một sự thực hiển nhiên là trình độ học vấn của các giáo sĩ cao hơn nhiều so với thời Trung Cổ. Giáo Hội Công Giáo và các Giáo Hội chủ chốt của Tin Lành đều cố xây dựng một hàng giáo sĩ được đào tạo kỹ lưỡng và có tính đồng nhất một mức nào đó, với những lý tưởng và những quan điểm tương tự nhau. Nhưng thường xuyên - và phải nói thêm là không may - rằng các Giáo Hội cũng cố xây dựng một hàng giáo sĩ rập khuôn trong những ý thức hệ giống hệt nhau nữa.

Được đào tạo để hiểu biết luật Giáo Hội và giáo thuyết của Giáo Hội một cách chính xác, các linh mục tất nhiên phải tuân thủ các qui tắc đời sống được giáo luật xác định cặn kẽ. Nghĩa là, họ "biết" một lần thay cho tất cả rằng họ được yêu cầu những gì. Tuy nhiên, trong sách lược đào tạo linh mục này không hề thấy có nhấn giới nào về một chương trình huấn luyện thường xuyên (hay còn gọi là thường huấn).

Do cơ chế bổ nhiệm giám mục phổ biến thời ấy, đa số các ứng viên đều xuất thân từ tầng lớp quý tộc; và các tiêu chuẩn tuyển chọn không hề cắm rễ trong Thánh Kinh cũng chẳng xuất phát từ các mối quan tâm mục vụ. Tuy nhiên, sẽ là bất công trầm trọng nếu chúng ta phán xét cơ chế của thời hậu Công Đồng Tridentinô bằng lăng kính của chúng ta thời nay. Một cách không phê phán, chúng ta có thể nghĩ rằng Giáo Hội đã làm mọi điều có thể trong hoàn cảnh thời đó. Công Đồng Tridentinô cũng không phải chịu trách nhiệm về thời gian sau này – bởi lúc bấy giờ các hoàn cảnh đã trở nên hoàn toàn khác và những cải cách của Công Đồng đã hóa thành hoàn toàn lỗi thời rồi.

Trục trặc căn bản: tách ly và kỳ thị

Lên chín hay mười tuổi, các cậu thiếu niên được cha sở tuyển chọn dựa trên khả năng học vấn và tính tình (tính tình ở đây được hiểu trước hết phải là tính cách ngoan ngoãn và vâng phục tuyệt đối). Các cậu được niêm kín trong một môi trường mới, hầu như cách ly khỏi gia đình, hiếm khi các cậu được gặp người nhà của mình – và tất cả điều này được giải thích là để "bảo vệ ơn gọi".

Hình ảnh thể thảm nhất, mà tôi vẫn còn trông thấy ở Rôma cách đây khoảng 50 năm, là hình ảnh một chủng sinh mười hai tuổi bị buộc phải mặc áo chủng thâm mọi nơi mọi lúc, kể cả khi chơi thể thao. Chiếc áo chủng thâm ấy đã trở thành dấu hiệu thiêng thánh cho biết rằng kẻ vận nó đã được chọn và được tách riêng ra.

Hồi ấy, một giám đốc đầy uy tín của “Đại Chủng Viện” ở Rôma và đồng thời là một nhà giảng thuyết tinh tâm cho các giám mục đã viết một quyển sách có tựa đề là *Phương Pháp Đào Tạo Hiện Đại Cho Các Linh Mục Tương Lai*. Trong quyển sách này, tác giả nói rằng vì *ích lợi* của ơn gọi linh mục, cần phải thực hiện một nền giáo dục “vô tính” (asexual). Kết quả là, không được cho phép một phụ nữ nào lang thang đến gần các bức tường chủng viện, cả trong nhà bếp và trong bệnh xá cũng không được có bóng dáng phụ nữ. Các cô gái và các phụ nữ trẻ không được đến thăm chủng sinh. Cha và mẹ chủng sinh không được phép thăm con mình cùng một lúc và trong cùng một phòng khách. Một linh mục nọ cay đắng kể với tôi rằng hồi còn ở chủng viện, có lần cha và mẹ anh ta cùng đến để báo tin em gái anh đã qua đời. Anh được phép gặp cha trước – mẹ anh được dẫn sang một phòng khác ở dãy bên kia, chờ đến phiên được gặp anh sau.

Tôi đã từng được nghe rất nhiều câu chuyện tương tự như thế - do các cựu chủng sinh và các linh mục kể lại trong các buổi gặp tư vấn với tôi. Tôi thường ngạc nhiên tự nhủ: “VẬY mà anh ta chỉ bị rối loạn tới mức này thôi. Thật là may!” Tôi cho rằng thời ấy và môi trường ấy có thể cung cấp cho Eugen Drewermann nhiều kinh nghiệm thú vị hơn so với những kinh nghiệm mà ông thu thập về sau này và ở trong một bối cảnh khác.

Dĩ nhiên, đó không phải là chuẩn mực cho chức linh mục theo Công Đồng Tridentinô. Đúng hơn, đó là một trong những dạng suy thoái của đời sống chủng viện, và chúng ta cần phải đề cập đến nó bởi vì ngay cả trong thời đại chúng ta, nó vẫn còn gây ảnh hưởng rất nhiều cho Vatican và cho các cơ chế khác trong Giáo Hội.

Có thể nêu một ví dụ từ cuộc đời Thánh Anphongsô Liguori để nhấn mạnh sự rập khuôn của các thế kỷ trong quá khứ. Gia đình Anphongsô, vốn thuộc tầng lớp quý phái, đã dự kiến rằng anh sẽ là người thừa kế gia sản và – do đó – đã cung cấp cho anh một nền học vấn thượng hạng. Một trong các em gái của Anphongsô được đính hôn với một nhà quý tộc, còn hai em trai và ba em gái khác thì được gia đình dự kiến cho đi tu. Một cô em gái của Anphongsô, mới lên năm tuổi, đã được gửi vào một nhà dòng nội cấm để “chuẩn bị cho ơn gọi của con bé”. Chẳng có gì phải ngạc nhiên khi chúng ta biết rằng về sau, trở thành nữ tu, cô em gái ấy của Anphongsô đã có những trục trặc lớn về tâm lý.

Khi Anphongsô từ bỏ sự nghiệp của mình trong ngành luật, người cha ngoan đạo của anh rất có thể đã không bối rối gì nếu Anphongsô - trong bối cảnh thời ấy - khao khát một sự nghiệp giáo sĩ và nhắm đến một địa vị cao trong Giáo Hội. Thế nhưng, điều xảy ra là linh mục Anphongsô đã kết thân và phục vụ cho Lazzaroni, tức những kẻ lang thang trên đường phố của Thành Naples – và sự kiện này đã được ông bố coi là một tai tiếng.

Nhiều yếu tố có tính củng cố hay có tính bù trừ rất thường được người ta tính đến. Các thứ nam của những gia đình quý phái thường được cha mẹ hoạch định ngay từ đầu sẽ trở thành giám mục hay ít nhất cũng là một giáo sĩ có đẳng cấp. Các cậu ấm có năng lực trung bình của những gia đình giàu có và các con trai có tài năng của những gia đình nghèo sẽ được trao cho cơ hội để đạt đến một địa vị cao trong xã hội. Đây là một phần làm nên bối cảnh lịch sử cho não trạng tham quyền cố vị, một não trạng vẫn còn tồn tại đầy đó cả trong thời đại hôm nay.

Não trạng tham quyền cố vị đã và vẫn còn đang là một cám dỗ lớn làm cách ly và phân rẽ các ứng viên và các linh mục ra khỏi dân chúng. Thú thật, tôi không thích thú gì khi đề cập đến tình trạng này, nhưng chúng ta phải đối diện với thực tại để, thứ nhất, nhận hiểu bối cảnh đặc thù của quá khứ và các vấn đề của hiện tại - và thứ hai, để chữa trị và phòng tránh nguy cơ loại bệnh hện xã hội này xảy ra trong tương lai.

Một triệu chứng khác của mặc cảm tự tôn nơi giáo sĩ là việc sử dụng cụm từ “khiết tịnh hoàn toàn” - được hiểu một cách sai lầm là chỉ được gán cho sự độc thân của các tu sĩ và giáo sĩ. Trái lại, theo giáo thuyết trên giấy trắng mực đen của Công Đồng Vatican II và trong sự tương hợp hoàn toàn với Tân Ước, mọi Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh và nên trọn lành. Mọi Kitô hữu, vì thế, cũng đều được mời gọi trở nên khiết tịnh hoàn toàn – song đây là

một sự khiết tịnh tương hợp với các đặc điểm riêng của bậc sống của họ.

Những người kết hôn được mời gọi sống sự khiết tịnh vợ chồng, dĩ nhiên sự khiết tịnh này không hoàn toàn giống với sự trinh tiết của người độc thân. Tuy nhiên, đó vẫn là một tiếng mời gọi họ phấn đấu đạt được sự khiết tịnh hoàn toàn. Theo quan điểm của tôi, cụm từ "khiết tịnh hoàn toàn" được hiểu như dành riêng cho người độc thân thật là một cái gì hết sức vô căn cứ – và cách hiểu như vậy chỉ khoét sâu thêm nguy cơ chia rẽ.

Thiết tưởng cần phải đề cập đến nguy cơ này trong ánh sáng của những phê bình hiện nay. Nhiều linh mục than vãn rằng ơn gọi linh mục đã suy giảm trầm trọng kể từ Vatican II. Họ có khuynh hướng qui gán rằng sở dĩ xảy ra sự khan hiếm này là do bởi tư tưởng tự do mới và do bởi sự phủ nhận việc vâng phục tuyệt đối. Điều chúng ta cần đến hôm nay không phải là những tố cáo sai lầm và thiếu căn cứ nhưng là một niềm trung thành vững chãi hơn đối với Tin Mừng và một nhận thức mới về tính xác thực (authenticity). Mọi biểu hiện của mặc cảm tự tôn và mọi động lực có tính nhập nhằng đánh lộn con đen phải được lật tẩy và phơi trần, phải được triệt nhổ tận gốc rễ trong ánh sáng của Người Tôi Tớ Giavê. Trong quá trình ấy, cơn khủng hoảng hiện nay có thể trở thành một cơn khủng hoảng đầy hồng phúc, một cơn khủng hoảng giúp lớn lên xuyên qua những nỗ lực đầy triển vọng cổ bứt ra khỏi một chức linh mục nông cạn và thay vào đó bằng một đời sống linh mục sâu xa hơn và vững chãi hơn. Không còn ngờ gì nữa, chúng ta phải đọc các dấu chỉ của thời đại, nhưng việc đọc như thế chỉ có thể được thực hiện bằng một niềm trung thành mới mẻ đối với ơn gọi căn bản Kitô hữu và ơn gọi linh mục như được hiện thân nơi Đức Giêsu, Vị Ngôn Sứ và Người Tôi Tớ khiêm nhường.

Một triết học và thần học đã lỗi thời

Không kể một số rất ít ngoại lệ, các chủng sinh được nhồi nhét cũng chỉ thứ triết học cũ rích bất di bất dịch ấy, cũng chỉ thứ thần học cổ điển ấy, cũng chỉ những chân lý bất biến ấy, bất chấp bao nhiêu sự khác biệt sừng sững về văn hóa. Tất cả các chân lý đều được hiểu như rơi trực tiếp từ trời xuống và không cần đưa ra bất cứ sự xem xét nào về các bối cảnh thời gian và văn hóa nhất định. Vai trò của cảnh vực không bao giờ được xem xét đến, và không biết từ bao giờ chưa hề thấy có một sự chú ý nhỏ nhoi nào được dành cho sự kiện rằng để *trung thành với Lời Nhập Thể, Giáo Hội phải luôn luôn tìm kiếm những cách thức mới mẻ để "nhập thể" vào văn hóa – nói tắt là: để hội nhập văn hóa. Mỗi quan tâm chính yếu duy nhất* là quan tâm đến tính đồng nhất của giáo sĩ nhằm phục vụ cho mục tiêu hiệp nhất. Nhưng loại hiệp nhất nào đây? Chỉ mới gần đây, nhờ đánh giá lại được tầm quan trọng của đại kết, chúng ta mới hiểu đúng hơn ý niệm về một sự hiệp nhất được xây dựng bởi những nét khác biệt được hòa giải với nhau và bởi việc cùng chia sẻ mỗi ưu tư đối với công cuộc không ngừng hội nhập văn hóa của Tin Mừng mọi nơi và mọi thời.

Để trả lời một cách thiết thực cho câu hỏi căn bản của chúng ta: Giáo Hội cần loại linh mục nào?, tất nhiên chúng ta phải nêu lên một loạt những câu hỏi liên quan khác – trong đó một câu hỏi rất quan trọng là: Thế giới hôm nay đang cần loại Giáo Hội nào? Loại Giáo Hội nào có thể hết sức trung thành đáp trả tiếng gọi của Tin Mừng và của Đấng Chủ Tể lịch sử? Chúng ta không được phép quên rằng giai đoạn hiện tại của lịch sử nhân loại được đánh dấu bởi một cuộc bùng nổ các biến cố và các biến chuyển lịch sử, bởi sự hiểu biết rõ hơn về lịch sử quá khứ trong tất cả tính đa dạng của nó, bởi một nhận thức mới mẻ về tính đa nguyên hiểu như yếu tố giúp làm phong phú lẫn nhau, và cuối cùng, bởi nhu cầu cần phải có một sự biện phân sâu sắc hơn.

Một câu hỏi khác chúng ta có thể nghĩ đến là: Trong việc biện phân các biến cố văn hóa và các biến cố có tính toàn cầu trong ánh sáng của Người Tôi Tớ phi bạo lực của Giavê, đâu là những cơ hội cho dân Thiên Chúa cộng tác với các linh mục để loại trừ tinh thần thâm căn cố đế nô lệ cho chiến tranh và để loại trừ sự kích động bạo lực trong tất cả các hình thức của nó?

Đành rằng càng ngày chúng ta càng ý thức hơn về bản chất tiệm tiến của sự thay đổi, song chúng ta cũng không thể bỏ qua sự thực rằng một số thay đổi đang diễn ra quá chậm chạp. Cần phải nhấn mạnh rằng, nói chung, sự dồn dập của những tiến trình lịch sử không cho phép chúng ta thoải mái ngồi chờ một cách thụ động.

Tại bước quặt hiện nay của lịch sử, ý niệm về một hàng giáo sĩ hoàn toàn "đồng nhất" với những qui tắc đồng nhất được ấn định bởi một nhãn quan phiến diện (cụ thể, đó là một

quan điểm thuần túy Tây phương với sự tập quyền và toàn trị) là một cái gì hết sức kỳ quái trong Giáo Hội. Giỏi lắm nó chỉ biến Giáo Hội thành một thứ bảo tàng viện vui vui mà thôi. Giáo Hoàng Gioan XXIII đã nhận thức rất rõ điều này. Tôi không bao giờ quên lời ngài nói với các nhà thần học mà ngài đã đích thân chọn hay đã phê duyệt để chuẩn bị cho Công Đồng. Đầu tiên, với vẻ ngán ngẩm rất rõ, ngài bắt đầu đọc một tài liệu mơ hồ nào đó, và rồi bất thành linh ngài bỏ tập giấy kia qua một bên và nói với giọng sâu lắng: “Xin quý vị *đừng bao giờ quên rằng Giáo Hội không phải là một viện bảo tàng!*”

Vận dụng lại mẫu thức cải cách linh mục của Công Đồng Tridentinô làm mẫu thức và làm qui tắc cho cuộc cải cách hiện nay? Đó là điều hết sức sai lầm và chỉ có nghĩa là hy sinh cả hiện tại và tương lai để hậu thuẫn cho một quá khứ mà chúng ta không bao giờ có thể quay về. Vấn đề được báo động khẩn trương ở đây là chính sự tín nhiệm của người ta đối với chức linh mục.

Trong thế kỷ vừa qua ở Đức, rất nhiều giáo sĩ đã nhận được sự đào tạo trí thức tại những đại học do nhà nước bảo trợ, ở đó cái gọi là philosophia perennis (triết học cổ điển đồng nhất) đã nhường chỗ cho một thế giới quan có cảm thức lịch sử rộng thoáng về lịch sử cứu độ xét như là trọng tâm của thần học. Trong ánh sáng của cảm thức mới này, các nhà thần học kiệt xuất đã xuất hiện như Johann Adam Mohler, người đã định hình thần học tín lý, Johann Michael Sailer, Johann Baptist Hirscher và Franz Xavier Linsenmann, người đã mở ra một thần học luân lý đầy kích cảm, sống hoạt và có tính năng động về mặt lịch sử.

Những nỗ lực đầy triển vọng nhằm đem lại sự canh tân đích thực này, cũng như nhiều dấu hiệu hy vọng khác trong Giáo Hội sau cuộc Cách Mạng Pháp, đã bị cản trở bởi cái gọi là Khôi Phục, một khuynh hướng phản ứng trong Giáo Hội bắt nguồn từ Hội nghị Vienna năm 1816 khi Khối Liên Minh thần thánh giữa giáo hoàng trong tư cách là nguyên thủ của Giáo Hội và các hoàng đế Nga, Áo, Phổ gặp nhau nhằm mục đích khôi phục lại các quyền lực chuyên chế của các vị.

Thực ra đây là một liên minh ma quỷ mà hệ quả tệ hại nhất của nó là việc lạm dụng tôn giáo, hoàn toàn đối nghịch với hình ảnh người linh mục bước theo Đức Giêsu Kitô, Người Tôi Tớ khiêm nhường của Thiên Chúa trong chương trình phi bạo lực của Ngài. Hơn nữa, nó hoàn toàn đối nghịch với nhãn giới tiên tri của Đức Giêsu thể hiện qua việc Ngài lật tẩy các mưu chước Satan nhằm cám dỗ người ta sử dụng tôn giáo để mưu cầu quyền lực trần tục (x. Mt 4,8-10). Thiết tưởng có thể thêm ở đây rằng mỗi liên minh nói trên cũng đã dẫn đến những hậu quả hết sức tiêu cực trong lãnh vực đào tạo linh mục nữa.

Ít lâu sau Công Đồng Vatican II, tôi được gọi tới “cung điện” của tòa thánh. Tại đó, Hồng Y Pietro Parente, một sản phẩm đặc trưng của nền giáo dục chủng viện theo Tridentinô và của chức linh mục nhiễm mùi danh vọng, đã trao cho tôi hai lời cảnh cáo: “Nếu anh cứ *tiếp tục theo kiểu của anh, anh sẽ không có một cơ hội tiến thân nào đâu,*” và “*Tôi nghĩ đã đến lúc anh cần ngừng lại.*” Độc giả hẳn không khó nhận ra mối liên hệ giữa hai lời cảnh cáo ấy. Quả thật là sung sướng cho tôi việc tôi sẽ không bao giờ có danh vọng, tôi cũng sẽ không tự trấn áp các quan điểm của mình bao lâu chúng còn phản ánh tiếng gọi linh mục của Người Tôi Tớ khiêm nhường và phi bạo lực của Giavê.

Xin cảnh báo: hãy tránh xu hướng khái quát hóa

Việc tìm hiểu thần học và lịch sử không thể được thực hiện nếu không có một số tiêu thức nào đó. Dù vậy, chúng ta phải hết sức cẩn thận để không khái quát hóa thái quá. Tiêu thức luận (typology) cho chúng ta biết rằng trong Giáo Hội Latinh trước Vatican II, hàng giáo sĩ có tính đồng nhất, ổn định, vâng phục và qui củ thật đáng kinh ngạc, và đôi khi thậm chí người ta lầm lẫn rằng như thế là hiệp nhất. Hơn nữa, rất nhiều linh mục trung thành bền bỉ với kinh nhật tụng và hằng say trong bốn phận “cứu các linh hồn”.

Tuy nhiên, ở đây ta không được khái quát hóa xa hơn nữa. Cần phải ghi nhận rõ rằng trong mọi thế kỷ, nhất là trong hai thế kỷ vừa qua, luôn luôn có những linh mục phi thường, thấm đẫm tính cách độc đáo và sáng tạo, đã thoát ra khỏi những chuẩn mực. Tôi thiết nghĩ rằng một linh mục có nhân cách trỗi vượt có thể tác động tích cực đến thế giới nhiều hơn là một trăm bản sao loại xoàng của loại linh mục rập khuôn máy móc.

Trong số những khuôn mặt lớn, có thể kể đến Thánh Inhaxiô Loyola, Thánh Anphongsô Liguori và Thánh John Neumann. Ngay cả Thánh Gioan Vianney, một đại diện thứ thiệt của

mẫu thức giáo sĩ theo Tridentinô, cũng là một thiên tài trong việc dẫn dắt người ta bước vào sự an bình và thánh thiện nội tâm. Cũng còn phải kể đến John Henry Newman nữa, một con người cải giáo và trở thành một linh mục Công Giáo vĩ đại bậc nhất của thế kỷ 19; ngài đã nhận được sự đào tạo ban đầu trong phong trào Oxford và đã được bổ nhiệm làm hồng y ở tuổi xế chiều. Cần phải có cả một pho sách mới có thể trình bày hết những đóng góp của ngài cho công cuộc canh tân việc đào tạo linh mục.

Bartholomew Holzhauser (1613-1658), một linh mục triều, cũng là một mẫu gương kiệt xuất cho thấy những gì mà một con người giàu đặc sủng có thể làm để đóng góp cho cuộc canh tân Giáo Hội. Trong suốt cuộc Chiến Tranh Ba Mươi Năm, ngài đã thành công trong việc thuyết phục nhiều cha xứ sống đời sống chung, chia sẻ với nhau mọi sự, nhất là chia sẻ đời sống cầu nguyện và công việc mục vụ. Những linh mục này là những kiểu mẫu của “nhà cầu nguyện”. Trên khắp vùng đất Bavaria và Áo, người ta thấy mọc lên những trung tâm cổ vũ sự cải cách đích thực trong Giáo Hội – qua đó chứng tỏ rằng Thần Khí (ruah) muốn thổi đâu thì thổi.

Những ơn gọi linh mục ở tuổi muộn màng

Có một sự kiện thật thú vị, đó là đa số các khuôn mặt kiểu mẫu đều bước vào chức linh mục ở một độ tuổi khá muộn màng, khi đã có nhiều kinh nghiệm sống phong phú. Tất cả các linh mục Dòng Chúa Cứu Thế được phong thánh cũng đã bước vào chức linh mục khá muộn trong tuổi đời, chẳng hạn các Thánh An-phong-sô, Clement Hofbauer và John Nepomucene Neuman, vị tông đồ của những người dân nhập cư vào Hoa Kỳ và là người - với năng lực và khả năng tiên liệu phi thường - đã tổ chức cả một hệ thống các trường học Công Giáo. Peter Donders, người tô tở hèn mọn của những người cùi và là tiếng nói ngôn sứ mạnh mẽ chống lại cơ chế nô lệ, đã đi tiên phong trong phong trào linh mục thợ. Những con người trở lại và những ơn gọi muộn màng lừng danh ấy, vốn đã được đào tạo chín muồi về trí thức và đã dày dạn trong kinh nghiệm sống, đã trở thành một thứ cầu nối **giữa các giáo sĩ có nguy cơ tách ly xa rời cuộc sống** và cảnh vực đời thường của dân chúng với tất cả những thực tế của nó.

Thánh Anphongsô Liguori, mẫu gương điển hình của “một người trong chúng ta”

Ở tuổi 17, Anphongsô hoàn thành một cách xuất sắc học vị tiến sĩ về dân luật và giáo luật. Hai mươi tuổi, được coi là một trong những luật sư uy tín nhất ở Naples, ngài đã “quay lưng lại với thế giới” – như chính lời ngài tự bạch.

Anphongsô muốn nói đến loại thế giới nào khi nói: “Hỡi thế giới, giờ đây ta đã biết ngươi!” Đó là một thế giới trong đó một tôn giáo nặng hình thức và đầy bóng lộc cung ứng những địa vị thế giá và những tước hiệu cao trọng cho các ứng viên có tiềm năng. Anphongsô quay lưng lại với một thế giới vốn tiêu biểu cho một thứ “đa thần giáo”, một hỗn hợp của danh, phú và thú – và cả Thiên Chúa nữa cũng được lộng vào trong cuộc đời chác này. Món ‘thập cẩm’ ấy buộc chúng ta đặt ra câu hỏi: “Đó là loại Thiên Chúa nào vậy?”

Đối với nhiều linh mục, Thiên Chúa của Công Đồng Tridentinô được khắc họa như một Thiên Chúa đứng về phía những người có quyền lực và những người có cấp bậc cao trong Giáo Hội. Loại đa thần này có thể sống còn một cách thoải mái, thậm chí có thể hậu thuẫn cho các tín điều của đức tin Công Giáo, bao lâu thói tự tôn của giới tư tế vị vọng chưa được lột trần và chưa được vượt qua.

Ngay sau khi được truyền chức linh mục, Anphongsô tiếp tục triệt để chống lại khuôn mặt Thiên Chúa đầy tính vương giả và quý tộc ấy qua việc ngài hoàn toàn dẫn thân phục vụ cho người nghèo, cho những người bị bỏ rơi và bị khinh miệt nhất. Thật vậy, sự dẫn thân này là lý do nền tảng giải thích việc Anphongsô thoát ly khỏi thế giới của những người giàu, của những người quyền thế, nhất là thoát ly khỏi “thế giới” được hiểu theo nghĩa xấu: sự lạm dụng tôn giáo để phục vụ cho quyền lực và danh vọng.

Như chúng ta đã ghi nhận, sự dẫn thân đầu tiên của Anphongsô nhắm đến những người Lazzeroni. Ngài không chỉ quan tâm săn sóc những kẻ bơ vơ không nhà, mà hơn thế nữa, ngài biến họ thành những người cộng tác để xây dựng các nhóm huynh đệ trong chính tầng lớp của họ. Ngài tổ chức các “lớp đêm dạy cầu nguyện” trong đó những con người này tham dự một cách đầy năng động và sáng tạo. Thiên năng của Anphongsô bộc lộ nơi sự săn sóc ân cần của ngài đối với người nghèo không *hiều bằng nơi sự kính trọng mà ngài dành cho họ*,

đặc biệt qua việc ngài sẵn sàng tín nhiệm họ trước, ngay cả khi 'sự tín nhiệm trước' ấy của ngài không đem lại kết quả tức thời.

Cha của Anphongsô, một nhà quý tộc có tính cách hướng nội, là một người dễ nóng nảy nhưng đồng thời rất e dè. Trong nhiều năm, ông không nói chuyện với Anphongsô – đứa con mà ông cho là phản bội lại danh giá của gia đình. Một hôm, ông bố quý tộc này đi ngang qua một nhà thờ chen chúc người, và một bài hát cảm động đã thu hút sự chú ý của ông. Ông tò mò bước vào ... và rất đỗi ngạc nhiên khi nhận ra đứa con trai mà ông kể như đồ bỏ đang hát bài Tin Mừng từ trên thư đài và đang truyền cảm xúc sâu lắng cho cả cộng đoàn đang hiện diện. Đó là khoảnh khắc hoán cải của ông bố này – ông bắt đầu ước mơ không chỉ tham gia vào cộng đoàn mới thành lập này mà ông còn mong muốn trở thành một chức việc cho nhà thờ. Vốn thực tiễn, Anphongsô đã từ chối nguyện vọng đó của cha mình.

Các bạn đồng hành đầu tiên của Anphongsô – ban đầu chuyên giúp đỡ những người nghèo túng và bị bỏ rơi ở Naples, về sau đảm nhận việc săn sóc mục vụ cho các dân quê nghèo – tất cả đều trở thành linh mục khi tuổi đời đã khá muộn. Chính trong tinh thần phản kháng *một cách yêu thương và phi bạo lực chống lại một số sự dữ nổi cộm* trong Giáo Hội thời đó mà ngoài ba lời khẩn truyền thống, Anphongsô và các bạn mình còn thêm hai lời khẩn hoàn toàn mới: -ưu tiên kính trọng và quan tâm tới người nghèo, những người bị khinh miệt, bị bỏ rơi; và -không bao giờ săn đuổi hay chấp nhận các danh dự, đặc quyền, tước vị hay thậm chí chức giám mục trong Giáo Hội.

Trong những năm Anphongsô học chương trình thần học, có một khuynh hướng khắt khe cứng nhắc rất phổ biến nơi các giáo sư của ngài, nhất là nơi những người giảng dạy môn thần học luân lý. Thật khó cho Anphongsô tách mình ra khỏi khuynh hướng này. Vậy điều gì đã giúp Anphongsô làm được chuyện đó? Theo nhận xét của tôi, đó chính là cuộc thoát ly gồm ba chiều kích mà ngài đã thực hiện: thoát ly khỏi thế giới đặc quyền để dứt khoát đi tới với những người nghèo và những người bị khinh miệt; thoát ly khỏi lòng tự tôn về văn hóa để đến với những con người đơn sơ chất phác và hấp thụ tính cách đơn sơ của họ; và cuối cùng, thoát ly khỏi cái thế giới lạm dụng tôn giáo và trục lợi cá nhân để đạt đến tấm lòng và nhãn quan của Đức Kitô, Người Tôi Tớ Đau Khổ của Giavê. Một lần nữa, ở đây tôi muốn qui chiếu đến bản văn Mt 4,1-11, trong đó Đức Giêsu được mô tả như một người vạch mặt các mưu chước Satan nhằm cám dỗ người ta sử dụng tôn giáo để tranh thủ bổng lộc trần thế, tranh thủ hào quang, danh dự và quyền lực trên người khác.

Những tranh cãi kỳ quặc về hiệu lực của việc truyền chức

Cuộc tranh luận lỗ bịch về chuyện ai (trong số các kẻ được Đức Giêsu chọn đi theo Người) sẽ là người có địa vị cao nhất đã không chấm dứt với các môn đệ thuở đầu tiên ấy. Thật vậy, câu hỏi thâm căn cố đế ấy còn ám ảnh nơi Giáo Hội thời Constantine một cách lỗ bịch hơn nhiều so với cuộc tranh luận của các ngư phủ chất phác xưa kia. Không thể đếm được bao nhiêu cuộc tranh luận và bao nhiêu câu hỏi đã được đặt ra xung quanh tính hiệu lực của nghi thức bí tích, nhất là của nghi thức truyền chức. Những cuộc tranh cãi ấy đã rộ lên vào thời đó và vẫn còn tiếp tục cho đến hôm nay.

Cách đây hai năm, khi tôi ở Prague, tôi có dịp có mặt tại một cuộc qui tụ một số nhóm Công Giáo. Họ trước đó vốn từng trải qua một giai đoạn dài bị bách hại, phải sống chui nhủi và đã phải truyền chức 'chui' cho nhiều linh mục, một số các linh mục này là những người đã kết hôn. Thật tuyệt vời biết bao đức tin của họ, thái độ dẫn thân và tinh thần đơn sơ của họ! Rõ ràng, những con người được truyền chức này và gia đình của họ là những Kitô hữu hết sức tuyệt vời.

Nhưng có một vấn đề gây trở ngại một cách không cần thiết cho những linh mục này, đó là họ nghi ngờ tính hiệu lực của việc truyền chức của mình – nỗi nghi ngờ ấy được thổi phồng lên bởi một số thẩm quyền trong Giáo Hội. Các linh mục và giám mục này được truyền chức một cách hết sức bí mật sau khi được Giáo Hoàng Piô XII đích thân cho phép, mặc dù ngài tránh các thủ tục ngoại giao thông thường do phải cảnh giác mật vụ cộng sản đang ráo riết hoạt động lúc bấy giờ. Tôi có may mắn gặp nhiều linh mục trong diện này và cả một số giám mục nữa – trong đó có một giám mục được truyền chức một cách vô cùng kín đáo bởi vị giám mục trước đây của (giáo phận) Augsburg.

Vị giám mục nói trên là một trong những vị tiên phong dũng cảm nhất và có nhiều ảnh

hưởng nhất trong số những người được truyền chức chui thời bấy giờ. Không ai chối cãi ông là một con người linh lợi tháo vát, có lòng can đảm và khả năng tiên lượng trỗi vượt. Thật đáng tiếc, một số quan chức thiển cận ở Rôma đã tuyên bố rằng ông mất quân bình tâm lý và do đó việc truyền chức cho ông rất có thể vô hiệu lực.

Phải nghĩ sao về một tuyên bố kỳ cục như thế? Nếu một sự mất quân bình tâm lý được người ta quyết đoán – chứ không phải được chứng minh hẳn hoi – là lý do để người ta nghi ngờ hiệu lực bí tích truyền chức của đương sự, thì chúng ta có thể không bao giờ chấm dứt được những mối nghi ngờ về bao thể hệ linh mục, vì chắc chắn trong lịch sử có hàng ngàn giám mục (gồm cả những giám mục trong thời đại chúng ta) bị mất quân bình hơn cả vị giám mục nói trên kia. Tiếc thay, ông đã qua đời rồi và do đó không thể tự bênh vực cho mình được.

Đòi các linh mục đã được truyền chức chui, nhất là những người đã kết hôn, phải được “truyền chức lại” đúng qui định – đó là điều hết sức quái đản. Người ta khó chịu và ngán ngẩm gọi đây là “siêu chức thánh” (superordination). Một số người miễn cưỡng chấp nhận lệnh này, trong khi những người khác dứt khoát không chấp nhận. Giáo Hội không có đủ các vấn đề thực để giải quyết hay sao mà còn bày ra những vấn đề nhân tạo như thế? Tôi thực sự tin rằng những linh mục nói trên – một cách độc đáo – là hiện thân đích thực và sống động của Đức Giêsu, Con Người, Đấng là “một người giữa chúng ta”. Tôi cho rằng cần phải coi các linh mục ấy như là hình mẫu cho chức linh mục tương lai.

Khi tôi còn là một nhà thần học luân lý trẻ, một số linh mục thuộc loại nguyên tắc chi li, trong đó một số có chức tước cao, đã đến tìm sự tư vấn với tôi vì cảm thấy bất an xung quanh tính hiệu lực của bí tích truyền chức. Bạn có thể tưởng tượng được mối băn khoăn nhất của họ là gì không? Họ tự hỏi không biết hồi được truyền chức mình có đã đụng chạm cùng một trật đến chén thánh, đĩa thánh và bánh thánh trên bàn thờ hay không (vào thời ấy, sự đụng chạm này được coi là dấu hiệu chủ yếu *cho hiệu lực của việc truyền chức*) – và họ lo rằng nếu mình đã không làm nghi thức đó một cách thành sự thì tất cả những thánh lễ và những bí tích mà mình cử hành sau đó đã không có hiệu lực! Rất may, Giáo Hoàng Piô XII đã chấm dứt tất cả những băn khoăn ngớ ngẩn này bằng cách chính thức tuyên bố rằng nghi thức nói trên không có liên quan gì với tính hiệu lực của việc truyền chức.

Ngày nay, trong nhấn giới đại kết, những tranh luận xung quanh tính hiệu lực kiểu như trên càng đặc biệt gây sốc. Các linh mục Anh giáo trở về với Công Giáo vẫn phải được truyền chức đúng qui định, và sự tranh cãi chính yếu chống lại tính hiệu lực thì thật khá kỳ quặc. Người ta nêu lập luận rằng các giám mục Anh giáo vốn trước kia ly khai khỏi Giáo Hội Công Giáo trong thời Cải Cách đã không thật sự biết ý nghĩa của bí tích truyền chức và chức linh mục và, do đó, họ có thể đã không có ý hướng đúng đắn.

Nếu lập luận ấy chứng tỏ có trọng lượng đối với Rôma, thì nên bắt đầu “truyền chức lại” cho tất cả các linh mục và giám mục của chính chúng ta nữa. Nhưng ai sẽ làm điều này? Chúng ta có thể tự hỏi rằng các giám mục thời Phục Hưng của Giáo Hội Công Giáo có ý hướng đúng đắn hay không. Họ có hiểu biết hơn những người kia về chức linh mục là gì không? Giáo Hoàng Gioan XII phóng đăng được bầu lên ngôi giáo hoàng năm 17 tuổi, trước mặt Chúa, đã hiểu biết được bao nhiêu về ý nghĩa của việc trở thành một giám mục – chưa nói là trở thành một giám mục Rôma? Thiển nghĩ để khôn ngoan hơn, cần phải dẹp bỏ những tranh cãi và những quan tâm ngớ ngẩn này và – thay vào đó – hãy cố gắng nhận hiểu sâu xa hơn ý nghĩa của truyền thống tông đồ am hợp với toàn bộ Tin Mừng của Đức Giê-su Kitô.

Nếu chỉ bận bịu với vấn đề nghi thức như thế, sẽ có những khó khăn đặc biệt nghiêm trọng xung quanh vấn đề kế thừa không gián đoạn của các giám mục Rôma. Lịch sử nhắc chúng ta nhớ rằng có nhiều giáo hoàng là những kẻ buôn thần bán thánh được bầu vào chức vị đó một cách không ngay chính. Đã nhiều lúc người ta không biết ai là người kế vị đích thực của Thánh Phê-rô, nhất là trong những thập niên có tồn tại đồng thời đến hai hay ba giáo hoàng, một số trong đó là những con người bất xứng. Rõ ràng, có một tính tông truyền trong Giáo Hội mà – nếu hiểu theo một nghĩa thâm sâu hơn – có thể giúp chúng ta chấm dứt một cách dễ dàng hơn những tranh cãi đần độn, nhất là nếu chúng ta biết thiết tha với công cuộc thăng tiến đại kết.

Cần biết hài hước

Khiếu hài hước của chúng ta, một cách nào đó, chắc chắn là một phản ánh bé nhỏ của khiếu hài hước vĩ đại nơi Thiên Chúa. Nếu chẳng vậy, làm sao Thiên Chúa có thể chịu được chúng ta một cách vô cùng kiên nhẫn như thế? Hài hước quả thật là một đức tính đầy năng lực giải phóng và chữa trị.

Chẳng hạn đối với vấn đề về tính hiệu lực, từ một nhãn quan sinh vật học, chúng ta biết một số người đàn ông có nhiều yếu tố nữ hơn là yếu tố nam trong DNA (di truyền tố) của mình; thế nhưng xét mặt ngoài, họ vẫn là đàn ông. Nếu, theo giáo huấn của Vatican, phụ nữ không thể được truyền chức một cách thành sự, thì bằng cách nào chúng ta giải thích việc truyền chức cho các linh mục và giám mục với những di truyền tố chứng tỏ họ là nữ nhiều hơn là nam? Xuất phát từ lập luận dựa cơ sở trên sinh vật học được Vatican sử dụng để bác bỏ việc truyền chức cho phụ nữ, ta thấy ở đây bật ra một câu hỏi thứ hai, không kém hài hước: Chúng ta sẽ phán đoán thế nào về hiệu lực của việc truyền chức cho những người là đàn ông theo di truyền tố song lại bộc lộ cốt cách éo lá yếu ớt như phụ nữ?

Điều cần rút ra ở đây là: khi chúng ta khởi đi từ những tiền đề sai lạc, thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể đạt đến những cách giải quyết khả dĩ hợp lý. Những lập luận hàm hồ, thiếu cơ sở và viển vông có thể được vượt qua một cách tốt nhất, ít là phần nào, nếu ta có đủ tinh thần hài hước.

Giáo Hội đang cần loại thần học luân lý nào?

Rảo qua cái thế giới kỳ quặc nhiễm nặng bệnh nghi lễ, chúng ta trở về với một câu hỏi cốt lõi về con người linh mục tương lai. Đứng trước thực tế rằng, một phần nào đó, các linh mục đã được đào tạo một cách méo mó bởi những hệ quả tiêu cực của khuôn khổ luân lý và nghi thức theo mẫu thức Tridentinô, một câu hỏi căn bản đặt ra cho chúng ta là: Người linh mục lý tưởng của hôm nay và tương lai cần được dạy cho thứ thần học luân lý nào, không chỉ để đương sự nhận hiểu chính bản thân mình mà còn để giúp cho đương sự trong sứ vụ rao giảng Tin Mừng – một sứ vụ thiết yếu bao hàm việc hướng dẫn luân lý cho người ta?

Phần đông các linh mục thuộc loại nệ nghi lễ và gặp bối rối nhiều trong các thế kỷ vừa qua đều là những nạn nhân của một nền thần học luân lý của Rôma. Họ bị đòi hỏi phải học một danh sách dài liệt kê những tội trọng được phân loại chính xác, trong đó có nhiều tội được coi là *ex toto genere*. Hàng trăm câu hỏi về tội trọng được giải đáp trong qui chiếu với các định chế về nghi thức, và thường là chìm trong đám mây mù của những cấm kỵ.

Giáo huấn về một sự vâng phục và trung thành theo quan niệm hẹp hòi đã dẫn tới một thái độ khắc nghiệt trong đó mọi chất vấn đụng chạm đến thẩm quyền Giáo Hội đều bị đè bẹp. Một thứ tinh thần khù khờ xoàng xĩnh có thể sống còn được trong một bầu khí có xu hướng tiêu diệt mọi sự nghi ngờ nghiêm trọng đối với chính thể chế. Dĩ nhiên, những chủng sinh và linh mục sắc sảo hơn sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc trấn áp các nghi ngờ của mình về tính chính đáng của một hệ thống luân lý như thế và, do đó, cách này hay cách khác những chủng sinh và những linh mục này phải chịu khốn khổ rất nhiều về mặt tâm lý.

Nhiều người xem ra đã tìm được cách giải quyết. Hàng trăm câu hỏi nhỏ được mở ra để thảo luận, và bởi vì những tranh luận kiểu đó sẽ không cùng, nên một số người có cảm nghĩ rằng ít nhất qua đó họ cũng phát triển được khả năng biện phân. Nhưng những "câu hỏi mở ra" này phần lớn lại không phản ánh những mối quan tâm nóng bỏng của số đông dân chúng.

Còn một vấn đề nghiêm trọng khác nữa tập trung xung quanh những thủ bản thần học luân lý của Rôma được sử dụng rộng rãi lúc bấy giờ; những thủ bản này đưa ra một cái nhìn hết sức thiên cận về ân sủng, xem ân sủng sự trợ giúp của Thiên Chúa để người ta chu toàn mọi điều luật và mọi qui tắc một cách trung thành. Thật xa lạ biết bao với nhãn quan của Thánh Phao-lô về ân sủng: "Anh em không thuộc về Lễ Luật, nhưng là thuộc về ân sủng" (Rm 6,14). Thêm vào với vấn đề này là vô số những luật phạt vạ của Giáo Hội, chưa kể đến một hệ thống chi li những tước phẩm và vinh dự dành sẵn cho những linh mục ngoan ngoãn vâng phục nhất. Thật là một sự xuống cấp của đời sống linh mục khi mà lòng kính sợ chính đáng đối với Thiên Chúa bị thay thế hay bị pha trộn bằng một hệ thống những hình phạt và những hứa hẹn!

B. F. Skinner, một bậc thầy xuất chúng trong việc huấn luyện chuột và khỉ, đã quả quyết

rằng con người cũng có thể được huấn luyện như loài chuột và loài khỉ, bằng cách sử dụng một sách lược huấn luyện tương tự bao gồm một sự pha trộn đúng liều lượng giữa những phần thưởng hấp dẫn và những đe dọa kinh hoàng. Tôi nghĩ rằng điều đó chỉ đúng cho những kẻ yếu nhược, tầm thường, nhất là khi những kẻ ấy bị niêm trong một hệ thống luân lý nệ luật kết hợp với một nền giáo dục chỉ đề cao chuyện thưởng phạt. Rất tiếc là Skinner không biết gì về một nền thần học và giáo dục luân lý đặt nền tảng trên kinh nghiệm về lòng quảng đại và về tính *không* (*gratuity*). *Sẽ thật đáng xấu hổ nếu các vị lãnh đạo Giáo Hội ngày nay không ý thức về – hay không nhạy cảm với – năng lực giải phóng của một đời sống không còn thuộc về luật lệ nữa mà đã thuộc về ân sủng.*

Nếu các linh mục được đào tạo bởi loại luân lý nguy tạo và nệ luật của Rôma và đồng thời bị phơi sườn cho những quyến rũ của danh vọng trong Giáo Hội, thì quả thật họ sẽ phải có một mức tinh sạch phi thường trong ý hướng và một đức tin hết sức mạnh mẽ mới có thể vượt qua những cám dỗ cuốn cuộn lên từ cả bên trong lẫn bên ngoài mình – nhất là khi ảnh hưởng của nền giáo dục thuở thiếu thời của họ càng được củng cố thêm bởi một môi trường Giáo Hội đẩy đẩy những cám dỗ của Satan làm cho người ta “sử dụng” tôn giáo và các chức vụ tôn giáo để mưu cầu danh vọng và quyền lực cá nhân.

Cuối cùng, thật không có gì đáng ngạc nhiên khi tại một số vùng trên thế giới vốn còn in đậm dấu ấn của một truyền thống luân lý và một cơ cấu nặng tính thưởng phạt, các linh mục thường bị coi – theo một nghĩa nào đó – là những kẻ lừa bịp, hay nếu dùng từ ngữ nhẹ nhàng hơn thì đó là những “kẻ mặt lác”. Người ta cảm thấy hình như các linh mục luôn luôn qui chiếu đến hệ thống thưởng phạt, với câu hỏi trần trọc mãi trong tâm trí họ là: Làm như thế này thì sẽ ảnh hưởng ra sao đến uy tín cá nhân và sự nghiệp của mình? Thật đáng buồn, thường thì chỉ sau khi đương sự đã ổn thỏa được mối quan tâm vị kỷ này rồi, thì vấn đề sự thật mới được đặt ra. Cũng may, nhiều linh mục trưởng thành vốn đã từng trải qua chế độ đào tạo cứng ngắt và đầy tính nệ luật song không bị ảnh hưởng sâu đậm lắm, vì họ biết luôn trước hết tham vấn Tin Mừng và nhìn ngắm mẫu gương của Chúa Giêsu và các thánh.

Vì vai trò của linh mục chủ yếu là vai trò nêu chứng tá khả tín, nên điều tối quan trọng là tất cả các cơ cấu Giáo Hội, tất cả các mối quan hệ căn bản trong Giáo Hội, và toàn bộ việc đào tạo luân lý phải khích lệ và thúc đẩy sự trung thực và tinh thuần tuyệt đối. Cố gắng này cũng trùng hợp với nhu cầu khẩn thiết phải phòng tránh sự lan tràn của các tâm bệnh do Giáo Hội. Bất cứ gì có thể gây phương hại đến yêu cầu tuyệt đối về sự trung thực và sự đáng tin cậy của người linh mục đều không bao giờ có thể được dâng lên Thiên Chúa như một hy lễ khả dĩ được Ngài chấp nhận.

Vai trò của linh mục phình ra thái quá

Người linh mục theo mẫu thức Tridentinô, nhất là trong thế kỷ 19, thường bị quá tải bởi quá nhiều vai trò phải đảm nhận và, do đó, phải khổ nhọc nhiều. Ông phải là một mục tử tốt, một cha giải tội siêng năng, một vị giảng thuyết có sức lôi cuốn, một ông thầy dạy luật, và đồng thời còn phải là một người điều hành các nghi lễ. Thêm vào đó, ông phải dạy giáo lý, phải quản lý tài sản và tiền bạc của giáo xứ, vân vân và vân vân ... Chỉ có trời mới liệt kê hết các bốn phận của ông.

Một cách thiết yếu, các vai trò được ghi nhận trong lịch sử của giáo hoàng đã được tham chiếu như một nguyên mẫu cho vai trò của ông cha sở ở giáo xứ. Xưa nay giáo hoàng vẫn là giám mục Rôma, thủ phủ của nước Ý và là thượng phụ của Tây phương và của đa số các lục địa. Qua thời gian, các giáo hoàng dần dần dành cho mình quyền bổ nhiệm các giám mục. Trong quyển *De Consideratione của Thánh Bernard*, một quyển tuyển tập các bài giảng tĩnh tâm cho Giáo Hoàng Eugene III, tác giả thẳng thắn và quyết liệt cảnh cáo mọi sự phình trương các hoạt động của giáo hoàng:

Suốt ngày con nghe trong dinh thự của Đức Thánh Cha đầy đầy những tiếng bàn tán rôm rả về luật và luật. Và con chẳng nghe thấy luật nào khác ngoài luật của Hoàng Đế Justinian! Con chẳng nghe gì về thứ luật mà mình thích thú – luật yêu thương. Đức Thánh Cha đã phung phí phần lớn thời giờ cho những vấn đề chính trị. Xung quanh Đức Thánh Cha vây kín những kẻ xu nịnh, dối trá và những người tìm kiếm bổng lộc. Đức Thánh Cha hãy dành thời giờ quý giá của mình để suy niệm và rao giảng Tin Mừng một cách phấn khởi ...

Trong thời đại chúng ta, giáo hoàng đảm nhận công việc bổ nhiệm hầu như tất cả bốn ngàn giám mục trên khắp thế giới và điều hành một bộ máy đồ sộ phụ trách việc bổ nhiệm

các nhà thần học và việc giảng dạy của họ trên toàn cầu, không còn bao nhiêu chỗ cho các công việc khác. Giáo hoàng có khuynh hướng trở thành người giám thị toàn thể giới, và gần đây tỏ ra muốn trở thành chính hiện thân của vị thầy dạy luân lý. Như một thể chế quân chủ chuyên chế, hoàn toàn chỉ có giáo hoàng định đoạt chuyện mở rộng ra hay hạn chế bớt mức độ cộng tác của hồng y đoàn hay của thượng hội đồng giám mục. Đây há không rõ ràng là biểu hiện của sự phình trương quá mức nơi hàng giáo sĩ đó sao? Sự kiện giáo hoàng ôm đồm quá rộng như vậy có thực sự thăng tiến các ơn gọi linh mục đích thực không? và có giúp người ta nhận thức đúng đắn về chức linh mục và chức giám mục theo nền tảng Thánh Kinh không?

Cũng vậy, chúng ta có thể tự hỏi liệu các linh mục và giám mục ôm đồm trăm công ngàn việc như thế có còn thời gian dành cho việc thường huấn và cập nhật về thần học, tu đức và các khoa nhân văn không? Họ có đủ thời gian cho việc cầu nguyện, cho việc khám phá các phương pháp cầu nguyện và cho việc cố gắng hòa hợp giữa cuộc sống và cầu nguyện không? <OJ>

còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

ÍT SUY TƯ VỀ TÍNH ĐẶC THÙ CỦA CƠ QUAN BÁC ÁI CARITAS CỦA GIÁO HỘI

(Dưới ánh sáng Thông điệp “THIÊN CHÚA LÀ TÌNH YÊU” của Đức Benedicto XVI)

Bài này viết không có mục đích bình luận Thông điệp “Thiên Chúa là Tình Yêu / Deus Caritas est” của Đức Benedicto XVI. Việc này chắc phải dành cho các đẳng thẩm quyền cao và chính Đức thánh cha cũng đã cắt nghĩa rõ ràng trong thông điệp của ngài. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nêu lên một vài suy tư chính, có tính cách lịch sử mà Đức Thánh Cha đã nói đến trong thông điệp đầu tiên của ngài: *Cơ quan Bác Ái CARITAS hoàn vũ*.

Đây là một tổ chức công giáo thời đại, trong đó tất cả các hoạt động xã hội và bác ái đều được thực hiện với danh nghĩa Giáo Hội hoàn vũ. Các tổ chức này trải rộng trên một địa bàn từ cấp giáo phận đến giáo xứ, hiện diện trên hơn 200 quốc gia và nhiều nơi khác trên khắp thế giới.

Trong Thông điệp về TÌNH YÊU rất quan trọng này, Đức Benedicto XVI đã cắt nghĩa một cách rất sâu sắc cho chúng ta hiểu thế nào là Tình Yêu đích thực. Chúng ta là người Kito hữu cũng như các tổ chức bác ái phải thi hành các công tác bác ái xã hội để hoàn thành sứ mạng **“lan truyền, chia sẻ Tình yêu và Công Lý xã hội trên khắp thế giới”**.

TÌNH YÊU KITO GIÁO: Cốt lõi của niềm tin

Đây là thông điệp đầu tiên của Đức Thánh Cha Benedicto XVI nói về Tình yêu Kitô giáo. Đối với người tín hữu Kito giáo, **“Tình yêu là cốt lõi của Niềm Tin”**. Nó có tầm quan trọng đặc biệt nên Đức Thánh Cha đã mở đầu thông điệp của ngài bằng lời thánh Gioan: *“Chúa là Tình Yêu, và ai ở trong Tình Yêu, kẻ đó ở trong Chúa, và Chúa ở lại với họ”* để rồi cũng trong ý thánh Gioan, ngài nhắc lại cho chúng ta: *“Chúng tôi đã nhận ra Tình Yêu Thiên Chúa gửi đến cho chúng tôi và chúng tôi đã tin vào Tình Yêu đó” Ga 4, 16) (1)*. Ngài mở ra cho chúng ta một viễn tượng về Giáo Hội, một hành trình công tác mà thánh Phêrô xưa kia đã đáp lại lời Chúa gọi *“Hãy ra khơi – Duc in altum, mar adentro”* mở đầu cho thiên niên kỷ mới này. Ngài cũng cho chúng ta thấy: *“Trên thế giới thịnh thoả người ta vẫn liên đới tên Chúa với việc trả thù và ngay cả dùng tên Ngài để kêu gào thù hận và bạo lực”* và do đó *“sứ điệp này thật hợp thời và thực tế” (1)*. Vì vậy ngài đưa ra cho chúng ta một đường hướng, một công thức để chúng ta thi hành: *“Tất cả chúng ta đã được Chúa thương yêu một cách nhưng không thì chúng ta cũng phải chia sẻ tình yêu đó cho tha nhân”*.

Với một suy tư rất thâm trầm nhưng đơn giản và rõ ràng, rất cơ bản nhưng không cầu kỳ khó hiểu, ngài đã cho chúng ta thấy Tình Yêu Thiên Chúa và Tình yêu loài người là hai thứ tình yêu thánh và trần tục nhưng luôn liên quyện với nhau trong cùng một tư duy và hình thái độc nhất. Từ đó ngài vẽ ra cho chúng ta, cho Giáo Hội một con đường, một công thức cụ

thể để chúng ta noi theo. Đó là tác động Thiên Chúa yêu thương ta và chúng ta yêu mến Chúa phải được thể hiện qua hành động rao giảng lời Chúa, cử hành các phép bí tích và thực thi nhiệm vụ bác ái: Bác ái giữa người này với người kia, giữa các bạn hữu với nhau, giữa các hội viên / đoàn viên với nhau cũng như giữa các tổ chức / hội đoàn với nhau, giữa quốc gia này với quốc gia nọ.

Rõ ràng Đức thánh cha đã muốn mọi người ôn lại lời hứa và quyết tâm đáp trả lại tình yêu Thiên Chúa đã được Chúa ban cho loài người một cách bí nhiệm và nhưng không qua Đức Kito. Yêu Chúa và thương người là hai thứ tình yêu có liên hệ mật thiết không thể tách rời, bởi lẽ nó liên đới với chính Chúa Kito là Thiên Chúa thực và là người thực sự. Thực vậy "*Nếu nói rằng tôi yêu Chúa nhưng tôi ngoảnh mặt đi hoặc ghét bỏ tha nhân hay không nhận ra "bạn mình / tha nhân" nơi những người anh em khác là tôi nói dối*" (Ga 4, 20). Do đó, chúng ta phải luôn luôn đối xử và làm tất cả mọi điều tốt lành cho tha nhân, cho mọi người gần cũng như xa với con mắt và tấm lòng người Samaritano nhân hậu qua biểu tượng Đức Kito là đấng đã xuống trần, thương yêu đến chết trên Thập Giá để cứu chuộc chính chúng ta.

Tình yêu Thiên Chúa và yêu Chúa phải được thể hiện qua hành động yêu mến tha nhân. Đây là căn bản cốt lõi của giáo lý Giáo Hội, là viễn tượng và hướng dẫn duy nhất cho toàn thể cộng đoàn Giáo Hội. Nó cũng là bốn phận của mỗi một tín hữu Kito giáo, có nhiệm vụ thực thi bác ái biểu hiện qua tình yêu Chúa ba ngôi để Chúa kết hợp chúng ta lại với Chúa cho đến khi Chúa ở trong tất cả chúng ta. Không thể có Giáo Hội thực sự nếu không có loan truyền lời Chúa, cử hành bí tích và chứng nhân bác ái qua các cơ quan / hội đoàn. Những nhiệm vụ này luôn luôn đi song hành, không thể tách biệt. Có vậy mới tạo được cộng đoàn Giáo Hội tình yêu, một dấu chỉ rõ ràng Thiên Chúa yêu thương nhân loại.

Thực hành sứ vụ bác ái theo như thông điệp của Đức Benedicto XVI là chúng ta đã làm sống lại cơ chế của Giáo Hội sơ khai mà các thánh tông đồ đã ý thức được và thực hiện: "*.... Tất cả những ai đã trở thành tín hữu hợp thành một cộng đoàn và cùng có chung mọi thứ. Họ bán của cải tài sản và chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu cá nhân*" (Cv2,44-45) (20). Cộng đoàn như vậy không còn cách biệt kẻ giàu người nghèo vì tất cả mọi người đều có chung của cải. Họ sống chung với nhau, "*tuân giữ lời các tông đồ dạy*", xây dựng "*cộng đoàn*" (*koinonia*), giữ việc "*bẻ bánh*" và "*cầu nguyện*" (Cv 2, 42). Ngày nay với đà phát triển và biến đổi của thế giới, Giáo Hội không thể là những cộng đoàn được thực hành một cách sát nghĩa như vậy được. Nhưng Giáo Hội vẫn phải giữ tinh thần của một Giáo Hội cộng đồng như xưa. "*Tất cả các tổ chức bác ái của giáo Hội, từ cấp nhỏ bé nhất ở cấp giáo xứ đến giáo phận, quốc gia cho đến hoàn vũ đều phải làm tất cả mọi sự trong khả năng của mình hầu cung ứng những nhu cầu thiết yếu trong những trường hợp cấp bách đặc biệt cho những người cùng khổ theo gương người Samaritano nhân hậu và tinh thần bác ái Kito...để không thể để xảy ra tình trạng nghèo đói đến nỗi có người không sống được đúng phẩm giá vì quá thiếu thốn*".

Ngày 18 tháng 1 năm 2006, sau khi tuyên bố tông huấn đầu tiên "Thiên Chúa là Tình yêu / Deus Caritas est", trong một tóm lược văn gọn về thông điệp của ngài, Đức Benedicto XVI đã đề cập đến những tổ chức / hội đoàn bác ái Caritas của Giáo Hội.

"*....Riêng tôi, tôi cũng cố gắng chứng tỏ cho anh chị em rằng chính hành động Chúa thương yêu chúng ta là một tác động tình yêu duy nhất. Tình thương này cũng phải được thể hiện như là một sứ vụ của Giáo Hội và của các tổ chức của Giáo Hội. Nếu thực sự Giáo Hội là biểu hiện của tình yêu Thiên Chúa đã ban cho loài người thì đó chính thực là nền tảng của niềm tin đã tạo thành Giáo Hội và liên kết chúng ta lại với Giáo Hội để chúng ta hy vọng có được đời sống vĩnh cửu và sự hiện diện của Thiên Chúa ở trần thế này. Tất cả những tác động đó tạo thành sứ vụ của Giáo hội.*"

Trong thực tế, Giáo Hội cũng phải thực hiện tình yêu của mình như là sứ vụ "Tình yêu Giáo Hội", sứ vụ "Tình yêu cộng đồng và cộng đoàn". "*Khi đã hiểu và ý thức được như vậy về tính đặc thù của Tình yêu bác ái của Giáo Hội, thì cơ quan bác ái Caritas của Giáo Hội không đơn thuần giống như những tổ chức từ thiện thường tình khác. Nó nhất thiết phải là chứng tá tình yêu tinh tuyền, sâu thẳm nhất của Chúa đã tạo dựng nên chúng ta, đánh động tâm can chúng ta và thúc đẩy chúng ta yêu người, phản ánh Tình yêu Thiên Chúa nơi con người.*"

Để biểu lộ tình yêu Thiên Chúa, Giáo Hội -như một tổ chức- có bốn phận yêu thương qua việc "*rao giảng lời Chúa*", "*cử hành các bí tích*" và "*thực hành bác ái*".

Do thành tích thực hành bác ái, đức cố giáo hoàng Gioan Phaolo II đã công khai chính thức công nhận cơ quan Caritas hoàn vũ. Như vậy là với tư cách tổ chức bác ái Caritas hoàn vũ, tất cả các cơ quan dưới danh nghĩa Giáo hội, đã thực hành những công tác bác ái một cách bền bỉ ở khắp mọi nơi cùng với việc thờ phượng và rao truyền Tin Mừng Chúa mà giáo hội tuyên xưng.

Cơ quan Caritas là một tổ chức thời đại, một trong ba nhiệm vụ cơ bản của giáo hội. Giáo hội không còn một chọn lựa nào khác, bởi lẽ không thể có một cộng đồng hội thánh được tổ chức bằng Lời Chúa và việc phụng thờ Thiên Chúa mà lại không bao hàm chiều kích sứ vụ thứ ba này của Hội Thánh là công tác bác ái, chứng nhân cho Tin Mừng đã được Đức Kitô hoàn thành trong lịch sử và cho đến ngày tận thế. Theo như thông điệp Thiên Chúa là Tình yêu của Đức Benedicto XVI thì cơ quan Caritas là một tổ chức của Giáo Hội hoàn vũ có nhiệm vụ thi hành một trong ba sứ vụ của Giáo Hội là làm chứng Lời Chúa qua việc làm, tuyên xưng đức tin và cử hành phụng vụ.

Các nguyên tắc và luật lệ của tổ chức Bác ái đã được Đức thánh cha phê chuẩn với những căn tính của cơ quan khi thi hành công tác sứ vụ "nhân danh Giáo Hội": *Không kỳ thị phân biệt phe phái, không hạn chế, không biên cương*. Do đó mỗi khi nhân viên của tổ chức Caritas của Giáo Hội phẩm trật làm công tác thi hành sứ vụ bác ái theo đúng tinh thần của tổ chức là họ đã rao giảng Tin Mừng Chúa.

Tổ chức bác ái Caritas hoàn vũ là dấu hiệu đích thực của Niềm Tin Kito Giáo: *Tình yêu Chúa Kitô đã kích động Giáo Hội thực hiện tình yêu Thiên Chúa*.

LÀM CÔNG TÁC BÁC ÁI TỨC LÀ RAO TRUYỀN PHÚC ÂM KHÔNG CẦN LỜI NÓI

Căn tính của cơ quan bác ái Caritas chính là tinh thần Chúa Kitô, nghĩa là mọi việc làm, cử chỉ, lời nói, hành động đều noi gương ngài. Tận hiến, Phục vụ và cộng đoàn/chia sẻ để thần khí làm sống lại và thúc đẩy việc làm, soi sáng và khuyến khích mọi người thực thi sứ vụ đúng đường lối căn tính đặc thù của tổ chức Caritas trên toàn thế giới.

Để được như vậy, tất cả mọi người khi thi hành nhiệm vụ, không được để tinh thần bác ái Kitô giáo giảm mất bản chất của nó mà Đức Benedicto XVI đã vạch ra rõ ràng trong thông điệp TÌNH YÊU của ngài:

- Ngoài khả năng nghiệp vụ chuyên môn, nhân viên bác ái cần có "con tim", "tình người". Họ phải được dẫn đến gặp Chúa trong Đức Kitô để Ngài đánh thức tình yêu trong họ và mở lòng họ ra cho tha nhân.
- Hành động bác ái phải độc lập với chính đảng và cương lĩnh ý hệ. Cương lĩnh của người Kitô hữu -cương lĩnh người Samaritano nhân hậu, cương lĩnh của Đức Kitô- là "trái tim mở rộng nhìn" để thấy đâu cần tình yêu là hành động.
- Công tác bác ái không được dùng làm phương tiện mà ngày nay người ta gọi là "chủ trương cái tạo". Tình yêu là "hiển dưng nhưng không", nó không được dùng để đạt những "hậu ý khác". Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là ta gạt bỏ Chúa và Đức Kitô ra ngoài khi làm việc bác ái.....Cũng không bao giờ nên tìm cách đẩy người khác vào đạo khi làm việc bác ái. Tình yêu tinh tuyền và không hậu ý sẽ là chứng tá hay nhất về Chúa. Người là đấng yêu ta và thúc đẩy ta yêu. Người Kitô hữu biết lúc nào nên nói về Chúa, và lúc nào nên im lặng để cho tình yêu nói thay. Họ nhận biết Chúa là Tình Yêu và nơi nào ta thực thi tình yêu tinh tuyền, ở đấy Ngài sẽ xuất hiện.

KẾT LUẬN:

Để kết luận ta nên giữ năm lòng lời giáo huấn trong thông điệp "Thiên Chúa là Tình yêu / Deus Caritas est" của Đức Benedicto XVI: *Không thể có một cộng đồng giáo hội trong một Giáo Hội phổ quát mà trong đó không có tổ chức để thực hành sứ vụ bác ái. Do đó không một thành viên tín hữu nào lại có thể cảm thấy mình bị lạc lõng trong những tổ chức bác ái của cộng đoàn mà họ là thành phần trong giáo hội hoàn vũ phổ quát và hiệp nhất, một cộng đồng Kitô giáo thực sự trong mạng lưới hiệp thông để cùng nhau làm việc thiện*.

Pace Island, Florida. March 2, 2006

Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh

LỄ THÁNH GIOAN MARIA VENNEY

Thánh linh mục Gioan Maria Venney nổi tiếng là một cha sở thánh thiện, tận tụy hy sinh hết sức mình cho từng công tác mục vụ, đem hết lòng mến và lo âu chăm sóc linh hồn anh chị em mà thánh nhân được trao cho. Khó lòng nói hết sự thánh thiện, sự tận tụy, lòng mến của thánh nhân, tôi chỉ biết gọi thánh nhân là một anh hùng của tình yêu Chúa, là hiện thân của tình Chúa ở giữa cộng đoàn giáo xứ. Thánh Gioan Maria Venney thật xứng đáng là bổn mạng của mọi cha sở, bởi thánh nhân đã là mẫu gương hiếm có của mọi cha sở. Chính vì thế mà từ năm 1925, Đức Giáo hoàng Piô XI đã chọn thánh Gioan Maria Venney làm thánh bổn mạng của các cha sở.

Cũng là linh mục quản xứ như thánh Gioan Maria Venney, nhân dịp lễ thánh Gioan Maria Venney, tôi suy niệm mẫu gương sống đời mục tử của thánh nhân, ước mong tìm nơi đó bài học kinh nghiệm sống cho tôi, để tôi, nếu không được như thánh Gioan Maria Venney, vị thánh anh hùng của lòng đạo đức, thì cũng là người biết ý thức thường xuyên ơn gọi nên thánh trong trách nhiệm mục tử của mình.

Thánh Gioan Maria Venney có nhiều nhân đức. Nhưng dựa vào Lời Chúa dạy trong Tin Mừng, hãy sống nghèo, hãy sống phó thác, tôi nhìn thấy mẫu gương của thánh Gioan Maria Venney **sống đời mục tử như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng**.

Chúa nói: *"Các con đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mối mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mối mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi...Các con hãy xem CHIM TRỜI. Chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho. Thế mà Cha trên trời vẫn nuôi chúng. Các con chẳng quý hơn chim trời sao?... Các con hãy ngắm xem HOA HUỆ NGOÀI ĐỒNG...Chúng không làm lụng, không kéo sợi. Thế mà, Thầy bảo cho các con biết: Ngay cả vua Salomon được vinh quang tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy...Trước hết hãy lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người..."* (Mt 6, 19.26.28.33).

Lời Chúa dạy hết mọi người. Nhưng trước hết, Lời ấy thật cần cho các linh mục, những người đang lãnh trách nhiệm coi xứ. Kết quả từ cuộc đời của thánh Gioan Maria Venney, chứng minh cho chúng ta thấy, nếu các linh mục biết sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng, sẽ mang lại nhiều lợi ích thiêng liêng cho cộng đoàn dân Chúa mà mình lãnh trách nhiệm coi sóc.

1. Thánh Gioan Maria Venney sống đời mục tử của mình.

Thánh Gioan Maria Venney sống đúng như những gì Lời Chúa đã dạy. Thánh nhân là một linh mục nghèo. Thánh nhân nghèo thật sự, nghèo đúng nghĩa. Để có được một tâm hồn bình an mà toàn tâm, toàn lực phụng sự Chúa, phục vụ anh chị em, thánh nhân đã không cầu toàn, không hề nghĩ đến lợi lộc vật chất cho riêng mình, nhưng chỉ cậy dựa vào ơn Chúa. Ngài ăn uống kham khổ, sống đơn sơ nhiệm nhặt. Ngài luyện tập hy sinh hãm mình hằng ngày để kêu xin Chúa biến đổi lòng của từng anh chị em giáo dân, giúp họ biết sống thân tình với Chúa, biết thờ phượng Chúa trên hết mọi sự.

Để có được năng lực tốt nhất mà phụng sự Chúa, phục vụ anh chị em của mình, thánh Gioan Maria Venney hoàn toàn phó thác đời mình trong tay Chúa. Ngài chìm lắng suốt đời trong cầu nguyện. Cả một ngày sống của Gioan Maria Venney là một ngày sống để cầu nguyện. Thánh nhân bắt đầu ngày cầu nguyện của mình từ nửa đêm về sáng, khi mới một giờ đêm. Khi mọi người còn đang yên giấc, thánh nhân đã vào nhà thờ, quỳ trước nhà tạm, thăm thị với Chúa, chiêm ngắm Chúa.

Sống như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng, thánh Gioan Maria Venney đã miệt mài ngồi tòa giải tội, bất chấp sức khỏe, bất chấp sự nghỉ ngơi, giải trí của mình. Hằng ngày,

thánh nhân giải tội từ mười sáu đến mười tám giờ đồng hồ. Ngài đã chôn mình nơi tòa giải tội đến mỗi mòn sinh lực và kiệt sức trầm trọng. Nơi tòa giải tội, thánh nhân được Chúa ban ơn đặc biệt. Vì thế, ngài hầu như đọc được tất cả những điều sâu kín trong lòng người, khiến người ta tìm lại được niềm tin, sự bình an của tâm hồn. Thánh nhân đã đem về cho Chúa không biết bao nhiêu tâm hồn con người, nhất là những người tội lỗi. Ngài tận tụy giải gỡ tội lỗi cho từng con người. Ngài giúp họ nhìn thấy tình thương hải hà của Chúa, khiến bất cứ ai, sau khi đã đến với ngài đều ý thức lương tâm của mình mà tự nguyện hiến dâng sự trong sạch cho Chúa.

Thánh Gioan Maria Venney làm việc hết mình nhưng cũng phó thác hết mình. Ngài chỉ nhìn thấy Chúa trong mọi công việc, mọi suy nghĩ, mọi hoạt động. Bởi chỉ có Chúa chứ không vương bận một chút thói đời hư ảo, ngài đã nên nguồn ơn thánh cho anh chị em giáo dân của ngài. Ngài đã thành công trong công tác mục vụ không phải nhờ tiền, không phải nhờ những tính toán của bản thân, không phải nhờ những công trình trần thế. Ngài đã thành công nhờ lòng đạo đức thật. Ngài đã đổ mưa hồng ân Chúa trên đoàn dân xứ Ars nổi tiếng tội lỗi, sống xa cách Chúa, trở thành một dân thánh thiện, yêu mến Chúa.

2. Sống đời mục tử như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng.

Thánh Gioan Maria Venney đã sống suốt đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng. Nhờ sự tận tụy hết mình cho ơn gọi, thánh Gioan Maria Venney thật xứng đáng để mọi thời, mọi người chúc tụng. Những ngày chuẩn bị mừng lễ thánh Gioan Maria Venney, như thánh nhân xưa, tôi tiếp tục nghe Chúa dạy tôi:

- Để sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng, tôi đừng tích trữ những kho tàng dưới đất nhưng hãy tích trữ những kho tàng trên trời.

- Để sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng, trước hết tôi hãy lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người.

Tôi hiểu rằng, khi Chúa dạy sống đời mục tử như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng nghĩa là Chúa muốn tôi đừng tham lam, đừng bám vào vật chất, đừng mãi tìm kiếm lợi lộc trần gian mà mất ơn nghĩa với Chúa. Chúa dạy tôi đừng tìm những vinh quang, hào nhoáng thế trần mà quên lòng cậy trông vào Chúa. Chúa dạy tôi đừng lo cho bản thân bằng những phương tiện thụ hưởng, đừng trang bị cho đời sống của mình bằng những hư ảo, những giả tạo, những tầm thường. Chúa dạy tôi chỉ một lòng trung thành với trách nhiệm, sống vì trách nhiệm cả đời tôi và tận lực tận tình phụng sự Chúa. Chúa soi sáng để tôi nhận ra, nếu lo tích trữ kho tàng dưới đất, tôi chỉ thuộc về đất, chỉ tầm thường, nhỏ nhoi. Nhưng lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Chúa, tôi sẽ thuộc về Chúa, sẽ nên cao trọng ngay từ hôm nay. Nhờ Lời Chúa soi sáng, tôi càng hiểu thấu đáo rằng, tôi chỉ lo tìm kiếm những bảo đảm của thế gian, mà *"không lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người"*, tôi đánh đổi trách nhiệm mục tử của mình để sở hữu những cái chóng qua đời này. Một khi đánh đổi Nước Thiên Chúa để tìm thế gian, tôi không còn xứng đáng là mục tử của Chúa, không còn xứng đáng là người dẫn đạo anh em mà Chúa trao cho tôi. Đúng hơn, khi tôi đánh đổi Nước Thiên Chúa để tìm thế gian, chính tôi đã tự đẩy mình rơi vào vực thẳm của sự chết: *"Chúng cậy vào của cải, lại vênh vang bởi lăm bạc tiền. Nhưng nào có ai tự chuộc nổi mình và trả được giá thực hồi cho Thiên Chúa? Mạng người dù giá cao mấy nữa, thì rồi ra cũng chấm dứt đời đời"* (Tv 49, 7- 9).

Tôi cần phải sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng đúng như Lời Chúa dạy. Nghĩa là tôi phải hoàn toàn phó thác cho Chúa, phó thác tuyệt đối cho tình yêu của Người. Chim trời dù không gieo, không gặt, không thu tích vào kho, nhưng chúng lại là loài vật nhanh nhẹn, tỏ ra ham thích hoạt động. Chúng hoạt động chăm chỉ, khỏe khoắn, thông minh. Dù không lo lắng gì, nhưng chim trời cứ phải làm hết trách nhiệm, hết sức của mình. Cũng vậy, cây hoa huệ, nhiệm vụ của nó là nở hoa. Nhưng để có hoa đẹp, hoa tốt, cây hoa huệ phải vất vả nhiều, phải lao động cật lực. Nó phải bám rễ vào đất tìm dinh dưỡng. Nó phải đón nhận và hấp thụ từng giọt nước, từng luồng ánh sáng, từng chịu nắng, chịu mưa, chịu rét, chịu bão... và chờ đợi từng ngày, từng ngày trở nụ sinh hoa. Nụ đẹp, hoa thơm.

Tôi cũng vậy: cũng phải đặt mình trong tay Chúa để sống bình an như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng. Tôi phải sống trọn bốn phận của tôi: thực hiện cho đủ trách nhiệm mà Chúa trao phó, thực hiện cật lực, thực hiện hết mình. Tôi phải ráng chịu khó. Tôi cần phải kiên trì

sống cho Chúa, sống vì anh chị em của tôi. Tôi phải hết lòng khiêm tốn, hết lòng nhẫn nhục, vui tươi, yêu thương... Có như thế, tôi mới là đóa hoa huệ đẹp, đóa hoa huệ thơm hương thánh thiện, đóa hoa huệ trắng ngần tình mến Chúa yêu người.

Nếu đặt mình trong tương quan với thánh Gioan Maria Venney, tôi càng phải sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng giống như ngài. Nghĩa là tôi cũng sẽ trở thành linh mục nghèo như thánh Gioan Maria Venney: nghèo của cải, vật chất, để làm giàu cho chính tâm hồn tôi, cho anh chị em của tôi về lòng yêu mến Chúa, lòng trung thành phụng sự Chúa bền bỉ. Tôi cũng sẽ quyết tâm sống đời sống cầu nguyện tha thiết, bền bỉ. Tôi sẽ tìm gặp Nguồn Sống cho đời mục tử của tôi là chính Thánh Thể Chúa trong từng hơi thở đời mình. Tôi sẽ yêu mến tòa giải tội và chấp nhận gấn mình sống chết cho tòa giải tội. Bởi chỉ có nơi ấy, tôi mới tìm thấy ơn tha thứ mà Chúa yêu thương dành cho tôi. Để sau khi đã nhận lãnh ơn tha thứ, tôi tiếp tục ban ơn tha thứ của Chúa cho từng anh chị em tin tưởng đến cùng tôi.

3. Kết luận.

Là linh mục của Chúa, làm linh mục cho anh chị em, tôi hiểu rằng, đó là một trách nhiệm không dễ chút nào. Bởi có quá nhiều khó khăn gây cản lối. Những khó khăn do cám dỗ từ bên ngoài như ma quỷ, như thế gian. Nhưng càng nặng nề hơn, đó chính là những cám dỗ do chính bản thân của tôi. Vì thế, một khi phải sống đời mục tử của mình như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng, đòi hỏi chính tôi vừa phải biết dứt bỏ, vừa phải biết liên kết.

- Tôi phải dứt bỏ mọi thứ ham muốn, mọi thứ cản trở tôi đi về phía Chúa, cản trở tôi không nhiệt tâm phục vụ lợi ích phần rỗi của anh chị em.

- Tôi phải liên kết với anh chị em của tôi, để tôi cùng họ tiến về Nước Chúa, để đưa họ tìm về đời sống như chim trời, như hoa huệ mà Chúa dạy tôi. Trên hết mọi sự, tôi phải liên kết thật thâm thiết, keo sơn, bền bỉ với Chúa trong từng giây phút đời tôi, khi tôi dâng thánh lễ, khi tôi cử hành bí tích, khi tôi lãnh nhận bí tích, khi tôi đọc kinh thần vụ, khi tôi cầu nguyện riêng tư với Chúa, khi tôi lần chuỗi, khi tôi suy gẫm...

Xin Thánh Gioan Maria Venney, bổn mạng của tôi và của tất cả các linh mục coi xứ cầu bầu cho tôi, để tôi nên gương sáng thánh thiện như ngài.

Xin Chúa nghe lời Thánh Gioan Maria Venney cầu bầu mà cho tôi mãi mãi trung thành với đời sống mục tử của tôi như chim trời, như hoa huệ ngoài đồng. Xin Chúa luôn khắc ghi trong lòng tôi, để tôi luôn ý thức rằng, tôi phải lo tìm kiếm Nước Thiên Chúa, chứ đừng lo tích trữ vật chất.

Lm. VŨ XUÂN HẠNH

VỀ MỤC LỤC

TÌNH YÊU KHÔNG NÓNG GIẬN

(Tác Phẩm 13 Nét Mặt Tình Yêu)

Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy chuyển ngữ

1. Một tình yêu nổi cáu và cảm râm :

Người ta nổi cáu và cảm râm vì các việc xảy ra không được như chúng đáng phải xảy ra ! Tình trạng tức tối sôi ruột mà chúng ta cảm nhận bên trong là dấu hiệu ý riêng của chúng ta bị cản trở. Nhiệt tình của chúng ta nhấn mạnh : "Nếu không qua được là hỏng". Qua đó xem ra chúng ta mất nhẫn nại nhiều lắm. Và vì các sự kiện bướng bỉnh không thay đổi, như thực tại phản kháng, chúng ta bắt đầu lo lắng, nổi cáu, cảm râm, chỉ trích... bực mình vì không đạt tới được các mục tiêu mong muốn.

Tất cả những triệu chứng đó chứng tỏ rằng tình yêu của chúng ta đối với Chúa và đối với

tha nhân cần phải được thanh luyện một cách sâu xa... Bao lâu tình yêu của chúng ta chưa biết uốn chuyển thích ứng với cái có thực, bấy lâu chúng ta cần phải học vâng phục và đặt mình vào bàn tay Thiên Chúa. Sự truat quyền sở hữu chính mình của chúng ta đang tiến hành, và phải có thời gian cần thiết :

"Kẻ nào không vác thập giá mình mà theo Thầy thì không xứng đáng làm môn đệ của Thầy" (Lc 14,27).

"Sự nhẫn nại được chứng minh khi gặp nghịch cảnh, vì nếu không có thử thách thì nhân đức này sẽ không có. Ai không phải đau khổ thì chẳng cần nhẫn nại, bởi vì không ai đối xử bất công với y cả. Tôi nói rằng sự nhẫn nại mình chứng xem các nhân có hay là không có trong tâm hồn. Làm sao chúng ta nhìn thấy nhân đức có trong tâm hồn được ? Bằng sự không kiên nhẫn sao ?!"[1]

2. Một tình yêu muốn làm quá hoàn hảo :

Đôi khi tình yêu trở nên thái quá cách không thích hợp, theo nghĩa "thêm quá đáng đấy", nhiều quá đấy, dù đối với tha nhân hay đối với Thiên Chúa. Đời sống kitô hữu không hệ tại làm việc tốt, nhưng là thực hiện thánh ý Chúa. Điều đó có thể xem ra nghịch lý, nhưng trong suốt cuộc đời mình, chúng ta không thoát được cuộc trở lại nhằm học bước theo chân Chúa này, và như vậy chưa được sự thái quá của riêng mình.

"Chúng ta phải làm những gì Chúa đòi hỏi, và còn phải sâu thẳm lắng nghe để không tìm sở hữu những gì không bởi Chúa mà đến. 'Không cần phải dựa vào cái gì hết, ngay cả cái có thể giúp cho được sốt sắng. Không gì hết, đó chính là sự thật. Không ước muốn, không trông chờ hoan lạc. Bấy giờ sẽ hạnh phúc biết bao !'"[1]

Bên trong ngay cả tình yêu của họ đối với Thiên Chúa và tha nhân, một số người được liên kết với nhau bởi ước muốn nên hoàn hảo của họ. Bởi vì luôn luôn còn ở bên này những gì mà sự hoàn hảo đòi hỏi, họ không ngừng tự trách mình là đã không làm đủ... Chính "sự cầu toàn" này, vốn là một nét cá tính, thường trở thành chướng ngại cho tự do, vì nó không phải là hoa trái của Thánh Thần ở trong chúng ta. Sự thánh thiện mà chúng ta được mời gọi đến không được đồng hóa với sự hoàn hảo, ngay cả khi chúng ta phải thường xuyên sống trong tình trạng hoán cải.

"Chúng ta ao ước chịu đau khổ thật quảng đại, thật cao cả... Ôi, ảo tưởng biết bao ! Chúng ta ước mong không bao giờ vấp ngã ? - Lạy Chúa Giêsu của con, có hệ gì, nếu mỗi lúc con vấp ngã. Con không thấy đó là yếu đuối của mình, nhưng là mối lợi lớn cho con. Nhờ đó Chúa thấy được cái con có thể làm và bây giờ Chúa lại muốn bằng con trên cánh tay của Chúa. Nếu Chúa không ẵm con trên tay, ấy chính vì Chúa thích nhìn thấy con sóng soài dưới đất. Bấy giờ, con không lo âu, nhưng luôn hướng về Chúa đôi cánh tay van nài và tràn đầy tình yêu. Con không thể nghĩ rằng Chúa bỏ rơi con !"[1]

Phúc Âm ghi lại mấy thí dụ điển hình cách Chúa Giêsu phản ứng lại những thái quá về sự hoàn hảo đến từ một tình yêu không được soi sáng. Đoạn văn nổi bật nhất nói về cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với Matta và Maria :

"Matta, Matta ! Con bận khoăn lo lắng nhiều chuyện quá ! Chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi. Maria đã chọn phần tốt nhất và sẽ không bị lấy đi" (Lc, 10,41-42).

Đọc lại bản tường thuật, chúng ta hiểu rằng Matta lẫn lộn việc phục vụ Chúa Cứu Thế với một sự ham hoạt động thái quá, phát xuất từ ý muốn ngay lành của cô. Chúa Giêsu thấy lòng Matta lo âu, náo động... và Ngài chặn đứng nó lại. Ngài đòi hỏi cái gì ? "Chỉ có một sự cần mà thôi". Chớ gì trước hết chúng ta lắng nghe Ngài, như Maria đã làm. Chính Ngài sẽ chỉ cho ta phải làm gì.

Vậy có lẽ trước hết không nên đọc thấy ở đây một sự tách biệt giữa chiêm niệm và hoạt động, song đúng hơn là qui luật làm cho hoạt động được phong phú: chúng ta không bị đòi hỏi phải làm việc thiện đến mức tối đa, nhưng là thực hiện ý Chúa theo như ánh sáng mà chiêm niệm đã mang lại... Nếu chúng ta lắng nghe Chúa đủ trong kinh nguyện, Ngài sẽ cho chúng ta biện phân được hoạt động phải toan tính...

Môn đệ Thomas cũng cho ta một mẫu gương về một tính khí quảng đại, nồng nổi và quá

khích trong sự quảng đại : Khi Chúa Giêsu đến gần Giêrusalem để đánh thức Lazarô sống lại và trấn an các môn đệ rằng chẳng có gì nguy hiểm tức thời cả, Thomas la toáng lên : "Chúng ta cùng đi để cùng chết với Thầy" (Jn 11,16). Ông đã lấy làm quá quan trọng, đã bị đất hóa... và trong trường hợp đó, đã luôn "phóng đại lên"... Rồi ít lâu sau, khi các bạn loan báo về sự phục sinh của Chúa Giêsu, ông lại đòi kiểm chứng và yêu sách Chúa Giêsu phải hiện ra để chính ông có thể nhìn nhận sự thật... Và Chúa Giêsu đã điều chỉnh cách tin đó của ông đúng tầm mức của nó : "Vì anh đã trông thấy Thầy nên anh tin. Phúc cho những ai đã không thấy mà tin" (Jn 20,29).

Vậy chúng ta phải giữ mình khỏi sự thái quá trong tình yêu, muốn tìm làm thật nhiều điều tốt, lấy cố là để yêu nhiều hơn. Tình yêu không nhất thiết ở mức độ đó như người ta lầm tưởng. Thánh nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu là một nhà giáo dục tuyệt vời về thái độ tình yêu đích thực, hệ tại việc chúng ta phó mình cho Tình Yêu Thiên Chúa.

3. Một tình yêu liều mình bóp nghẹt tha nhân :

Tình yêu của chúng ta có thể mang tính cách xâm lược. Trong một số trường hợp, ước muốn phục vụ tha nhân có thể đi tới chỗ bóp nghẹt tự do của tha nhân, thay vì làm cho nó được triển nở. Vấn đề nổi bật ở đây là sự giáo dục, bởi vì giáo dục (e-ducere = đưa ra ngoài) chính là thức tỉnh tha nhân đối với tự do của họ, bằng cách làm cho họ trở thành một người đàn ông hay một người đàn bà tự mình "đứng vững".

Chúng ta có thể mang lại cho người khác một thứ tình yêu "o bế", "che chở bảo vệ quá đáng". Chúng ta trở nên một thứ "gà mẹ ấp ủ con dưới cánh" và cuối cùng, chúng ta sẽ áp đặt lên người khác những quan điểm riêng của mình, mà chẳng hay biết... "Hãy để tôi làm... Tôi biết cái gì thích hợp cho bạn... Tôi đã chuẩn bị sẵn cái đó cho bạn... Có lẽ bạn cần cái đó... Hãy nhớ làm đúng y như thế...". Như vậy cuối cùng sẽ đi tới chỗ làm cho tha nhân thành ấu trĩ.

Làm thế, chúng ta sẽ đi đến chỗ không ngừng làm phức tạp tất cả những gì vốn rất đơn giản. Những ý hướng tốt nhất của trần gian lắm khi tỏ ra thái quá và cuối cùng trở nên không thể chịu đựng nổi đối với những người chung quanh. Phải biết kính trọng tha nhân trong sự khác biệt của họ, đừng nhốt chặt tha nhân trong hộp giấy để tránh cho họ khổ đau, đừng xét đoán tha nhân theo kích thước kinh nghiệm của ta mà chúng ta cho là tốt nhất, hãy để không gian cho tha nhân tiến bước... đó cũng chính là có chút ý thức nào đó về giáo dục vậy.

"Thiên Chúa là như thế đó. Ngài không miễn chức cho chúng ta khỏi các thử thách, lấy cố là Ngài rất yêu thương chúng ta.'Chúa Giêsu thà thích thấy con người vấp phải đá trên đường trong đêm tối hơn là bước đi ban ngày trên một con đường vương đầy hoa làm chậm bước đi của con người"[1]

Chúa Cha hết sức dè dặt trong tình yêu của Ngài đến nỗi Ngài để cho chúng ta một tự do đầy đủ và trọn vẹn, hơn là áp đặt lên chúng ta những ân huệ của Ngài... "Trước tiên hãy tìm kiếm Nước Trời và sự công chính, rồi mọi sự khác sẽ được ban thêm cho" (Mt 6,33). Thiên Chúa không mang tính cách "gia trưởng"... Chính chúng ta phải trước tiên đặt mình trong mối tương quan của đứa con.

Sau lần loan báo đầu tiên về Cuộc Khổ Nạn, Phêrô chắc chắn bị "sốc mạnh", nghĩ rằng Chúa Giêsu đã lầm nên cố áp đặt cho Ngài quan điểm của ông :

"Phêrô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người: 'Xin Thiên Chúa thương đừng để Thầy gặp phải chuyện ấy. Nhưng Đức Giêsu quay lại bảo Phêrô : Satan, hãy lui lại đằng sau Thầy. Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người" (Mt 16,22-23).

Dù vậy, Phêrô vẫn nghĩ ông đã làm đúng !...

4. Một tình yêu để cảm xúc chế ngự :

Tình yêu nơi một số tính khí có một âm hưởng mạnh ở bình diện cảm xúc. Chúng ta ai cũng tràn đầy tình thương gần bó với người khác đến nỗi tìm cách thu hút, hướng đến "kết hợp". Điều đó gây nên một sự tối tăm nội tâm và những tình cảm ngăn trở lý luận một cách

ung dung. Một khi hưng phấn lên và bị kích thích là làm mỗi ngon cho một sự náo động nội tâm...

Phượng được là hãy ở yên lặng. Estelle Faguet, người được Đức Trinh Nữ Maria hiện ra mười lăm lần trong năm 1876 ở Pellevoisin, cho biết đã bị khiển trách nhiều lần vì thiếu sự ở yên lặng. Chẳng hạn bà viết :

"Tôi đã lại nhìn thấy Đức Mẹ đêm nay (3/7)... Mẹ chỉ ở lại vài phút. Mẹ dịu dàng khiển trách tôi : 'Mẹ mong con còn phải ở yên lặng hơn nữa. Mẹ không xác định rõ cho con giờ Mẹ sẽ trở lại, ngày cũng không'".

Ngày 9/9, Mẹ Maria nói với bà :

"Con không được Mẹ viếng thăm ngày 15/8, con đã không ở yên lặng đủ. Con rất có tính khí của người Pháp : muốn biết hết mọi sự trước khi học, và hiểu hết mọi sự trước khi biết. Ngày hôm qua nữa, Mẹ đã đến, mà con đã không được gặp. Mẹ chờ đợi ở con hành vi từng phục và vâng lời".

Ngày 15/9 :

"Mẹ sẽ lưu ý những nỗ lực con đã thực hiện để ở yên lặng. Mẹ đòi hỏi điều đó không chỉ cho con, mà còn cả cho Giáo Hội và nước Pháp. Trong Giáo Hội, không có sự tĩnh lặng mà Mẹ mong ước".

Có nên thêm rằng sự điềm tĩnh, dịu dàng mà thánh Phaolô mời gọi là gần gũi với lòng thương xót ? Quả thật, chúng ta rất nôn nóng nhìn thấy tha nhân hoán cải ! Và đây Chúa muốn chúng ta thông hiệp tình thương nhẫn nại và thương xót của Ngài đối với các tội nhân :

"Thưa anh em, nếu có ai vướng mắc tội nào, thì anh em, những người được Thánh Thần thúc đẩy, hãy lấy tinh thần hiền hòa mà sửa dạy người ấy, phải tự đề phòng kẻo chính mình cũng bị cám dỗ" (Gal 6,1).

Ta cũng có thể đọc thấy lời này : "Chúng tôi nghe nói trong anh em có một số người sống vô kỷ luật, chẳng làm việc gì, mà việc gì cũng xen vào. Nhân Danh Chúa Giêsu Kitô, chúng tôi truyền dạy và khuyên nhủ những người ấy hãy ở yên mà làm việc để có của nuôi thân. Phần anh em, hãy làm việc thiện, đừng sờn lòng nản chí !" (II Tx 3,10-13).

Suy niệm để lần hạt Mân Côi

1. Tình yêu không nổi giận. "Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy thì không thể làm môn đệ Thầy được" (Lc 14,27). Lạy Chúa, xin ban cho chúng con ơn có thể đón nhận một khoảnh khắc, mỗi biến cố, mỗi con người trong suốt đời sống chúng con như là một ân ban của tình yêu Chúa. Chúng ta hãy cầu nguyện cho những ai đang sống đau khổ vì mất quyền làm chủ chính mình.

2. Tình yêu không nổi giận. "Matta, Matta, con bận khoản lo lắng nhiều chuyện quá ! Chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi. Maria đã chọn phần tốt nhất và sẽ không bị lấy đi" (Lc 10,42). Chúa Giêsu xin chúng ta trước hết lắng nghe Ngài, như Maria đã làm. Chính Chúa sẽ chỉ cho chúng ta làm gì. Chúng ta hãy cầu xin sự khôn ngoan này cho tất cả những người có trách nhiệm trong Giáo Hội.

3. Tình yêu không nổi giận. Sau lần loan báo đầu tiên về Cuộc Khổ Nạn, Phêrô chắc chắn bị "sốc mạnh", nghĩ rằng Chúa Giêsu đã lầm nên cố áp đặt cho Ngài quan điểm của ông : "Phêrô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người : 'Xin Thiên Chúa thương đừng để Thầy gặp phải chuyện ấy. Nhưng Đức Giêsu quay lại bảo Phêrô : Satan, hãy lui lại đằng sau Thầy. Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người'" (Mt 16, 22-23). Chúng ta hãy cẩn thận để không áp đặt lên kẻ khác một tình thương "o bế, che chở thái quá", cùng các quan điểm của mình mà chúng ta không để ý thấy... Chúng ta hãy cầu nguyện cho tất cả những ai có nhiệm vụ đào tạo để họ trở nên những người thức tỉnh tự do nơi kẻ khác.

4. Tình yêu không nổi giận. "Thưa anh em, nếu có ai vướng mắc tội nào, thì anh em,

những người được Thánh thần thúc đẩy, hãy lấy tinh thần hiền hòa mà sửa dạy người ấy, phải tự đề phòng kẻo chính mình cũng bị cám dỗ" (Gal 6,1). Sự dịu dàng mà thánh Phaolô mời gọi chúng ta đây chính là lòng thương xót. Chúng ta hãy xin ơn yêu quý sự dịu dàng và lòng thương xót đối với mọi tội nhân...

5. Tình yêu không nổi giận. Sau khi các bạn loan báo về sự phục sinh của Chúa Giêsu, ông Thomas đòi kiểm chứng và yêu sách Chúa Giêsu phải hiện ra để chính ông có thể nhìn thấy sự thật... Và Chúa Giêsu đã điều chỉnh cách tin đó của ông đúng tầm mức của nó : "Vì anh đã trông thấy Thầy nên anh tin. Phúc cho những ai đã không thấy mà tin" (Jn 20,29). Chúng ta hãy xin ơn khiêm nhường và ở yên lặng.

VỀ MỤC LỤC

Hiện Trạng Bệnh HIV/AIDS

LTS. Bài viết dưới đây là một nghiên cứu được trình bày theo quan điểm chuyên môn của Y học hiện đại. Không nhất thiết là quan điểm luân lý tôn giáo

Hội nghị lần thứ 4 về HIV/AIDS do Hội Quốc tế AIDS (IAS) đã diễn ra tại thành phố Sydney, Australia, từ ngày 22 – 25 tháng 7 năm 2007. Hội nghị quy tụ hơn 5000 đại biểu gồm các khoa học gia, các chuyên viên thượng thặng về HIV/AIDS đến từ 133 quốc gia. Các nhà chuyên môn đã trình bày kết quả nhiều nghiên cứu mới nhất về sinh bệnh học, điều trị và phòng ngừa HIV đồng thời cũng tìm cách áp dụng một cách thực tế các kết quả đó, đặc biệt là tại các quốc gia trên đường phát triển, nơi mà dịch bệnh đang hoành hành trầm trọng.

Thực vậy, tháng 12 năm 2006, Tổ chức Y tế Thế Giới và Chương trình phối hợp của Liên Hiệp Quốc về bệnh nhiễm HIV/AIDS đã công bố bản cập nhật cuối năm về tình trạng bệnh này. Báo cáo nêu ra nhiều thành công của y khoa học trong việc điều trị, chăm sóc cũng như phòng ngừa bệnh. Nhờ có được liệu công hiệu, bệnh nhân có thể kéo dài cuộc sống tương đối khả quan hơn và lâu hơn.

Nhưng bệnh vẫn còn là vấn đề nan giải vì tại một số quốc gia, bệnh có chiều hướng gia tăng. Hơn nữa, hiện nay vẫn chưa có thuốc chủng ngừa với những con virus nguy hại này, mặc dù HIV/AIDS đã được biết tới từ 25 năm nay.

Vài hàng lịch sử

Mặc dù chỉ mới xuất hiện cách đây hơn 25 năm, nhưng nhiễm HIV/AIDS đã trở nên một dịch bệnh có tính cách quốc tế.

Ngày 5 tháng 6 năm 1981, ca đầu tiên về bệnh suy miễn dịch bất bình thường có thể gây tử vong được phát hiện ở một người nam đồng tính luyến ái và người nghiện dùng chung kim chích tại California, Hoa Kỳ.

Năm 1982, danh từ AIDS (Acquired Immune Deficiency Syndrome) được đặt tên cho bệnh suy miễn dịch này. Trước đó bệnh có tên là GRID (Gay Related Immune Deficiency)

Năm 1983, siêu vi gây bệnh HIV (Human Immunodeficiency Virus) được tìm ra.

Cũng trong thời gian này, dịch bệnh HIV/AIDS ở người hoạt động tình dục dị tính xuất hiện ở châu Phi.

1985: Thử nghiệm đầu tiên để tìm kháng thể HIV được áp dụng.

Tài tử Rock Hudson tiết lộ đang bị AIDS. 1986: Có hơn 38.000 trường hợp AIDS trên 85 quốc gia trên thế giới.

Hệ thống toàn cầu người nhiễm HIV/AIDS được thành lập

1987:Tổ Chức Y tế Thế giới phát động Chương Trình Toàn cầu Chống nhiễm HIV/AIDS.

1988: Thuốc trị bệnh AIDS đầu tiên zidovudine(AZT) được dùng ở Hoa Kỳ.

1990: Trên toàn thế giới có khoảng 8 triệu người sống với HIV

1994: Các nhà khoa học khai triển phác đồ trị liệu để giảm lây lan HIV từ mẹ sang con.

1996: Thuốc trị bệnh HIV/AIDS rất công hiệu (Active Antiretroviral Treatment) được sản xuất và được sử dụng tại một số quốc gia đang phát triển.

1997: Có khoảng 30 triệu người sống với HIV trên thế giới.

Brazil là quốc gia đang phát triển đầu tiên trên thế giới cung cấp thuốc trị HIV/AIDS miễn phí cho bệnh nhân qua hệ thống y tế quốc gia.

2001: Nguyên thủ các quốc gia đặt kế hoạch lâu dài để đối phó với HIV/AIDS

2003: WHO và UNAIDS đặt kế hoạch phát thuốc chữa HIV cho 3 triệu người khó khăn kinh tế trên thế giới từ năm 2003 tới năm 2005.

2004: Hoa kỳ khởi sự chương trình PEPFAR để chống bệnh AIDS trên thế giới.

Hiện trạng

Hiện nay, trên toàn thế giới có khoảng 38.6 triệu người sống với HIV/AIDS, riêng khu vực Cận Sahara ở châu Phi có 25 triệu.

Trong năm 2006 có 4.3 triệu bệnh nhân mới và khoảng 2.9 triệu trường hợp tử vong mà gần $\frac{3}{4}$ ở châu Phi.

Kể từ khi ca bệnh đầu tiên được xác định vào năm 1981, số tử vong vì bệnh lên tới trên 25 triệu người.

Theo WHO, nếu không có biện pháp ngăn chặn, số tử vong vì AIDS vào năm 2010 sẽ là 45 triệu và tăng gấp đôi vào năm 2020.

Tại châu Phi, có 12 triệu trẻ em mồ côi vì cha mẹ thiệt mạng do bệnh AIDS.

Tới cuối năm 2006, trên toàn thế giới, có 17.7 triệu phụ nữ và 2,3 triệu trẻ em dưới 15 tuổi nhiễm HIV.

Ở các quốc gia đang phát triển, nghèo khó, có khoảng 6.8 triệu người cần thuốc trị bệnh thì chỉ 1.5 triệu người nhận được thuốc.

Tại Việt Nam, số người sống với HIV tăng đáng ngại và bệnh xuất hiện ở hầu hết 64 tỉnh, thành phố. Bệnh không chỉ giới hạn ở một số đối tượng như người mãi dâm, nghiện chích thuốc mà đã thấy ở dân chúng.

Từ năm 2000 tới năm 2005, số người nhiễm HIV tăng gấp đôi. Cho đến ngày 31 tháng 5 năm 2007, cả nước có khoảng 126.543 người nhiễm HIV, tổng số chuyển sang AIDS là 24.788, tổng số tử vong vì AIDS là 13.874.

Theo ước lượng, số bệnh nhiễm sẽ lên tới 350.000 vào năm 2010.

Hai nguyên nhân chính đưa tới nhiễm HIV ở Việt nam là tiêm chích ma túy và quan hệ tình dục không an toàn (mãi dâm, mua dâm, giao hợp nam/nam...), đặc biệt kể từ khi mở rộng kinh tế thị trường và giao thông biên giới mà không có biện pháp kiểm soát các tiêu cực kèm theo.

Việt Nam có khoảng hơn 20.000 bệnh nhân cần thuốc, nhưng mới có 7.000 người nhận được thuốc đặc trị. Số bệnh nhân cần thuốc sẽ tăng lên 57.000 vào năm 2008 và 73.000 vào năm 2010.

Ngân sách quốc gia dành cho việc phòng chống HIV năm 2006 là 82 tỷ đồng, trong đó khoảng 8 tỷ đồng để mua thuốc điều trị, đủ cho 1000 bệnh nhân. Thuốc điều trị HIV rất đắt: **mỗi năm chi phí cho thuốc bậc 1 khoảng 500 US đồng, bậc 2 hơn 2000 US đồng, bậc 3 lại cao hơn nữa.** Do đó nguồn thuốc chính ở Việt nam là do các tổ chức quốc tế tài trợ cho các tỉnh có nhiễm HIV cao. Tình nhiễm vừa phải do ngân sách quốc gia đài thọ (theo Cục Phòng Chống HIV/AIDS Việt Nam)

Theo báo cáo tại Hội nghị Phòng chống HIV tại Atlanta, Georgia ngày 12-15, 2005, cho tới cuối năm 2003, **Hoa Kỳ có từ 925.000- 1.025.000 người sống với HIV/AIDS.** Trong số này, 366.000 người được xác định và sống với HIV; 395.000 người sống với AIDS và 164.000-264.000 người không biết mình sống với HIV. Mỗi năm có 42.000 trường hợp nhiễm HIV mới. Tử vong vì AIDS từ khi bắt đầu dịch bệnh là trên 300.000.

Năm 2005, 74% trường hợp HIV/AIDS được xác định là nam và 26% là nữ.

Nhiễm HIV/AIDS ở nam giới: 67% do giao hợp nam/nam; 15% giao hợp dị tính; 13% do dùng cần sa ma túy.

Nhiễm HIV/AIDS ở nữ giới: 80% do giao hợp không an toàn, 19% do dùng cần sa ma túy

Các tiểu bang có nhiều HIV/AIDS là California, Illinois, Maryland, Pennsylvania.

Năm 2007, ngân sách liên bang dành cho các chương trình HIV/AIDS là 22.8 tỷ mỹ kim, chia ra 18.9 tỷ mỹ kim cho điều trị chăm sóc, trợ cấp tài chánh- nhà ở, phòng chống, nghiên cứu tại nội địa Hoa Kỳ và 3.9 tỷ mỹ kim hỗ trợ cho các quốc gia khác trên thế giới.

Hầu như mọi người bệnh tại Hoa Kỳ đều được điều trị với thuốc đặc trị ARV do chương trình bảo trợ y tế liên bang hoặc tiểu bang, bảo hiểm tư nhân đài thọ...nên họ có thể sống lâu hơn và đời sống của họ tương đối cũng được bảo đảm. Tuy vậy hàng năm cũng có cả ngàn người không nhận được thuốc vì không hội đủ các tiêu chuẩn được trợ cấp. Trung bình, chi phí thuốc đặc trị cho mỗi bệnh nhân/ năm là 12.000 mỹ kim.

Một điều đáng lưu ý là, ngay tại Hoa Kỳ với phương tiện truyền thông rộng lớn, giáo dục bệnh tật rất phổ biến mà có tới ¼ những người sống với HIV không biết là họ đang bị nhiễm. Họ sẽ không tìm kiếm điều trị chăm sóc cho tới khi bệnh trầm trọng, khó chữa và họ cũng không áp dụng các phương pháp phòng chống lây lan bệnh cho người khác. Do đó, gần đây chính quyền khuyến khích mọi người thử nghiệm HIV để tìm ra người đang bị nhiễm và giúp họ dừng truyền bệnh cho người khác.

Những yếu tố gây khó khăn cho phòng chống điều trị HIV/AIDS

Năm 1996, Liên Hiệp Quốc coi HIV/AIDS không chỉ là chuyện sức khỏe riêng rẽ nhưng là một vấn đề quan trọng cho nhân loại mà thế giới phải đương đầu, giải quyết. Họ cam kết sẽ cùng nhau tận lực để loại bỏ dịch bệnh này vào năm 2015.

Tại hội nghị quốc tế về bệnh AIDS ở thành phố Sydney, Australia, trong tuần lễ vừa qua, các nhà hữu trách có nhiều kinh nghiệm đã tỏ vẻ bi quan về cuộc chiến chống lại bệnh này.

Thực vậy, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng các biện pháp đối phó với bệnh cho tới nay vẫn chưa đủ. Chỉ trong vòng 25 năm, bệnh đã lan truyền từ một số điểm nóng tại vài quốc gia tới hầu như mọi nơi trên thế giới với 65 triệu người bị bệnh và đã gây tử vong cho 25 triệu sinh mạng. Bệnh đã gây rất nhiều trở ngại cho nhiều quốc gia trong việc giảm thiểu nghèo đói, nâng cao giáo dục, thúc đẩy bình đẳng nam nữ, giảm tử vong ở trẻ em và chấn chỉnh sức khỏe các bà mẹ.

Việc phòng tránh và điều trị HIV/AIDS gặp nhiều khó khăn trở ngại. Sau đây là một số yếu tố chính:

1- Thái độ kỳ thị, đối xử khác biệt với người nhiễm HIV/AIDS

Ngay từ khi được phát hiện, đã nảy sinh ra một sự kỳ thị, phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV.

Kỳ thị là có thái độ tiêu cực đối với một cá nhân hoặc nhóm người vì bản chất hoặc những đặc điểm của họ. Chẳng hạn kỳ thị nam nữ vì khác giống với mình, kỳ thị tuổi tác vì già trẻ hơn mình, kỳ thị người khác màu da, không cùng nghề nghiệp.

Kỳ thị với người bệnh HIV/AIDS có thể là xa lánh, hắt hủi và coi họ là:

- là những thành phần xấu trong xã hội
- là người đã có những hành vi không bình thường
- bệnh của họ là hậu quả của không đạo đức, trách nhiệm
- họ đã gây ra tiếng xấu cho gia đình, lối xóm
- bệnh của họ nguy hiểm, dễ lây nếu tiếp xúc, tới gần

Họ bị cô lập, loại trừ ra khỏi các sinh hoạt chung và giới hạn tiếp nhận các dịch vụ cần thiết cho đời sống, không được giúp đỡ trong công việc, không được phục vụ tại các nhà hàng tiệm ăn. Tại trường học, con cái của họ bị cho ngồi riêng, đôi khi bị từ chối...

Thường thường kỳ thị bắt nguồn từ sự không hiểu biết về nguyên nhân, cách lây lan và diễn tiến của bệnh. Nhiều khi cũng có kỳ thị với nhóm người mang bệnh nhiều hơn như giới bán dâm, dân nghiện ngập, người có khuynh hướng tình dục khác thường.

Nhiều khi chính người bệnh cũng có thái độ tiêu cực về mình. Họ tự cảm thấy xấu hổ, đáng trách về hành động của mình, sợ bị coi thường miệt thị rồi tách xa xã hội, không tìm kiếm giúp đỡ trị liệu, không tìm hiểu về bệnh, đôi khi lại xa lánh người đồng cảnh ngộ.

Nghiên cứu cho hay, tại nhiều quốc gia châu Phi, phụ nữ bị kỳ thị hơn nam giới. Họ bị người chồng truyền bệnh cho rồi còn bị chế diễu, quấy rối, đe dọa hành hung, không cho hưởng tiện nghi điều trị, đôi khi bị đuổi ra khỏi nhà.

Kỳ thị đưa tới các hậu quả tai hại như:

- Bệnh trở nên khó kiểm soát vì người bệnh không dám thảo luận về các phương thức phòng tránh bệnh.
- Người bệnh không dám ra mặt chữa trị, phải loay hoay tự lo tự liệu, sống trong thiếu thốn, buông xuôi, chờ chết.
- Người nghi bị bệnh không đi thử nghiệm vì sợ bộc lộ dương tính, mất việc làm, bị xa lánh
- Tạo ra sự chia rẽ trong cộng đồng dân chúng.

Riêng tại Việt Nam, theo tài liệu của Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung Ương, có hai địa điểm mà người nhiễm HIV bị kỳ thị nặng nề nhất là gia đình và cơ sở y tế.

Sự phân biệt đối xử và thành kiến này cần được xóa bỏ bằng cách phổ biến rộng rãi các kiến thức cần biết về HIV/AIDS cho mọi tầng lớp dân chúng, khích lệ sự tham gia của người nhiễm HIV, lập ra các nhóm đồng bệnh để họ sinh hoạt giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường nhân viên tư vấn, cung cấp dịch vụ chữa trị, thuốc men.

2- Vấn đề dược phẩm

Cho tới bây giờ, chưa có thuốc chữa dứt HIV/AIDS. Các thuốc đang dùng có khả năng trì hoãn giai đoạn nhiễm HIV sang giai đoạn bệnh AIDS bằng cách ngăn chặn sự sinh sản của virus. Người bệnh phải uống một hỗn hợp từ ba tới bốn loại thuốc mỗi ngày và uống suốt đời. Nhờ đó tuổi thọ của họ có thể kéo dài cả vài chục năm.

Tuy nhiên, vì giá thuốc quá cao nên đa số bệnh nhân tại các quốc gia đang phát triển không nhận được thuốc. Nơi đây, các cố gắng đều tập trung ở các dược phẩm giảm dị để loại trừ các bệnh bội nhiễm và giảm sự đau đớn của bệnh nhân.

Một trở ngại nữa trong việc dùng thuốc là, bệnh nhân cần được thử nghiệm máu theo định kỳ để theo dõi kết quả điều trị. Thử nghiệm này rất tốn kém và cần nhân viên có chuyên môn cao. Ngoài ra, việc đào tạo nhân viên biết sử dụng thuốc để trị bệnh cũng cần thời gian với nhiều chi phí.

Cho tới tháng 12 năm 2006, có khoảng 7 triệu người nhiễm HIV tại các quốc gia có thu nhập kinh tế trung bình và thấp cần thuốc ARV để điều trị, vậy mà chỉ có hơn 2 triệu người nhận được thuốc.

Tại hội nghị Sydney, bác sĩ Pedro Cahn, Chủ tịch IAS, tuyên bố: " Chưa tới 1/3 bệnh nhân HIV tại các quốc gia có lợi tức thấp được điều trị với thuốc công hiệu và số người tiếp nhận được các phương thức phòng ngừa hữu hiệu như bao cao su, kim sạch lại càng ít hơn".

Cơ quan Y Tế Thế giới và nhiều tổ chức thiện nguyện khác đã kêu gọi các công ty dược phẩm giảm giá thuốc để giúp đỡ cho bệnh nhân tại các quốc gia nghèo khó này. Vì, như Federico Mayor, một giới chức của UNESCO, đã nói một cách cay đắng "*Thực là đáng xấu hổ khi để cho bệnh nhân HIV tại các quốc gia nghèo khó chết vì họ không được hưởng các phương thức trị liệu hữu hiệu có sẵn cho dân chúng các quốc gia giàu có*".

3- Mãi dâm

Tại nhiều quốc gia, đặc biệt ở châu Phi và mấy quốc gia ở Đông Nam châu Á, lây nhiễm HIV/AIDS qua sinh hoạt tình dục không an toàn vẫn là con đường quan trọng.

Người mãi dâm có nhiều rủi ro mắc bệnh và lan truyền bệnh.

- Họ thường tiếp cận với nhiều khách và họ cũng như khách lại ít khi dùng bao cao su bảo vệ, do không có hoặc không hiểu rõ ích lợi của bao cao su. Nhiều khi khách không chịu dùng vì muốn có cảm giác thực.

- Họ không được pháp luật bảo vệ nên khi bị khách hăm hiếp, lạm dụng, không dám tìm sự bảo vệ của công lý.

- Họ thường bị kỳ thị, đối xử khác biệt, nên không dám tìm kiếm giúp đỡ y tế, do đó dễ dàng nhiễm và truyền bệnh cho người khác.

- Họ hay dùng thuốc cấm để giải tỏa khó khăn đời sống, nghề nghiệp hoặc bán dâm để lấy tiền mua thuốc. Dùng chung kim chích rất thường xảy ra và dễ dàng nhiễm, truyền HIV.

Theo WHO, để hoàn thành việc giảm thiểu rủi ro lây lan bệnh, cần phải chấm dứt kỳ thị trừng phạt người mãi dâm và phải khích lệ họ tham gia vào việc phòng ngừa lây lan và tự bảo vệ, chăm sóc. Họ vẫn còn quyền hạn công dân nhưng chỉ vì hoàn cảnh phải làm một nghề mà chính họ không muốn.

Chính phủ phải cung cấp cho họ và khách hàng các kiến thức về HIV/AIDS, cách thức phòng tránh; thuyết phục họ sử dụng các dịch vụ mà nhà nước cung cấp và tích cực tham gia việc giữ gìn sức khỏe như dùng bao cao su, khám bệnh theo định kỳ.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý tới nhiễm HIV ở người mua dâm. Tại nhiều quốc gia ở Á châu, số người này lên tới 15% dân chúng. Con số này tăng lên đến 44% nếu họ phải di động thường xuyên, như tài xế xe vận tải, công nhân các hầm mỏ hoặc làm việc trong rừng.

4- Nghiện chích thuốc

Dùng thuốc cấm dưới hình thức chích hoặc uống vẫn là rủi ro lớn để gây lây lan nhiễm HIV.

Theo ước đoán của Văn phòng Ma Túy và Tội Phạm Liên Hiệp Quốc (UNOCD), năm 2004 có 200 triệu người dùng cần sa ma túy trên thế giới, 13.2 triệu người dùng kim chích thuốc và khoảng 1/10 người nhiễm HIV là do dùng chung kim chích không an toàn. Đa số những người này sống ở Đông Nam châu Á. Dùng chung kim chích là con đường rất hữu hiệu và trực tiếp truyền các bệnh nhiễm virus máu như HIV, viêm gan.

Uống hoặc hít cần sa, ma túy cũng dễ bị nhiễm HIV vì thuốc tăng dục tính người dùng, thúc đẩy họ có quan hệ tình dục không bảo vệ.

Đã có nhiều đề nghị để giảm thiểu nhiễm HIV ở người nghiện dùng chung kim chích như:

- Giảm lưu hành số lượng thuốc cấm.
- Giảm số người dùng thuốc cấm bằng giáo dục học đường, phổ biến kiến thức về ảnh hưởng xấu của nghiện thuốc.
- Giảm các nguy cơ nhiễm HIV khi dùng thuốc như phát hoặc đánh đổi ống chích sạch, chữa trị người nghiện, cổ võ dùng bao cao su, phổ biến thông tin về liên hệ giữa chích thuốc với HIV...

Ngoài ra, việc điều trị HIV ở lớp người này có một số trở ngại như một số lớn không nhận được thuốc đặc trị, một số khác có tương tác giữa thuốc trị HIV và thuốc cấm.

5- Chưa có vaccine với HIV

Các khoa học gia đã cố gắng rất nhiều, nhưng cho tới nay vẫn chưa có vaccine đối với HIV. Lý do là có nhiều loại HIV khác nhau, lan truyền khác nhau và chúng luôn luôn thay hình đổi dạng, dấu mình trong tế bào mà hệ miễn dịch không đụng tới được. Chúng mau chóng hủy hoại hệ thống miễn dịch và chưa có bệnh nhân nào được chữa khỏi để biết nguyên lý của bệnh.

Trên đây là một số trở ngại chính trong việc phòng chống HIV/AIDS. Người viết mong các vị thức giả khai triển thêm.

Kết luận

Tại hội nghị Sydney, nhiều ý kiến trình bày khiến cho mọi người phải e ngại, quan tâm về tình trạng chữa trị và phòng ngừa HIV/AIDS.

Tiến sĩ Anthony Fauci, Cố vấn của Tổng Thống Hoa Kỳ George W. Bush về HIV, cho hay là đã có nhiều tiến bộ nhưng cứ mỗi bệnh nhân HIV nhận được trị liệu thì có sáu bệnh nhân mới được phát hiện.

Bác sĩ Brian Gazzard, Chủ tịch Hiệp Hội HIV Anh quốc, tuyên bố "Hiện nay, dịch HIV không kiểm soát được ở châu Phi, hoàn toàn không kiểm soát được ở châu Á".

Theo bác sĩ Pedro Cahn, chủ trì hội nghị: "Các dữ kiện khoa học trình bày tại hội nghị không chỉ là những tiến bộ mới rất quan trọng về điều trị và phòng ngừa, mà còn về làm sao hỗ trợ các quốc gia đang mở mang để họ có thể áp dụng các tiến bộ đó đối với những người đang cần và đang mang rủi ro bị bệnh. Chúng ta đang đối phó với một căn bệnh có thể phòng ngừa được, vậy mà mỗi ngày vẫn có trên 10.000 người nhiễm bệnh. Chúng ta đang đối phó với căn bệnh có thể điều trị được, vậy mà mỗi năm có trên 3 triệu người chết. Chúng ta đã không áp dụng được các kết quả này vào thực tế và đây là điều đáng hổ thẹn".

Thực vậy, sự gia tăng dịch AIDS không phải là do thiếu các kế hoạch phòng chống, mà là do không sử dụng/áp dụng được những phương tiện sẵn có để làm chậm sự lan tràn của HIV. Cả 25 năm sau khi dịch được phát hiện lần đầu tiên, đa số những người có nhiều rủi ro nhiễm HIV đã không biết cách phòng chống HIV. Lý do là tại nhiều quốc gia, nhà hữu trách đã không chịu áp dụng hoặc dân chúng không thực hiện những phương pháp được coi như hữu hiệu.

Hội nghị kết thúc với lời kêu gọi dồn nhiều nỗ lực vào việc cải thiện trị liệu ở trẻ em, vào những hứa hẹn và thách đố liên quan tới kế hoạch phòng chống sinh y học và các trở ngại gây ra do khả năng chuyển thể của siêu vi HIV.

Giáo sư David Cooper, đồng chủ tọa hội nghị tuyên bố: "HIV là một trong nhiều thử thách khoa học lớn nhất và phức tạp nhất trong thời đại của chúng ta. Đối phó với thử thách này đòi hỏi một quyết tâm chính trị lâu dài và sự gia tăng nguồn tài nguyên cho các công trình nghiên cứu về HIV".

Hội nghị đã ra một tuyên ngôn kêu gọi dành 10% tổng số các nguồn tài trợ cho HIV được dùng trong việc nghiên cứu. Trong ngày bế mạc, trên 1.550 khoa học gia, giới chức y tế, lãnh tụ cộng đồng đã đồng ý ký bản tuyên ngôn này.

“Chúng ta phải cố gắng hơn nữa để bảo vệ tương lai của chúng ta, tìm phương thức hữu hiệu hơn để chữa trị cho những người trẻ nhất trong số chúng ta và theo đuổi các kế hoạch phòng chống dựa trên sự thay đổi hành vi và phương tiện y sinh học như chất tiêu diệt virus, phòng ngừa tiền tiếp cận”, Bác sĩ Pedro Cahn, chủ tọa hội nghị kết luận.

Hy vọng là tiến bộ của y khoa học và quyết tâm của mọi người sẽ khống chế được HIV trong tương lai thật gần.

Hội nghị 5 về HIV/AIDS sẽ họp tại Cape Town, quốc gia Nam Phi, vào năm 2009.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Texas-Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

TÌNH TẠC Chuyện phiếm của Gã Siêu.

Ai cũng phải công nhận rằng : xã hội ảnh hưởng đến con người và ngược lại con người cũng ảnh hưởng đến xã hội. Chẳng hạn sống trong một xã hội khép kín, nghèo túng và nhất là sống trong một xã hội được cai trị bằng công an và sức mạnh, con người vì nhu cầu sống còn, cần phải luồn lách và lươn lẹo. Miết rồi sự luồn lách và lươn lẹo được coi như chuẩn mực để đánh giá. Càng giỏi lươn lẹo và luồn lách thì càng được coi là khôn ngoan. Còn dốt lươn lẹo và luồn lách thì bị coi là đại khờ. Người ta phe lờ những giá trị đạo đức, người ta sẵn sàng chà đạp lên những nguyên tắc công bằng miễn sao vợ vét về cho đầy túi tham mà không bị nhà nước sờ vào gáy.

Nhìn vào xã hội Việt Nam hôm nay, nhiều người đã phải than vắn thở dài rằng luân thường đạo lý đang xuống dốc không phanh. Xó góc nào cũng chỉ thấy gian tham và lường gạt, tham nhũng và hối lộ.

Mấy bữa nay thiên hạ đang bàn tán xôn xao về việc một tiểu bang bên Mỹ đã trục xuất hai tấm bia ghi khắc mười điều răn Đức Chúa Trời ra khỏi tòa nhà tối cao pháp viện, để đi tới chỗ khác mà ngồi chơi xơi nước. Cũng vậy nhiều người Việt Nam hôm nay cũng chẳng còn lưu giữ được một ý niệm nào về giới răn thứ bảy : chớ lấy của người, bởi vì người ta chủ trương rằng xơi được bao nhiêu hay bấy nhiêu, xơi càng nhiều thì lại càng tốt, nhất là xơi của chùa, tức là của nhà nước.

Để tôn trọng đức công bằng, một trong những điều giới răn thứ bảy đã cấm chỉ, đó là chớ lấy của người. Về việc lấy của người, thì gã xin tóm gọn lại thành mấy thứ “ăn” mang tính cách bất hợp pháp và có nhiều cơ may được nằm tù, chẳng hạn như : ăn trộm, ăn cắp, ăn cướp, ăn gian, ăn lời, ăn hối lộ...Gã thử phân tích những thứ ăn này xem chúng ra làm sao.

Trước hết ăn trộm và ăn cắp là lấy của người ta một cách kín đáo bằng tài khéo của mình. Tuy nhiên ăn trộm thường nhấn mạnh đến khía cạnh chủ đi vắng hay là ngủ mê mà không biết, chẳng hạn như ban đêm lén vào nhà người ta chôn chĩa đồ đạc và tiền bạc, con gà và con heo...Còn ăn cắp thì thường được thực hiện ngay trước mắt chủ mà chủ cũng không hay, chẳng hạn như lợi dụng lúc chen lấn trên xe mà lấy cắp chiếc ví hay rạch túi xách mà lấy tiền bạc và quần áo của người ta.

Tiếp đến ăn cướp là dùng vũ lực, dùng sức mạnh để uy hiếp hầu cưỡng đoạt và chiếm lấy của người ta một cách công khai. Chẳng hạn như ban tối trên một đoạn đường vắng, bọn đạo tặc dùng dao chặn đường và lấy mất của gã chiếc đồng hồ, hay ban đêm chúng xông vào nhà lấy đi tiền bạc và những đồ dùng quý giá.

Sau cùng, ăn gian là dùng mưu mô tính toán để lường gạt hầu lấy đi của người ta. Chẳng hạn như buôn bán mà cân đo không sòng phẳng. Cân thì cân thiếu, đo thì thước hụt để ăn bớt, ăn chặn của khách hàng, hay đánh tráo đồ xấu, đồ giả, đồ dỏm để bán cho mắc, hay như đày tớ bớt xén tiền chợ, con cái dối gạt cha mẹ để lấy tiền xài chơi...

Bàn về những hành động sai lỗi đức công bằng, gã thấy người Tàu cũng đưa ra một quan niệm tương tự như thế, họ có hai chữ để diễn tả hành động này đó là đạo tặc, trộm cướp.

Đạo là ăn trộm ăn cắp, lấy của người ta một cách lén lút, chẳng hạn như đạo văn là “thuổng” câu văn của người khác làm của mình, hay “bê nguyên xi” câu văn của họ vào tác phẩm của mình mà không ghi rõ tác giả và xuất xứ của nó, theo kiểu đánh lộn con đen.

Viết tới đây, gã cảm thấy hơi bức bối và tức tối, bởi vì mỗi năm vào dịp khai giảng năm học mới, mấy ông cán bộ ngành giáo dục thường cả tiếng lại dài hơi, oang oang trên loa phóng thanh lời bác Hồ dạy :

- Kế trăm năm không gì bằng trồng người.

Thế nhưng, câu nói trên đâu có phải chính hiệu con nai vàng là của bác Hồ, mà bác Hồ cũng chỉ mượn tạm ý tưởng của người xưa, bởi vì chính người xưa đã từng nói :

- Nhất niên chi kế, thụ cốc.

Thập niên chi kế, thụ mộc.

Bách niên chi kế, thụ nhân.

Có nghĩa là :

- Kế một năm không gì bằng trồng lúa.

Kế mười năm không gì bằng trồng cây.

Kế trăm năm không gì bằng trồng người.

Chẳng thế mà ngày xưa Viện Đại Học Công Giáo tại Đalat đã lấy cho mình cái nhãn hiệu trình tòa hân hoi là : Thụ nhân, trồng người.

Còn tặc là ăn cướp, tức là dùng sức mạnh, dùng bạo lực để lấy của người ta. Hôm nay, gã xin bàn rộng và tán dài thêm một tí về cái chữ “tặc” này.

Thứ nhất là lâm tặc.

Lâm tặc có nghĩa là bọn cướp rừng. Đây không phải là hạng “lục lâm thảo khấu”, tức là bọn cướp ẩn náu ở trong rừng, chờ cơ hội xuất phát để cướp bóc những người qua lại hay những thôn làng mà chúng nhắm tới.

Hoạt động chính yếu của bọn lâm tặc là đốn cây, phá rừng để lấy gỗ, bất chấp phép tắc của nhà nước. Họ thường tổ chức thành băng đảng, được trang bị bằng xe cộ để chở gỗ, cũng như bằng vũ khí để chống lại những nhân viên kiểm lâm, những người có trách nhiệm kiểm soát rừng. Họ tung tiền mua đứt những nhân viên này và sẵn sàng liều mạng khi phải vượt qua trạm kiểm soát, miễn sao đưa gỗ về thành phố an toàn để bán cho những tiệm mộc hay những nhà máy cưa.

Hoạt động của bọn lâm tặc đã để lại những hậu quả trầm trọng và dấu ấn tàn phá của họ đã in đậm trên khắp các vùng đồi núi. Thực vậy, rất nhiều lần có dịp đi ngang dọc những nẻo đường đất nước, tới đâu gã cũng thấy những khoảng đồi trọc với cây cối xác xơ, thậm chí đến cả những gốc cây cũng được chiếu cố tận tình, bị đào bới tới tận rễ con và rễ cái.

Bọn lâm tặc càng lộng hành hơn nữa, vì những sếp lớn, một khi đã xơi tiền hối lộ, thì cũng phải ra sức bao che. Thành thử những cố gắng trồng rừng trong những năm qua đã không thể theo kịp với mức độ phá rừng của bọn lâm tặc.

Và qui luật của muôn đời đã được áp dụng : nếu con người tàn phá thiên nhiên, thì thiên

nhiên cũng sẽ quay lại mà tàn phá con người. Kết quả là môi trường sinh thái bị hủy diệt, khí hậu thay đổi thất thường và nhất là khi mưa bão xảy đến, không còn cây cối cản bớt dòng nước đổ xuống, đã liên tục tạo thành những cơn lũ khủng khiếp cuốn trôi nhà cửa, tài sản của nhiều người, ngay cả tính mạng cũng không được bảo đảm an toàn.

Ăn theo với nạn phá rừng là nạn săn bắn trái phép. Mặc dù đã có lệnh cấm, nhưng thiên hạ vẫn vô rừng đặt bẫy và vô tư vây bắt những con thú quý hiếm. Chẳng thế mà thành phố nào cũng không thiếu những quầy bán thịt rừng, những quán ăn và những nhà hàng đặc sản, từ hươu nai đến trăn rắn...không thứ gì mà không có, miễn là trong túi rừng rinh những đồng tiền.

Thiên hạ đã lên tiếng báo động rằng có những loài thú sẽ bị tuyệt chủng, nếu không được bảo vệ và duy trì...Thế nhưng, báo động thì cứ báo động, bởi vì đó là bổn phận của giới hữu trách. Còn ta, có tiền thì ta vẫn cứ chịu khó lùng sục, ngon miệng thì ta vẫn cứ quẳng tiền ra mà xơi. Chết chóc mặc ai, tiền thày bỏ túi. Suy cho cùng thì mọi sự đều phục vụ cho cái bao tử của con người mà chớ.

Thứ hai là hải tặc.

Hải tặc còn được gọi là hải khấu, hải phi, có nghĩa là bọn cướp biển. Chúng cũng kết thành băng đảng, sống trên đất liền hay ẩn náu tại những hoang đảo, được trang bị bằng tàu thuyền và vũ khí để cướp bóc những tàu thuyền đi lại ngoài biển, hay những xóm nhà gần bờ biển.

Là người Việt Nam, hẳn ai cũng đã từng hơn một lần được nghe nói về những hoạt động của bọn hải tặc, nhất là vào thời điểm nhiều người bỏ nước ra đi tìm tự do, đã tạo thành một phong trào khiến cho cả thế giới phải chú ý đến và trợ giúp, đó là phong trào vượt biên.

Làm sao mô tả cho hết những hiểm nguy và cay đắng mà những người Việt Nam đã phải chịu đựng trên những con thuyền nhỏ bé, trôi dạt như chiếc vỏ trứng. Giông bão đã nhận chìm và chôn vùi biết bao nhiêu người dưới lòng đại dương. Nhưng tàn ác hơn cả có lẽ phải kể đến nạn hải tặc.

Những bọn hải tặc này gồm nhiều quốc tịch khác nhau, có thể là người Thái, người Miên, người Mã, hay người Indô...Chúng tấn công ghe thuyền của đồng bào tị nạn, sẵn sàng giết chết những ai chống đối để lấy tiền của cũng như vàng bạc. Có những bọn đã nổ súng vào cánh đàn ông con trai, còn phe đàn bà con gái thì bị chúng hãm hiếp và mang đi bán cho những nhà chứa. Thậm chí có những bọn sau khi cướp của và thực hiện những hành động dã man nhất, đã bắn chìm ghe thuyền để không một ai được sống sót. Thế giới cũng đã bức xúc trước nạn hải tặc, nên đã tổ chức những toán tuần tiểu trên biển bằng tàu thủy cũng như trên không bằng tàu bay để phát hiện và ngăn chặn phần nào những hành động của bọn hải tặc.

Mới đây một người mẹ đã tâm sự với gã : con gái bà vượt biên đã mười mấy năm rồi mà chẳng có tin tức gì cả. Chuyển đi định mệnh này chẳng may gặp phải hải tặc. Phe đàn ông thì bị giết. Còn phe đàn bà thì bị chúng bắt đi. Chỉ duy nhất một người còn sống sót, đó là người đàn bà đang mang bầu. Bọn cướp chắc sợ xui nên đã để bà lại trên con thuyền vượt biên. Sau mấy ngày đơn độc một mình vật lộn với sóng biển trong con thuyền rách nát, cuối cùng bà đã được một tàu Mỹ cứu thoát.

Chính người đàn bà này đã cho người mẹ hay con bà đã bị bọn hải tặc bắt đi. Người mẹ đã cầu nguyện cũng như đã...coi bói. Và cho đến bây giờ, người mẹ đau khổ ấy vẫn tin tưởng chắc chắn rằng con gái mình vẫn còn sống. Rất có thể bọn hải tặc đã ném cô và những người cùng cảnh ngộ vào một hoang đảo nào đó, nên không liên lạc được với gia đình. Và người mẹ vẫn cứ tiếp tục hy vọng.

Thứ ba là không tặc.

Không tặc có nghĩa là bọn cướp trên không trung, hay nói một cách cụ thể hơn là bọn cướp máy bay. Điểm đặc biệt của bọn không tặc là gọn nhẹ, bởi vì có gọn nhẹ thì mới qua mắt được công an hải quan và các nhân viên phi trường. Chúng thường gồm một, hai, hay ba người là cùng. Vũ khí trang bị chỉ là một khẩu súng hay một trái lựu đạn.

Hành động của chúng thường nhằm tới hai mục đích. Trước hết là mục đích tài chánh bạc tiền : chúng uy hiếp hành khách, lấy đi tiền bạc, nữ trang và những đồ quý giá của họ. Nhất là chúng đòi hãng máy bay hay chính phủ liên hệ phải trả cho chúng một số tiền chuộc khá lớn, nếu muốn cho tính mạng của những hành khách mà chúng bắt giữ làm con tin được an toàn.

Tiếp đến là mục đích chính trị chính em : chúng cầm giữ con tin và yêu cầu chính phủ liên hệ phải thả một số người cùng đảng phái, cùng phe cánh với chúng đang bị bắt làm tù binh, bằng không thì họ sẽ giết chết các con tin, tức là những hành khách trên máy bay.

Qua truyền hình, gã thấy có những vụ không tặc trong đó con tin được giải thoát một cách nhanh gọn bởi những toán biệt kích, thế nhưng cũng có những vụ không tặc đã kết thúc một cách thương đau : con tin thì bị giết, còn máy bay thì bị nổ tung. Thành thử những người yếu bóng vía cũng ngại đi máy bay phần nào!!!

Như trên gã đã xác quyết : tặc có nghĩa là cướp. Mà đã cướp thì thường phải dùng đến sức mạnh, đến bạo lực. Đó là luật chung, nhưng luật chung nào mà chẳng có luật trừ. Vì thế, gã xin trình bày hai loại tặc mà trong đó người ta ít dùng tới sức mạnh và bạo lực.

Trước hết, đó là tin tặc.

Từ khi máy vi tính được phổ biến khắp nơi, thì lập tức qua báo chí cũng như qua truyền thanh và truyền hình, gã thấy xuất hiện những bọn tin tặc. Vì không chuyên môn, nên gã khó có thể đưa ra một định nghĩa thế nào là tin tặc. Tuy nhiên, sau khi đã tham khảo ý kiến của một vài vị lão luyện trong nghề, gã xin kể ra một vài hoạt động mà bọn tin tặc đã thực hiện đó đây trên khắp cả và thế giới.

Trước hết, bằng những mảnh khóe nhà nghề, bọn tin tặc ăn cắp số tài khoản để rồi rút tiền thiên hạ gửi tại ngân hàng mà xài chơi. Thực vậy, tại các nước văn minh hiện nay, người ta lai rai đặt những máy rút tiền ở chỗ này chỗ nọ. Khi cần tiền, khách hàng không phải tới ngân hàng, mà chỉ phải tới bên chiếc máy, bấm số tài khoản và thế là tiền cứ từ từ...chui ra. Với hành động này, bọn tin tặc khỏe re, chẳng phải lao động cực nhọc, đổ mồ hôi sôi nước mắt, mà tiền bạc lúc nào cũng rủng rinh.

Tiếp đến, cũng bằng những mảnh khóe nhà nghề, bọn tin tặc ăn cắp mật khẩu để rồi truy nhập internet "chùa" mà chẳng tốn đồng xu cắc bạc nào cả. Cách đây không lâu, bản thân gã đã bị bọn này xơi tái như vậy.

Số là vào một buổi sáng đẹp trời gã đang ngồi làm việc thì có điện thoại báo cho biết :

- Trong tháng vừa qua có những số điện thoại lạ, dùng mật khẩu của ông để truy nhập. Vậy ông hãy rà soát lại xem những số điện thoại ấy có phải là của ông hay không ?

Sau đó, gã cũng nhận được một cái "meo" với cùng một nội dung như thế. Truy tìm thủ phạm, thì gặp được năm số điện thoại xuất phát từ Hà Nội, hằng đêm mượn đỡ mật khẩu của gã mà chui vào "internet". Tổng đài chỉ dẫn cho gã một số việc cần phải làm ngay như sau :

- Một là phải quét "virus", hai là phải thay đổi mật khẩu, ba là giới hạn số điện thoại truy nhập nếu không phải là dân áp phe, áp chảo, luôn đi đây đi đó. Bốn là có thể làm đơn khiếu nại.

Tháng đó gã tốn thêm gần một trăm đô la, trả cho những lần truy nhập chui của bọn tin tặc "ác ôn côn đồ" này. Làm đơn khiếu nại, thì được bưu điện nhận đơn và trả lời :

- Hãy đợi đấy, chừng nào ngoài Hà Nội thu hồi được số tiền trên thì sẽ hoàn trả lại cho ông.

Thế nhưng, cho tới ngày hôm nay đã gần hai năm rồi mà bưu điện vẫn cứ êm ru bà rù. Nếu hỏi tới thì lần nào cũng nhận được một câu trả lời như nhau :

- Chưa thấy ngoài ấy nói gì. Hãy đợi đấy thêm một thời gian nữa.

Đúng là :

- Con kiến mà kiện củ khoai,

Nhoc nhần chẳng được một ai đoái hoài.

Thôi thì mặc cho bọn chúng được đời này. Một trăm đô có là bao. Chỉ là chuyện nhỏ thôi mà.

Hơn thế nữa, bọn tin tặc còn "ngâm kiu" và tìm cách tung "virus" vào để phá những mạng lưới của những đại gia như Microsoft...để làm giảm uy tín của những đại gia này. Thế nhưng, chẳng hiểu những đại gia này có hề hấn sút mẻ gì không, chứ riêng người tiêu dùng, nếu chẳng may bị sao quả tạ chiếu tướng, máng vào những thứ "virus" ấy là lãnh theo, lại phải thêm một phen sắt bất xang bang, tìm thầy chạy chữa cho máy được hoạt động bình thường và cho những tài liệu mình chẳng chiu viết ra hay tổn công thâm lượm không bị bay hơi theo mây khói.

Ngoài ra, chúng còn thả "virus" vào để làm tê liệt các máy vi tính, sau đó tung ra thị trường những phần mềm để diệt "virus" ấy. Và thế là chúng cứ việc ung dung ngồi nhà mà hốt bạc của thiên hạ. Tuy nhiên, chúng khó mà lấy được đồng tiền của dân Việt Nam, bởi vì nạn sao chép lung tung rất thịnh hành ở đất nước này. Coi tác quyền như pha. Chẳng thế mà khi đại gia Microsoft chưa chính thức tung ra thị trường chương trình XP, thì tại Việt Nam đã thấy xuất hiện ê hề, thiên hạ mặc sức sử dụng, mà chẳng tốn kém bao nhiêu.

Cũng vì những con "virus" có thể làm tê liệt các máy vi tính, nên trong vụ mất điện vừa qua ở một số tiểu bang vùng đông bắc nước Mỹ, người ta đưa ra giả thuyết cho rằng bọn khủng bố tấn công vào các máy tính điều hành, khiến cho lưới điện không còn hoạt động được nữa. Nếu như một ngày nào đó, bọn tin tặc làm tê liệt toàn bộ các máy tính trên thế giới, thì nhân loại chắc chắn sẽ điên cái đầu mất thôi. Khởi đầu thì máy móc lệ thuộc vào con người, nhưng rồi sẽ tới lúc người lệ thuộc vào máy móc!!!

Hơn thế nữa bọn tin tặc, giống như những tình báo, những điệp viên kiểu 007, đột nhập vào những mạng lưới quan trọng, chẳng hạn bộ Quốc phòng, bộ Kinh tế, dinh Tổng thống, phòng thí nghiệm hay các xí nghiệp để ăn cắp những thông tin về quân sự và kinh tế...Sau đó, chúng bán những thông tin quý giá và tối mật này để kiếm lời, nhưng lại gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho nền an ninh và phát triển của quốc gia.

Sau cùng là tình tặc.

Tình tặc là ăn cướp tình yêu. Tình tặc thường chỉ có một người và không mấy khi dùng tới sức mạnh và bạo lực.

Thực vậy, ngày hôm nay người ta đang sống trong thời đại văn minh vi tính, đâu còn cái cảnh chặn đường bắt cóc cô dâu đem về nhà mình, bắt kể cô dâu ấy có yêu thương mình hay không miễn sao mình thương yêu cô ấy là đủ rồi.

Ngày hôm nay người ta đang sống trong thời đại "tự do luyện ái", chuyện ăn cơm trước kẻng chỉ là chuyện thường ngày ở huyện, lắm lúc chưa lấy nhau mà "con ong đã tỏ đường đi lối về", đâu còn cái cảnh tới ngày cưới mà chú rể vẫn chưa biết mặt cô dâu, vì đạo nghĩa các cụ đã dạy "nam nữ thọ thọ bất tương thân", để rồi nhà gái đánh tráo cô chị làm cô em mà anh dũng tiến lên làm vợ cho chú rể.

Không dùng bạo lực và sức mạnh đã đành, mà hơn thế nữa, những đòn phép của tên tình tặc nhiều lúc lại còn ngọt ngào và quyến rũ.

Chẳng hạn chàng và nàng ngồi "chat" với nhau trên mạng. Lúc đầu chỉ là trò chuyện băng quơ, nhưng rồi dần dần chàng vẽ nên những hình ảnh tuyệt vời về mình nào là đẹp giai, học giỏi, con nhà giàu, kèm theo một tương lai tươi sáng đang chờ đón...khiến cho nàng mê tít thò lò. Và thế là cá đã cắn câu, họ hẹn gặp nhau, rồi yêu nhau và tiến tới hôn nhân, vì mục đích của chàng là phải làm thế nào chớp được cái tình của nàng. Khi đã lấy nhau, thì bộ mặt thật của chàng mới tỏ lộ. Rõ ràng là một tên lừa đảo. Bản thân của chàng chỉ là hạng khổ rách áo ôm. Lúc bấy giờ nàng mới mở mắt ra, hối hận thì cũng đã quá muộn mất rồi.

Chẳng hạn trước những lời hứa hẹn đầy hấp dẫn, nhiều cô gái Việt Nam đã ôm mộng lấy chồng nước ngoài, theo kiểu "tập tễnh người đi tổ cũng đi". Người chồng nước ngoài ấy có thể là một ông Đài Loan, một ông Đại Hàn, hay một ông Việt kiều nào đó...Nhưng rồi đời không như là mơ, nên đời thường giết chết mộng mơ. Đối mặt với sự thật phũ phàng, nhiều cô đã phải cay đắng chấp nhận thực tế bẽ bàng, bởi vì trót dâm lao thì phải theo lao mà thôi. Những cô gái mộng vỡ đáng thương ấy đâu có ngờ mình đã bị ăn trộm tình yêu lúc nào cũng chẳng hay.

Để kết thúc, gã xin ghi lại nơi đây mẫu tin đã được đăng trên báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, số 1149, ra ngày thứ ba 10.6.2003, về một tên đã thực hiện 14 vụ "trộm tình" như sau :

Hắn tên là Trương Minh Hoàng, sinh năm 1983, ở Hợp Tác Xã kinh 7A, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã thực hiện 14 vụ trộm tình đối với các phụ nữ địa phương.

Thủ đoạn của tên Hoàng là lợi dụng lúc đêm khuya, nhà nào có phụ nữ, nhưng ngủ không đóng cửa là y lén vào. Khi vào nhà, tên Hoàng xem người phụ nữ đó đang nằm ngủ với ai, rồi đến tắt hết đèn trong nhà. Sau đó tên trộm chui vào lòng của người phụ nữ, rón rén đến nằm gần họ và làm những việc mà người chồng thường làm với bà vợ trong lúc chăn gối.

Chính vì vậy, tên trộm chỉ thực hiện "trộm tình" đối với các phụ nữ đã có chồng. Một số trường hợp người vợ trong lúc ngủ say nghĩ kẻ trộm là chồng mình nên cứ để hắn ta mặc tình.

Đến lần "trộm" thứ 14 đối với chị P.T.L. thì tên Hoàng mới bị phát hiện và bị bắt giữ. Hôm đó, hắn vào nhà chị L. lúc ấy đã hơn một giờ sáng. Chị L cùng ngủ với hai con, chồng chị ngủ riêng trong buồng. Tên Hoàng đã giả trò "yêu" chị L. và trong lúc hắn đang ngây ngất thì bất ngờ bị chị L. phát hiện ra là không phải chồng mình, liền nắm tóc hắn và kêu cứu với chồng con. Tên Hoàng nhanh chân bỏ chạy, nhưng những người hàng xóm nghe tiếng kêu cứu của gia đình chị L. đã vây bắt được hắn.

Ngày 29.5 Tòa Án Nhân Dân tỉnh đã truyền phạt bị cáo Trương Minh Hoàng 10 năm tù giam về tội trạng này.

Hắn là trên cõi đời này còn nhiều thứ tặc khác nữa, rất mong được quý vị chỉ giáo.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
